



EVNGENCO 3



2⁰¹⁷
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

CHẮC NỀN MÓNG **VỮNG TƯƠNG LAI**



www.genco3.com

03 Điểm nhấn của báo cáo
04 Thông điệp của EVNGENCO 3

06 TỔNG QUAN VỀ EVNGENCO 3

07 Thông tin chung
08 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
09 Văn hóa doanh nghiệp
10 Ngành nghề kinh doanh
11 Cơ cấu cổ đông
11 Thành tựu và Giải thưởng
11 Đối tác tiêu biểu
12 Quá trình hình thành và phát triển
14 Hệ thống các nhà máy và đơn vị thành viên
16 Cơ cấu tổ chức
18 Giới thiệu Ban lãnh đạo & Kế toán trưởng

20 BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO VỀ HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ ĐTXD NĂM 2017

21 Đánh giá hoạt động SXKD và ĐTXD năm 2017
25 Phân tích tình hình tài chính năm 2017

36 KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐTXD NĂM 2018

37 Kế hoạch SXKD và ĐTXD năm 2018
39 Định hướng các giải pháp kinh doanh

42 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN SAU NĂM 2018

43 Thực trạng ngành Điện Việt Nam năm 2017
48 Triển vọng ngành Điện năm 2018
56 Phân tích vị thế cạnh tranh của EVNGENCO 3
60 Định hướng phát triển sau khi cổ phần hóa
63 Các dự án đầu tư nguồn điện
64 Quản trị rủi ro

70 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

71 Các mục tiêu phát triển bền vững của EVNGENCO 3
72 An toàn trong sản xuất – kinh doanh và An toàn sức khỏe nghề nghiệp
75 Công tác bảo vệ môi trường
78 Việc làm và Chính sách liên quan đến người lao động
81 Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội

84 BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)

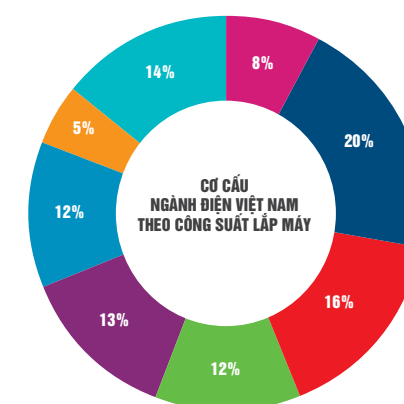
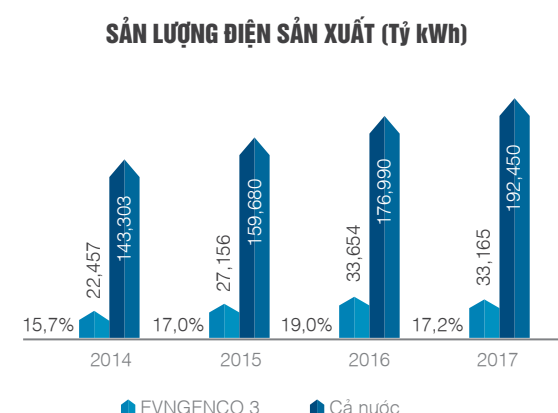
86 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
87 Báo cáo kiểm toán độc lập
90 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
93 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
94 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
96 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CTCP	: Công ty Cổ phần
DTT	: Doanh thu thuần
ĐMT	: Điện mặt trời
ĐTXD	: Đầu tư xây dựng
EVN/Tập đoàn	: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
EVNGENCO 3/ Tổng Công ty	: Tổng Công ty Phát điện 3
KCN	: Khu công nghiệp
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
LNTT	: Lợi nhuận trước thuế
NMND	: Nhà máy Nhiệt điện
NMTĐ	: Nhà máy Thủy điện
QLDA	: Quản lý Dự án
SCL	: Sửa chữa lớn
SXKD	: Sản xuất kinh doanh

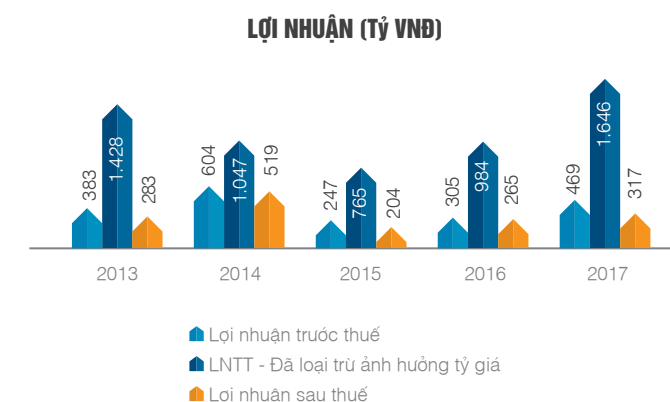
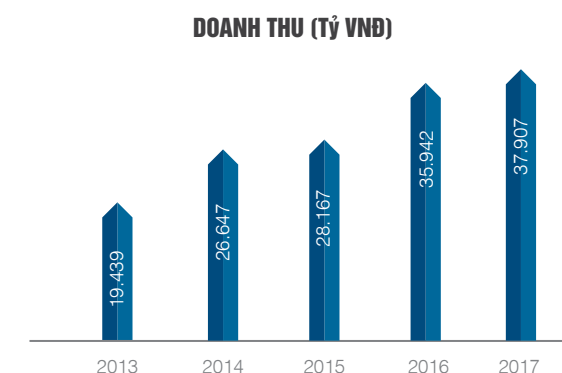
ĐIỂM NHẤN CỦA BÁO CÁO

2.539^{NGƯỜI}
TỔNG SỐ CBCNV CUỐI NĂM 2017



■ EVN
■ EVNGENCO 3
■ EVNGENCO 2
■ EVNGENCO 1
■ PVN
■ Vinacomin
■ CTCP
■ Đầu tư nước ngoài

9 ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
2 CÔNG TY CON
6 CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT





Kính thưa Quý vị Cổ đông, Đối tác và Toàn thể CBCNV,

Hoạt động trong ngành Điện chịu tác động của nhiều yếu tố khó dự báo, nhưng trong năm 2017, với sự nỗ lực của Ban lãnh đạo, tập thể CBCNV, sự hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các cơ quan ban ngành, EVNGENCO 3 đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu sản xuất kinh doanh đề ra. Cụ thể:

- ✦ Sản lượng điện sản xuất đạt 33.165 triệu kWh, bằng 101,92% so với kế hoạch và chiếm 17,2% sản lượng toàn hệ thống điện quốc gia.
- ✦ Tổng doanh thu ghi nhận 38.377,17 tỷ đồng, bằng 108% so với kế hoạch.
- ✦ Lợi nhuận trước thuế loại trừ ảnh hưởng tỷ giá đạt 1.646,45 tỷ đồng, bằng 183% so với kế hoạch.

LÀ NHÀ SẢN XUẤT ĐIỆN NĂNG HÀNG ĐẦU CẢ NƯỚC, EVNGENCO 3 ĐANG ĐỨNG TRƯỚC CƠ HỘI BỨT PHÁ MẠNH MẼ KHI THỊ TRƯỜNG BÁN BUÔN ĐIỆN CẠNH TRANH CHÍNH THỨC ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG TRONG THỜI GIAN TỚI.

Trong năm qua, Tổng Công ty đã tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy và nhân sự của mình cũng như các đơn vị thành viên, không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động, kiện toàn công tác quản lý dự án, nghiên cứu dự án, đảm bảo mọi hoạt động đầu tư đạt hiệu quả cao. Tổng Công ty cũng luôn quan tâm đến yếu tố phát triển bền vững, đảm bảo an toàn tuyệt đối trong vận hành, tuân thủ pháp luật và thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp bảo vệ môi trường.

Những thành tích bước đầu này giúp tạo nền tảng vững chắc để EVNGENCO 3 tiếp tục phát triển bền

vững trong tương lai, đúng với tinh thần của Báo cáo Thường niên năm nay: **“CHẮC NỀN MÓNG - VỮNG TƯƠNG LAI”**.

Năm 2018 chứng kiến nhiều bước ngoặt trong lịch sử hoạt động của EVNGENCO 3, khi Tổng Công ty lần đầu tiên thực hiện IPO, chính thức trở thành công ty cổ phần đại chúng và đăng ký giao dịch cổ phiếu trên UPCoM. Bên cạnh các nhà máy điện khí, nhiệt điện, thủy điện đang vận hành hiệu quả cao, Tổng Công ty sẽ quyết liệt triển khai hàng loạt dự án điện mặt trời, điện khí sử dụng LNG để đón đầu xu hướng năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường, và mở rộng hoạt động dịch vụ sửa chữa nhà máy điện cho khách hàng trong và ngoài Tập đoàn thông qua Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3 (EPS).

Hoạt động nâng cao hiệu quả quản trị sẽ tiếp tục được Ban lãnh đạo chú trọng. Tổng Công ty cũng tập trung vào công tác tái cấu trúc tài chính, giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực từ vốn vay, tỷ giá và tăng cường huy động vốn trên TTCK, đáp ứng nhu cầu vốn cho giai đoạn mở rộng mạnh mẽ sau năm 2018. Là nhà sản xuất điện năng hàng đầu cả nước, EVNGENCO 3 đang đứng trước cơ hội bứt phá mạnh mẽ khi thị trường bán buôn điện cạnh tranh chính thức đi vào hoạt động trong thời gian tới.

Với những bước đi vững chắc từ công tác đầu tư, hiện đại hóa thiết bị, công nghệ, đến quan tâm xây dựng đội ngũ người lao động, nâng cao năng lực chuyên môn, nắm bắt những kinh nghiệm quản lý tiên tiến để bảo toàn và nâng cao hiệu quả đồng vốn, chắc chắn EVNGENCO 3 sẽ tạo được niềm tin của nhà đầu tư và cổ đông.

EVNGENCO 3 chân thành cảm ơn Quý vị đã đồng hành cùng chúng tôi trong thời gian qua, và luôn sẵn sàng đón nhận cơ hội hợp tác với mọi khách hàng, đối tác, nhà đầu tư.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chào.

EVNGENCO 3

12.618 **TỶ VNĐ**
VỐN ĐIỀU LỆ

THÔNG TIN CHUNG

Tên đầy đủ	: Tổng Công ty Phát điện 3
Tên tiếng Anh	: Power Generation Corporation 3
Tên viết tắt	: EVNGENCO 3
Mã chứng khoán	: PGV
Ngày giao dịch đầu tiên trên UPCoM	: 21/03/2018
Giấy CNĐKDN	: Số 3502208399, đăng ký lần đầu ngày 26/11/2012; sửa đổi lần 4 ngày 28/6/2018 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Vốn điều lệ	: 12.618 tỷ đồng (Bằng chữ: Mười hai ngàn sáu trăm mười tám tỷ đồng)
Địa chỉ trụ sở chính	: KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại	: (84.254) 387.6927
Fax	: (84.254) 387.6930
Email	: genco3@genco3.evn.vn
Website	: http://www.genco3.com

01

TỔNG QUAN VỀ EVNGENCO 3

Thông tin chung	07
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	08
Văn hóa doanh nghiệp	09
Ngành nghề kinh doanh	10
Cơ cấu cổ đông	11
Thành tựu và Giải thưởng	11
Đối tác tiêu biểu	11
Quá trình hình thành và phát triển	12
Hệ thống các nhà máy và đơn vị thành viên	14
Cơ cấu tổ chức	16
Giới thiệu Ban lãnh đạo & Kế toán trưởng	18



TẦM NHÌN

Tổng Công ty Phát điện 3 trở thành đơn vị có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao, hoạt động hiệu quả, bền vững, giữ vai trò trọng yếu đối với nền kinh tế đất nước và đảm bảo an ninh năng lượng Quốc gia, phấn đấu trở thành doanh nghiệp phát triển hàng đầu tại Việt Nam và khu vực ASEAN trong ứng dụng công nghệ năng lượng sạch, bảo đảm môi trường gắn liền với phát triển bền vững.



SỨ MỆNH

Đảm bảo sản xuất điện an toàn, liên tục, kinh tế; đầu tư nguồn điện hiệu quả, góp phần giữ vững an ninh năng lượng của Hệ thống điện Quốc gia.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chất lượng - Tín nhiệm, Tận tâm - Trí tuệ, Hợp tác - Chia sẻ, Sáng tạo - Hiệu quả

Hướng đến mục tiêu vì sự phát triển bền vững, EVNGENCO 3 luôn lấy hệ thống giá trị cốt lõi làm kim chỉ nam, là chuẩn mực cho mọi hoạt động của Tổng Công ty.

- ✦ **Chất lượng - Tín nhiệm:** Luôn là nền tảng hoạt động của EVNGENCO 3, chúng tôi xây dựng niềm tin với xã hội bằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ, sự trung thực và tinh thần trách nhiệm trong hành động.
- ✦ **Tận tâm - Trí tuệ:** Là giá trị phong cách phục vụ, làm việc của EVNGENCO 3. Luôn cố gắng thể hiện thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm cao với công việc, hết lòng phục vụ khách hàng.
- ✦ **Hợp tác - Chia sẻ:** Là tinh thần chủ đạo mà EVNGENCO 3 muốn đạt được để hướng đến sự phát triển, thành công của EVNGENCO 3, của EVN và các đối tác của EVNGENCO 3.
- ✦ **Sáng tạo - Hiệu quả:** Môi trường làm việc chuyên nghiệp, thuận lợi cho sự phát huy sáng tạo chính là đòn bẩy mang lại hiệu quả cao giúp EVNGENCO 3 hoàn thành được sứ mệnh và mục tiêu đề ra.

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

01

VĂN HÓA CÔNG VIỆC

Luôn tâm niệm với triết lý kinh doanh: “Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín”, chúng tôi luôn cố gắng làm hết trách nhiệm được giao, luôn hợp tác, chia sẻ kiến thức, thông tin để giải quyết công việc đạt hiệu quả cao nhất, vì lợi ích chung, vì sự phát triển của EVNGENCO 3, EVN.

02

VĂN HÓA GIAO TIẾP

Mọi thành viên trong EVNGENCO 3 đối xử với nhau trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng, sống có tình nghĩa; đoàn kết, hợp tác trên mọi phương diện. Chúng tôi có văn hóa xử sự luôn xuất phát từ nguyên tắc lấy con người làm gốc, luôn lịch thiệp và đúng mực trong giao tiếp.

03

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Với mục tiêu trở thành một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng, đầu tư phát triển nguồn điện tại Việt Nam và khu vực, mọi hoạt động của chúng tôi luôn tuân thủ triết lý kinh doanh: “Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín”, tạo ra những giá trị phát triển bền vững cho EVNGENCO 3.

04

QUAN HỆ VỚI KHÁCH HÀNG

Luôn xem sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng chính là thành công của EVNGENCO 3. Chúng tôi luôn giải quyết nhanh chóng, chính xác những vấn đề mà khách hàng yêu cầu trên quy định của Nhà nước, của Tập đoàn, của EVNGENCO 3.

05

QUAN HỆ VỚI CƠ QUAN CHÍNH QUYỀN, BÁO CHÍ

Trong mối quan hệ này, EVNGENCO 3 luôn luôn tôn trọng người đại diện của chính quyền, cơ quan báo chí, truyền thông; giữ phong thái đúng mực, hòa nhã, lịch sự, cung cấp thông tin ngắn gọn, dễ hiểu, đúng theo chức trách, nhiệm vụ.

06

QUAN HỆ VỚI ĐỐI TÁC

EVNGENCO 3 xây dựng mối quan hệ thân thiện, bền vững với các đối tác trên cơ sở bình đẳng, hai bên cùng có lợi và tin tưởng lẫn nhau. Luôn coi trọng sự tuân thủ pháp luật, cạnh tranh lành mạnh trên cơ sở công nghệ tiên tiến, chất lượng sản phẩm tốt.

07

CAM KẾT VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

EVNGENCO 3 luôn đảm bảo việc làm và đời sống của người lao động ổn định, được quan tâm, chăm sóc đầy đủ quyền lợi về vật chất và tinh thần theo quy định của pháp luật, đồng thời luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng để phát triển.

08

CAM KẾT VỚI CẤP TRÊN

“An toàn, liên tục và kinh tế” – EVNGENCO 3 cam kết hoàn thành tốt nhiệm vụ cấp trên giao, đảm bảo cung cấp điện an toàn, liên tục, kinh tế, góp phần hưng thịnh quốc gia, cam kết tận tâm và trách nhiệm, sáng tạo và hiệu quả khi thực hiện nhiệm vụ.

09

CAM KẾT GIỮ GÌN MÔI TRƯỜNG

EVNGENCO 3 cam kết luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ ngôi nhà chung của nhân loại. Không ngừng nâng cao nhận thức và tham gia tích cực vào các hoạt động nhằm cải tạo, giữ gìn môi trường trong lành, sạch đẹp tại cơ quan cũng như trong cộng đồng.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- 

1 Sản xuất và kinh doanh điện năng;
- 

2 Đầu tư và quản lý nguồn vốn đầu tư các dự án nguồn điện; các dự án năng lượng mặt trời, năng lượng tái tạo;
- 

3 Quản lý, vận hành sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, cơ khí, điều khiển, tự động hóa thuộc dây chuyền sản xuất điện, công trình điện; thí nghiệm điện; cơ khí điện lực;
- 

4 Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập dự toán; tư vấn thẩm tra và giám sát thi công công trình nguồn điện và các công ty lưới điện đồng bộ các dự án nguồn điện và các công trình lưới điện đồng bộ các dự án nguồn điện; tư vấn hoạt động chuẩn bị sản xuất cho các nhà máy điện;
- 

5 Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

NGÀNH NGHỀ LIÊN QUAN
PHỤC VỤ TRỰC TIẾP NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- 

Thi công lắp đặt các công trình điện và công trình xây dựng;
- 

Xuất nhập khẩu nhiên liệu, nguyên vật liệu, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất điện;
- 

Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu cách điện, vật liệu cách nhiệt; trang bị bảo hộ lao động;
- 

Tư vấn quản lý dự án, tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn đấu thầu, lập dự toán và giám sát thi công công trình viễn thông - công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp và dân dụng;
- 

Khai thác, xử lý và cung cấp nước.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 21/3/2018

Cổ đông	Số lượng cổ phần (CP)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ VDL (%)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	1.061.355.233	10.613.552.330.000	99,19%
Cán bộ công nhân viên	1.464.700	14.647.000.000	0,14%
Nhà đầu tư bên ngoài	7.149.644	71.496.440.000	0,67%
Tổng cộng	1.069.969.577	10.699.695.770.000	100,00%

THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG

Cờ thi đua của **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** cho việc hoàn thành xuất sắc toàn diện nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Điện lực Việt Nam năm 2013 và 2014.

Cờ thi đua của **BỘ CÔNG THƯƠNG** cho thành tích hoàn thành xuất sắc, toàn diện nhiệm vụ công tác năm 2016.

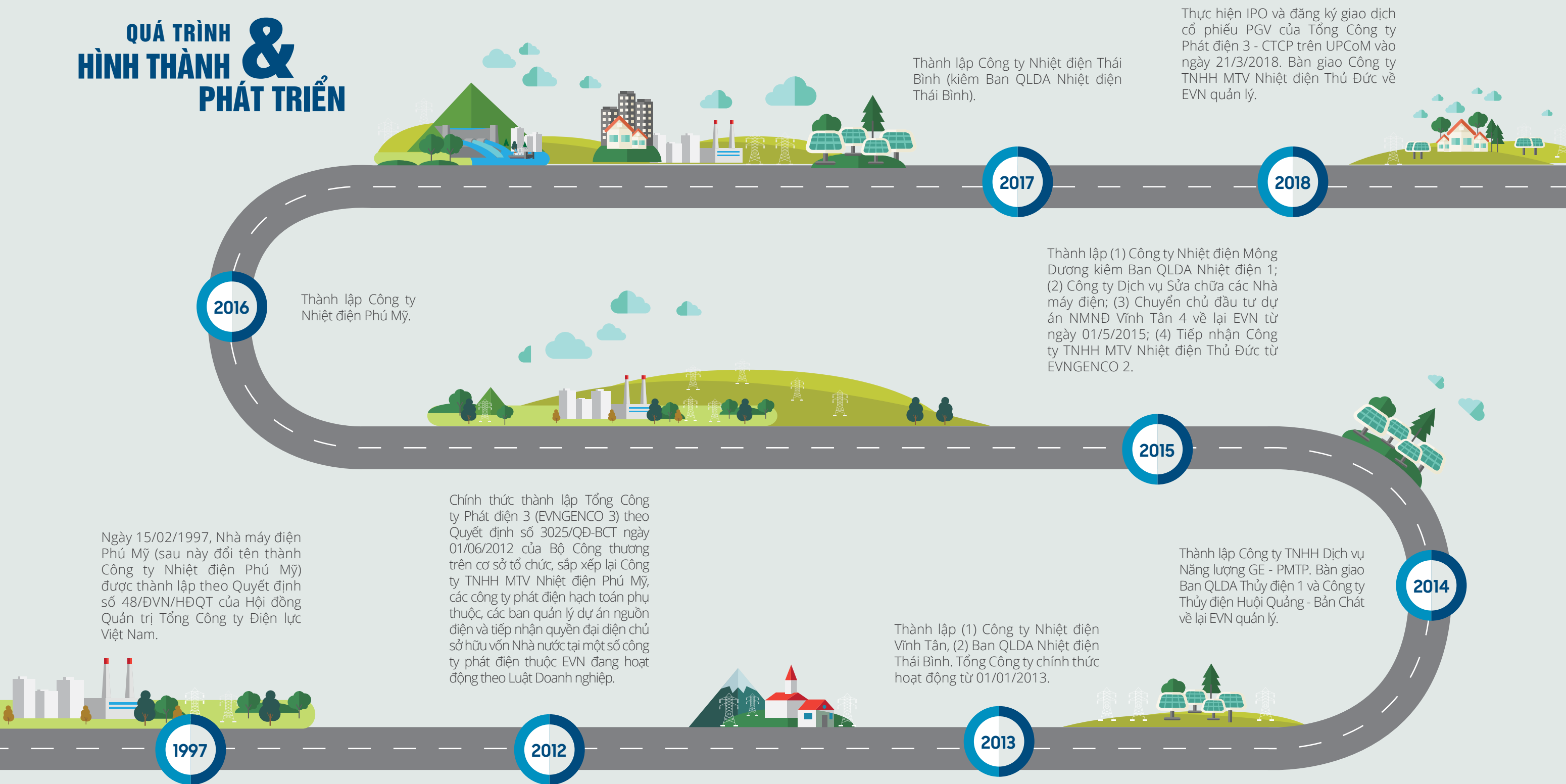
Và nhiều Bằng khen của **BỘ CÔNG THƯƠNG, TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM** trao cho các cá nhân, tập thể xuất sắc vì đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp phát triển của Tổng Công ty.



ĐỐI TÁC TIÊU BIỂU



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



HỆ THỐNG & CÁC NHÀ MÁY ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

01. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC TẠI NGÀY 31/12/2017

STT	Tên Công ty	Công suất (MW)	Hoạt động
1	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	2.540	Quản lý vận hành 04 nhà máy nhiệt điện: Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 4, Phú Mỹ 2.1 và Phú Mỹ 2.1 MR
2	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	586	Quản lý vận hành 3 NMTĐ: Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, Srêpốk 3
3	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	1.244	Quản lý vận hành NMNĐ Vĩnh Tân 2, Quản lý vận hành thuê NMNĐ Vĩnh Tân 4
4	Công ty Nhiệt điện Mông Dương	1.080	Quản lý vận hành NMNĐ Mông Dương 1
5	Công ty Nhiệt điện Thái Bình	-	Quản lý vận hành thuê NMNĐ Thái Bình 1
6	Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3	-	Cung cấp dịch vụ sửa chữa cho các nhà máy điện
7	Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	-	QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân 2, cơ sở hạ tầng của Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân; là đại diện của Tư vấn QLDA (EVNGENCO 3) để thực hiện QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng cho chủ đầu tư (EVN)
8	Ban QLDA Nhiệt điện 1	-	QLDA NMNĐ Mông Dương 1
9	Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình	-	QLDA NMNĐ Thái Bình 1
Tổng cộng		5.450	

02. CÁC CÔNG TY CON TẠI NGÀY 31/12/2017

STT	Tên Công ty	Công suất (MW)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của EVNGENCO 3 (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3 (%)	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
1	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	240	100.000	121.540	100	Sản xuất điện năng
2	Công ty CP NĐ Bà Rịa (BTP)	390	604.856	481.236	79,56	Sản xuất điện năng
3	Công ty CP NĐ Ninh Bình (NBP)	100	128.655	70.454	54,76	Sản xuất điện năng
Tổng cộng		730		673.230		

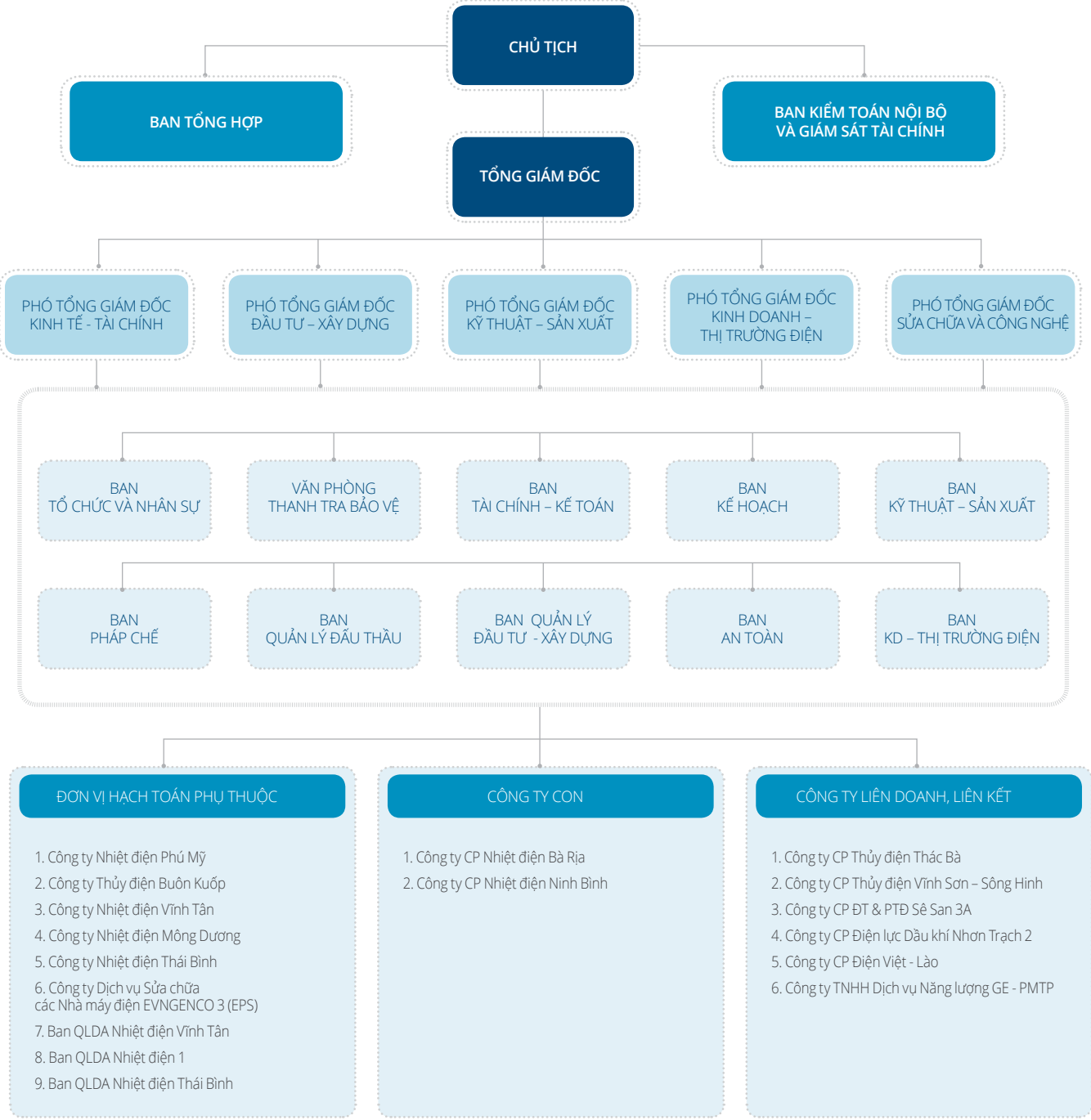
Ghi chú: Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức chuyển từ EVNGENCO 3 về EVN từ ngày 01/01/2018.

03. CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT TẠI NGÀY 31/12/2017

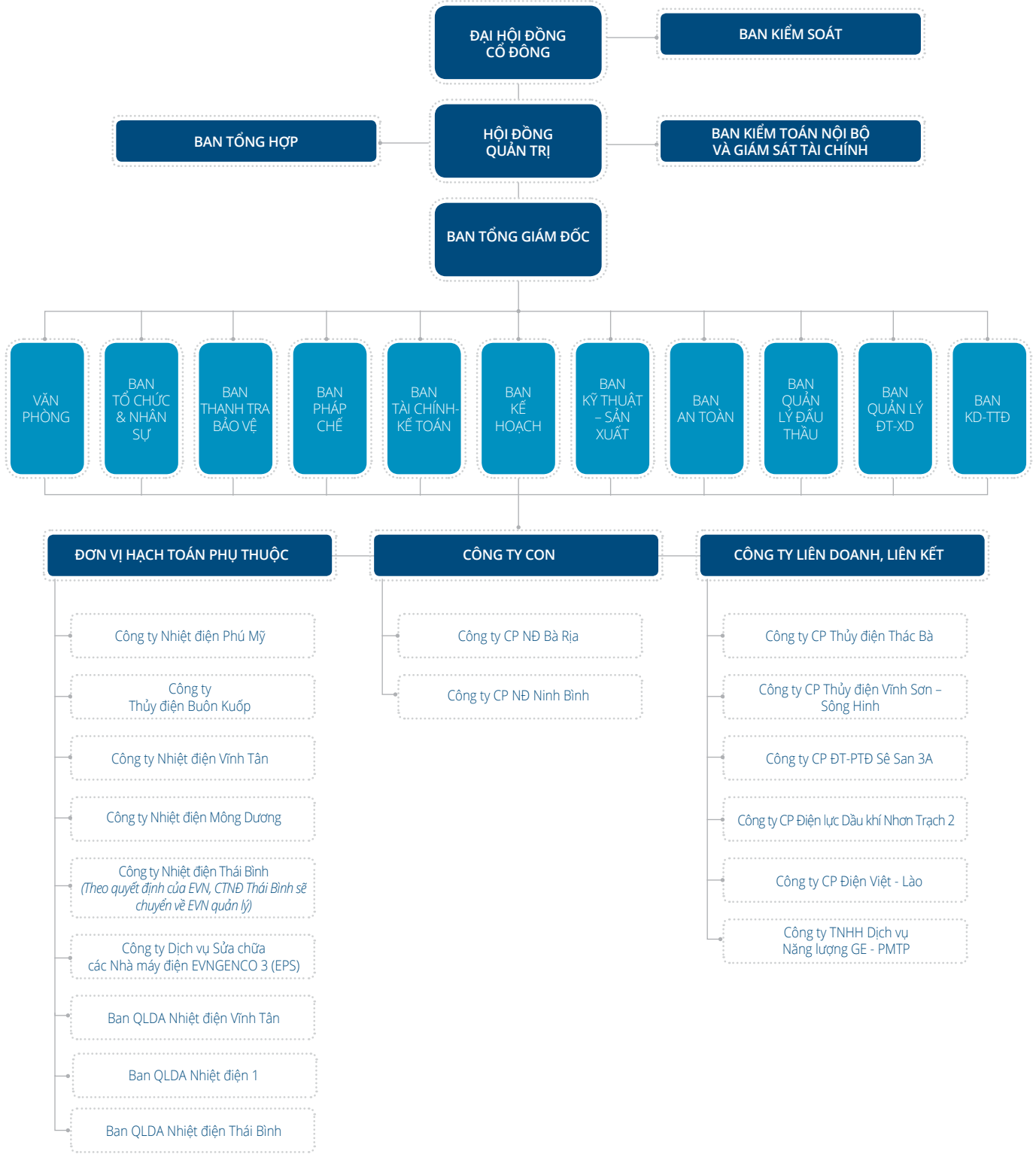
STT	Tên Công ty	Công suất (MW)	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn góp của EVNGENCO 3 (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu của EVNGENCO 3 (%)	Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu
1	CTCP TĐ Thác Bà (TBC)	120	635.000	190.500	30	Sản xuất điện năng
2	CTCP TĐ Vĩnh Sơn - Sông Hinh (VSH)	136	2.062.412	517.058	30,55	Sản xuất điện năng
3	CTCP ĐT&PT điện Sê San 3A	108	280.000	84.000	30	Sản xuất điện năng
4	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)	750	2.878.760	64.000	2,5	Sản xuất điện năng
5	CTCP Điện Việt - Lào	651	3.250.000	19.600	0,60	Sản xuất điện năng
6	Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE - PMTP	-	496.424	74.464	15	Dịch vụ ngành năng lượng
Tổng cộng		1.765		949.622		



CƠ CẤU TỔ CHỨC HIỆN TẠI



CƠ CẤU TỔ CHỨC DỰ KIẾN SAU KHI TRỞ THÀNH CTCP



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO & KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông **NGUYỄN VĂN LÊ**
CHỦ TỊCH

- Năm sinh: 1959
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kỹ thuật Hệ thống điện, Thạc sỹ Hệ thống điện, Cử nhân Vật lý chuyên ngành Điện tử Hạt nhân, Cử nhân QTKD



Ông **ĐINH QUỐC LÂM**
TỔNG GIÁM ĐỐC

- Năm sinh: 1973
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Hệ thống điện



Ông **CAO MINH TRUNG**
PHÓ TGD SỬA CHỮA VÀ CÔNG NGHỆ

- Năm sinh: 1963
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy



Ông **LÊ VĂN DANH**
PHÓ TGD ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG

- Năm sinh: 1974
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Điện - Điện tử



Ông **TRƯƠNG QUỐC PHÚC**
PHÓ TGD KINH TẾ - TÀI CHÍNH

- Năm sinh: 1961
- Trình độ chuyên môn: Đã hoàn thành Chương trình Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Tài chính - Kế toán



Ông **PHAN THANH XUÂN**
PHÓ TGD KỸ THUẬT - SẢN XUẤT

- Năm sinh: 1961
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Thiết bị điện



Ông **NGUYỄN THANH TRÙNG DƯƠNG**
PHÓ TGD KINH DOANH - THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

- Năm sinh: 1970
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Mạng và Hệ thống điện, Kỹ sư Kỹ thuật điện



Bà **NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**
KẾ TOÁN TRƯỞNG

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Cử nhân QTKD

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

TÌNH HÌNH CUNG CẤP NHIÊN LIỆU VÀ THỦY VĂN

Nhiên liệu khí: Các nhà máy điện Phú Mỹ sử dụng khí thiên nhiên là nhiên liệu chính, dầu DO là nhiên liệu dự phòng. Các nhà máy điện khí sử dụng khí đốt từ nguồn khí Nam Côn Sơn (hợp đồng dài hạn cung cấp đến năm 2023) và nguồn khí Cửu Long.

Hiện nay trữ lượng cung cấp khí tại mỏ Lan Tây-Lan Đỏ đang trong xu hướng suy giảm. Đây là mỏ khí lớn nhất tại bể Nam Côn Sơn và cung cấp phần lớn khí đầu vào cho nhà máy nhiệt điện khí. Nhằm ổn định nguồn cung cấp khí, đường ống Nam Côn Sơn 2 đã được đưa vào khai thác từ năm 2015 để đáp ứng nhu cầu vận chuyển khí mỏ Đại Hùng, Thiên Ứng và trong thời gian tới là các mỏ khí mới như Phong Lan Đại (2019), Sư Tử Trắng (2020) cùng hàng loạt các mỏ tiềm năng khác (2022).

Nhiên liệu dầu DO, HFO: Dầu DO, HFO được dùng để khởi động các nhà máy Mông Dương 1, Vĩnh Tân 2

Nhà máy nhiệt điện khí	Nguồn cung cấp khí
Phú Mỹ 1	Bể Nam Côn Sơn
Phú Mỹ 2.1	Bể Nam Côn Sơn Một phần từ bể Cửu Long
Phú Mỹ 2.1 mở rộng	Bể Nam Côn Sơn Một phần từ bể Cửu Long
Phú Mỹ 2.2	Bể Nam Côn Sơn
Phú Mỹ 3	Bể Nam Côn Sơn
Phú Mỹ 4	Bể Nam Côn Sơn Một phần từ bể Cửu Long
Bà Rịa	Bể Cửu Long
Nhà máy nhiệt điện than	Nguồn cung cấp than
Mông Dương 1	Than cám – Nhà cung cấp:
Vĩnh Tân 2	Tập đoàn Công nghiệp
Vĩnh Tân 4	Than - Khoáng sản Việt
Thái Bình 1	Nam và Tổng Công ty
Ninh Bình	Đông Bắc



và đảm bảo vận hành cho các nhà máy điện Phú Mỹ khi thiếu hụt nguồn nhiên liệu chính là khí.

Nhiên liệu than: Nhiên liệu dùng trong sản xuất nhiệt điện than của EVNGENCO 3 là than cám 6a.1 sản xuất trong nước, với nguồn cung từ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam và Tổng Công ty Đông Bắc. Hiện nay, Tổng Công ty đang nghiên cứu đốt than trộn cho NMTĐ Vĩnh Tân 2 với nguồn cung cấp than nhập khẩu. Nguồn nhập than dự kiến đến từ Australia và Indonesia, được cung cấp thông qua cảng Vĩnh Tân.

TÌNH HÌNH THỦY VĂN

Trong năm 2017, tình hình thủy văn thuận lợi, trong đó lưu lượng nước về cao hơn tần suất 65%, các NMTĐ được huy động rất cao và tất cả đều phát vượt kế hoạch sản lượng điện được giao.

CÔNG TÁC SẢN XUẤT ĐIỆN

Sản lượng điện sản xuất năm 2017 của EVNGENCO 3 là 33,165 tỷ kWh, đạt 101,92% so với kế hoạch.

- ✦ Các đơn vị hạch toán phụ thuộc là 29,816 tỷ kWh, đạt 101,07% so với kế hoạch của EVN giao (là 29,500 tỷ kWh).
- ✦ Sản lượng điện của các công ty cổ phần là 3,349 tỷ kWh, đạt 110,14% kế hoạch năm.

CÔNG TÁC SỬA CHỮA LỚN

Thực hiện tốt 18 công trình sửa chữa lớn các tổ máy đảm bảo chất lượng và rút ngắn tiến độ với chi phí là 2.050 tỷ đồng (tiết giảm được 8,24% so với kế hoạch được duyệt, nhờ Tổng Công ty đã quyết liệt thực hiện tối ưu hóa vật tư và nhân công trong quá trình thực hiện).

02

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO VỀ HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ ĐTXD NĂM 2017

Đánh giá hoạt động SXKD và ĐTXD năm 2017	21
Phân tích tình hình tài chính năm 2017	25

CÔNG TÁC
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1 CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẦU TƯ

EVNGENCO 3 đã trình Hồ sơ bổ sung quy hoạch các dự án điện mặt trời tại tỉnh Đắk Lắk, Bình Thuận và Ninh Thuận. Bên cạnh đó, EVNGENCO 3 thực hiện nghiên cứu xúc tiến thỏa thuận địa điểm để lập và bổ sung quy hoạch Trung tâm Điện lực Long Sơn sử dụng khí LNG tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Để chuẩn bị triển khai cho các dự án nêu trên, EVNGENCO 3 từng bước tổ chức nghiên cứu công nghệ tuabin khí chu trình hỗn hợp sử dụng khí hóa lỏng (LNG), công nghệ điện mặt trời, công trình thủy điện vừa và nhỏ.

Các dự án nguồn điện EVNGENCO 3 đang nghiên cứu đầu tư như sau:

A. DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

✦ Dự án Điện mặt trời tại tỉnh Bình Thuận:

- * Ngày 04/4/2018, Bộ Công thương có Quyết định số 1114/QĐ-BCT phê duyệt bổ sung Dự án ĐMT Vĩnh Tân 2 (42,65MWp) vào Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020.
- * Ngày 10/7/2018, UBND tỉnh Bình Thuận đã ra quyết định chủ trương đầu tư dự án.
- * Hiện EVNGENCO 3 đang triển khai lựa chọn nhà thầu EPC, thực hiện các thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn, vật nổ.

✦ Dự án Điện mặt trời tại tỉnh Đắk Lắk: Ngày 02/10/2017, UBND tỉnh đã trình Bộ Công thương phê duyệt bổ sung Dự án ĐMT Buôn Kuốp (50MWp) và Srêpốk 3 (50MWp) vào Quy hoạch

phát triển điện lực tỉnh. Hiện Cục Điện lực và Năng lượng Tái tạo đang thẩm tra để trình Bộ Công thương phê duyệt.

✦ Dự án Điện mặt trời Ninh Phước 7 – 200MWp tại tỉnh Ninh Thuận: Ngày 17/6/2018, UBND tỉnh Ninh Thuận trình Bộ Công thương thẩm định hồ sơ bổ sung quy hoạch dự án.

B. DỰ ÁN NGUỒN ĐIỆN TUABIN KHÍ DÙNG LNG TẠI LONG SƠN

EVNGENCO 3 đã xúc tiến nghiên cứu Dự án Trung tâm Điện lực Long Sơn (3x1.200MW) sử dụng khí LNG. EVNGENCO 3 đã triển khai một số bước như sau:

- ✦ Tháng 9/2017, Thường trực UBND tỉnh có kết luận đồng ý chủ trương cho EVNGENCO 3 nghiên cứu lập dự án đầu tư Trung tâm Điện lực Khí Long Sơn ở khu vực xã Long Sơn – TP. Vũng Tàu.
- ✦ Ngày 23/02/2018, EVNGENCO 3 đã ký kết Biên bản hỗ trợ đầu tư (MOU) với UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc triển khai xúc tiến đầu tư xây dựng Dự án Trung tâm Điện lực Long Sơn.
- ✦ Ngày 07/6/2018, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công thương xem xét cho chủ trương lập quy hoạch địa điểm xây dựng.
- ✦ Ngày 4/7/2018, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 6290/VPCP-CN đề nghị Bộ Công thương phối hợp các Bộ, cơ quan liên quan xem xét báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2 CÔNG TÁC QUẢN LÝ XÂY DỰNG

A. DỰ ÁN NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 2

Hoàn thành thử nghiệm và đưa vào vận hành thương mại tổ máy S1 ngày 30/01/2015 và tổ máy S2 ngày 21/3/2015. EVNGENCO 3 đã cấp FAC của dự án cho nhà thầu.

B. DỰ ÁN CẢNG THAN TTĐL VĨNH TÂN

Hạng mục nạo vét luồng và vũng quay tàu 100.000 DWT: Triển khai thi công đồng bộ và đảm bảo cấp than cho NMNĐ Vĩnh Tân 4.

C. DỰ ÁN NHIỆT ĐIỆN MÔNG DƯƠNG 1

Hoàn thành thử nghiệm và đưa vào vận hành thương mại tổ máy S1 ngày 10/10/2015 và tổ máy S2 ngày 03/12/2015.

EVNGENCO 3 đã phát hành chứng chỉ FAC cho Nhà thầu.

3 CÔNG TÁC TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN

A. DỰ ÁN NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 4

Tổng tiến độ của dự án đến hết năm 2017 đạt 99,39%, đạt và vượt tiến độ theo quy định hợp đồng EPC.

Tổ máy S2: Hoàn thành thử nghiệm và bàn giao vận hành thương mại ngày 06/12/2017 (sớm hơn kế hoạch 20 ngày). HĐNT Nhà nước đã kiểm tra, đồng ý cấp PAC tổ máy.

Tổ máy S1: Đã bàn giao vận hành thương mại ngày 30/3/2018, sớm hơn tiến độ gần 3 tháng. Ngày 19/4/2018, HĐNT Nhà nước đã tổ chức kiểm tra kết quả nghiệm thu hoàn thành Tổ máy S1 và hoàn thành toàn bộ công trình NMNĐ Vĩnh Tân 4 của HĐNT cấp Chủ đầu tư. Theo đó, HĐNT Nhà nước chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư.

B. DỰ ÁN NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN 4 MỞ RỘNG

- ✦ Hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án.
- ✦ Tổng tiến độ của dự án hết năm 2017 đạt khoảng 52,92%, đáp ứng tiến độ kế hoạch.



- ✦ Các mốc tiến độ chính của năm 2018: (1) Nhận điện chạy thử nghiệm vào ngày 17/7/2018 (đã thực hiện), (2) Hoàn thành thử áp lực lò hơi ngày 24/8/2018 (sớm hơn tiến độ Hợp đồng EPC 7 ngày).

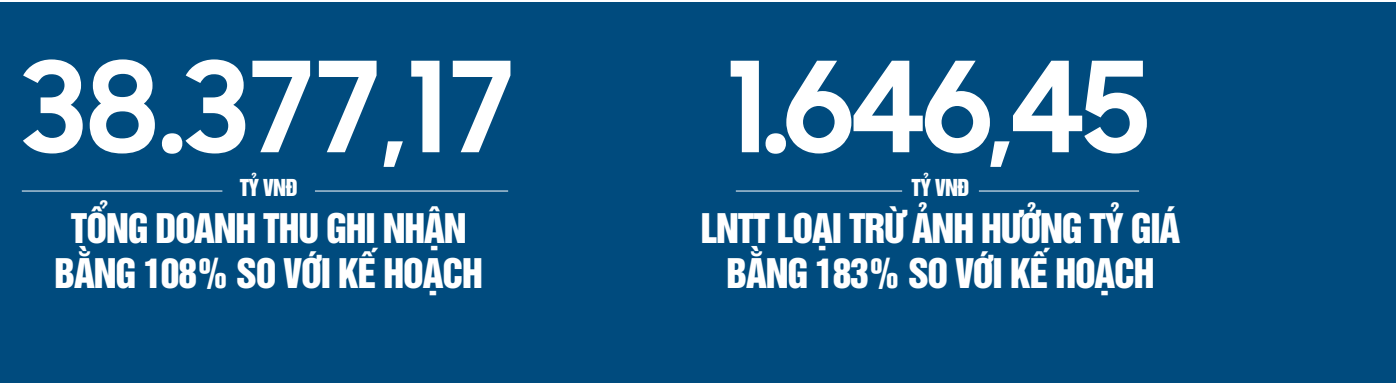
C. DỰ ÁN NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH

Tổ máy 1&2: Đã hoàn thành thử nghiệm (bao gồm chạy chứng minh than trộn đối với Tổ máy 1 và đốt than 5a.2 đối với Tổ máy 2) và bàn giao vận hành thương mại.



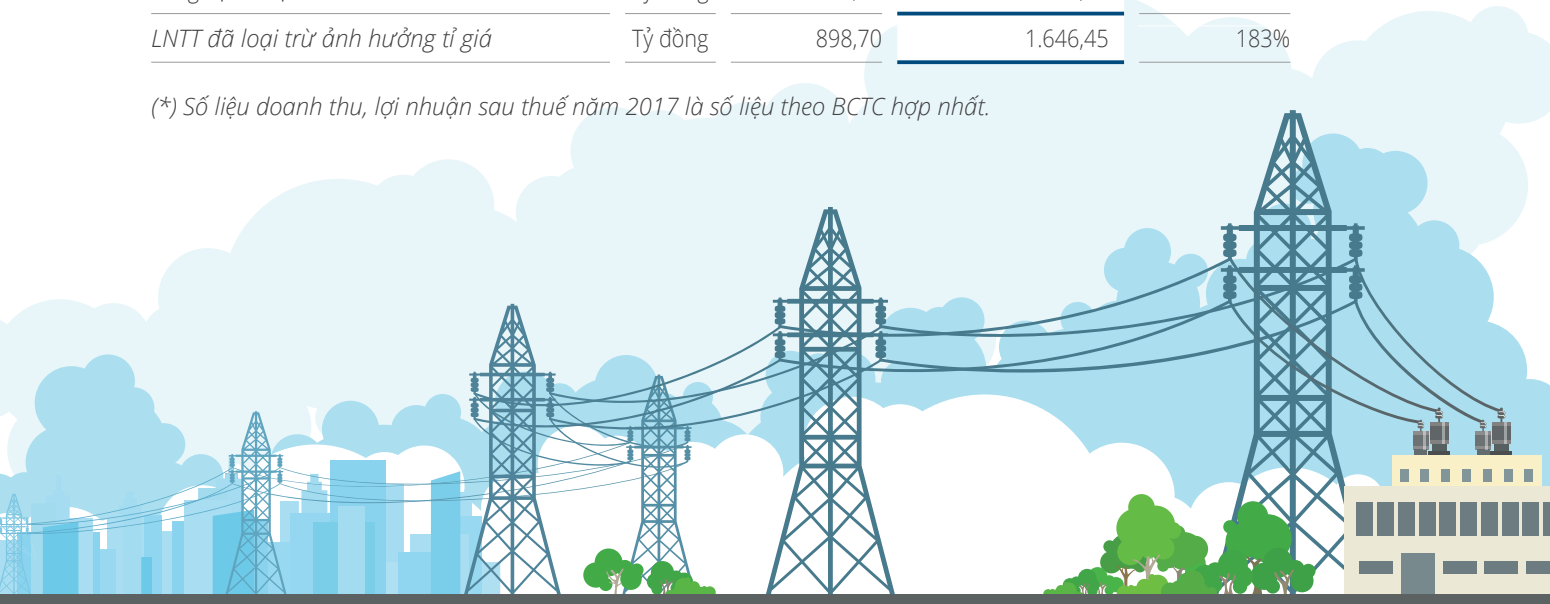
KẾT QUẢ
SẢN XUẤT KINH DOANH

VỚI SỰ NỖ LỰC CỦA BAN LÃNH ĐẠO, TẬP THỂ CBCNV, SỰ HỖ TRỢ CỦA TẬP ĐOÀN VÀ CÁC CƠ QUAN BAN NGÀNH, EVNGENCO 3 ĐÃ HOÀN THÀNH XUẤT SẮC CÁC MỤC TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH ĐỀ RA CHO NĂM 2017. CỤ THỂ:



Chỉ tiêu (*)	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% so với Kế hoạch
Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	35.539,45	38.377,17	108%
Tổng Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	202,10	316,70	157%
LNTT đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá	Tỷ đồng	898,70	1.646,45	183%

(*) Số liệu doanh thu, lợi nhuận sau thuế năm 2017 là số liệu theo BCTC hợp nhất.

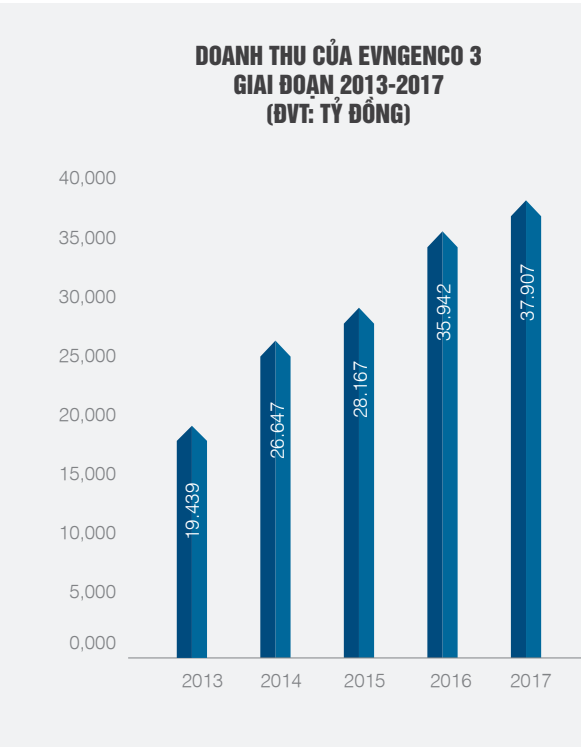


PHÂN TÍCH KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động	2017	2016	Tăng/giảm 2017-2016	
	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng	(%)
Doanh thu	37.907	35.942	1.965	5,5%
Giá vốn hàng bán	33.602	32.402	1.200	3,7%
Lợi nhuận gộp	4.305	3.541	765	21,6%
Doanh thu hoạt động tài chính	207	217	(10)	-4,8%
Chi phí tài chính	3.834	3.283	551	16,8%
Trong đó: Chi phí lãi vay	2.640	2.527	113	4,5%
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	176	134	42	31,1%
Chi phí bán hàng	0	0	0	0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	437	391	46	11,8%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	416	217	199	91,7%
Thu nhập khác	88	117	(29)	-24,9%
Chi phí khác	35	29	6	21,0%
Lợi nhuận khác	52	88	(35)	-40,1%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	469	305	164	53,8%
Lợi nhuận sau thuế	317	265	51	19,3%

1. PHÂN TÍCH DOANH THU

Kết quả kinh doanh năm 2017 tiếp tục đánh dấu những cột mốc khả quan khi doanh thu hợp nhất năm 2017 ghi nhận tăng trưởng 5,5%, đạt hơn 37.907 tỷ đồng. Đây cũng là con số doanh thu cao nhất của EVNGENCO 3 trong 05 năm trở lại. Trong giai đoạn 2013-2017, doanh thu của Tổng Công ty đạt tốc độ tăng trưởng kép lên đến 18,2%, thể hiện khả năng nắm bắt tăng trưởng hiệu quả trước những cơ hội gia tăng thị phần tại khu vực miền Nam.



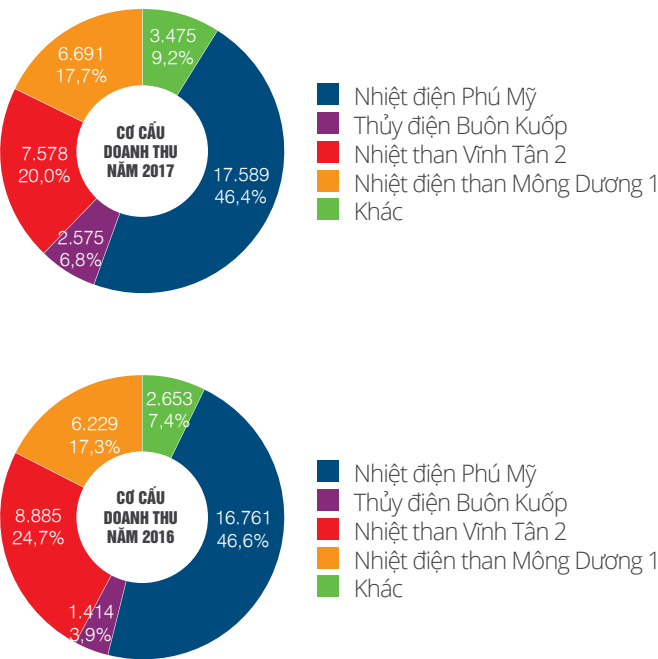
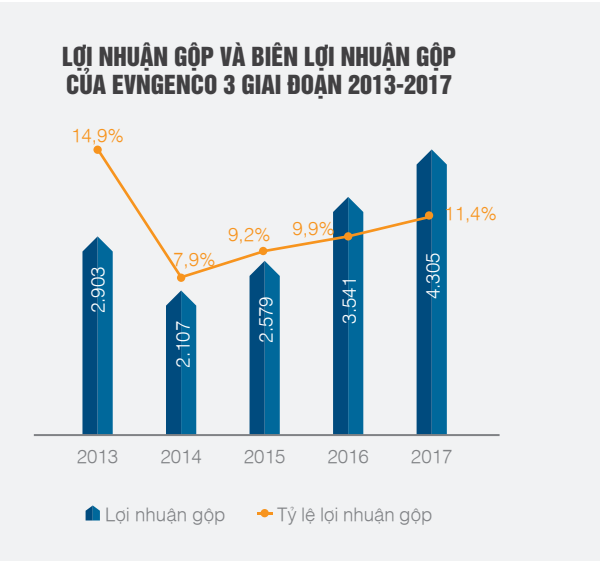
PHÂN TÍCH KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. PHÂN TÍCH DOANH THU (tiếp theo)

Năm 2017, nhiệt điện khí tiếp tục trở thành mảng kinh doanh đóng góp doanh thu chủ đạo cho Tổng Công ty. Trong đó, hệ thống nhiệt điện khí Phú Mỹ là động lực hình thành doanh thu chính với mức đóng góp vào tổng doanh thu năm 2017, đạt gần 17.589 tỷ đồng, chiếm 46,4%. Đứng thứ hai trong cơ cấu doanh thu là Điện than Vĩnh Tân 2 với gần 7.578 tỷ đồng, chiếm 20% tổng doanh thu của Tổng Công ty trong năm 2017. Nhà máy điện than Mông Dương 1 đạt gần 6.691 tỷ đồng, đóng góp 17,7% tổng doanh thu. Nhờ tình hình thủy văn thuận lợi, doanh thu từ Thủy điện Buôn Kuốp tăng 82,1% so với năm trước lên gần 2.575 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 6,8% doanh thu của Tổng Công ty.

2. PHÂN TÍCH LỢI NHUẬN GỘP

Tốc độ tăng trưởng doanh thu năm 2017 chỉ đạt 5,5% nhưng lợi nhuận gộp của Tổng Công ty đã ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 21,6% đạt 4.305 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp năm 2017 của Tổng Công ty đạt 11,4%, gia tăng mạnh so với mức 9,9% của năm 2016. Biên lợi nhuận gộp của EVNGENCO 3 đã liên tục cải thiện kể từ năm 2014 thể hiện hiệu quả quản trị chi phí sản xuất của Tổng Công ty trong những năm qua.



4.305
TỶ VNĐ
LỢI NHUẬN GỘP NĂM 2017
↗ 21,6% SO VỚI 2016

11,4%
BIÊN LỢI NHUẬN GỘP NĂM 2017

Công ty Thủy điện Buôn Kuốp là điểm sáng nổi bật nhất trong năm 2017 với mức tăng trưởng lợi nhuận gộp gấp hơn 2,5 lần, đạt gần 1.750 tỷ đồng. Năm 2017, hiện tượng La Nina khiến chu kỳ mưa kéo dài hơn so với một năm 2016 nắng nóng khô hạn, giúp các nhà máy điện gia tăng công suất sản xuất điện.

Năm 2017, tỷ lệ hoạt động của Thủy điện Buôn Kuốp đạt mức 70%, gia tăng mạnh so với tỷ lệ hoạt động chỉ 42% của năm 2016. Sản lượng điện sản xuất của Thủy điện Buôn Kuốp đạt 3,6 tỷ kWh trong năm 2017, tăng trưởng 63,6% so với năm 2016. Với đặc thù lợi thế kinh tế theo quy mô, tăng trưởng sản lượng điện sản xuất đã thúc đẩy sự tăng trưởng của doanh thu và kéo theo biên lợi nhuận gộp của Thủy điện Buôn Kuốp cải thiện mạnh trong năm 2017.

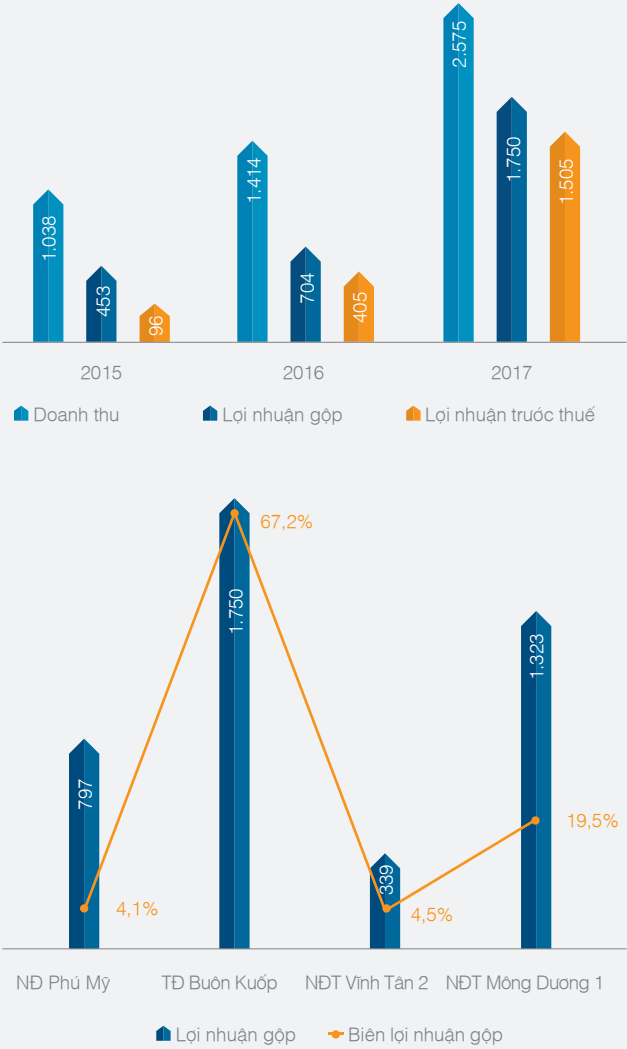
Hệ thống nhiệt điện khí Phú Mỹ ghi nhận sụt giảm biên lợi nhuận gộp do gia tăng chi phí bảo trì, sửa chữa định kỳ và chi phí nhiên liệu trong năm vừa qua. Cụ thể, chi phí sửa chữa năm 2017 ở mức 1.983 tỷ đồng, tăng 25,5% so với năm 2016 do các tổ máy đến chu kỳ sửa chữa lớn theo quy định của nhà chế tạo. Về chi phí nhiên liệu, nguồn cung cấp khí suy giảm do ngừng nguồn cung cấp trong một số thời điểm để bảo dưỡng sửa chữa Lô 06.1 và Lô 11.2. Bên cạnh đó là sự gián đoạn đến từ việc ngừng cấp khí do sự cố khí Nam Côn Sơn ngày 31/8/2017 và dừng các lô khí của hệ thống khí Nam Côn Sơn và Cửa Long từ 24-27/12/2017 do ảnh hưởng cơn bão số 16 (Tempin). Các sự kiện này đã gián đoạn phần nào nguồn cung khí trong năm qua và dẫn đến một số tổ máy tạm thời chuyển sang vận hành dầu trong khoảng thời gian gián đoạn này.

Sự gia tăng chi phí hoạt động đến từ áp lực gia tăng chi phí bảo trì, sửa chữa định kỳ và chi phí nhiên liệu đã kéo theo biên lợi nhuận gộp của hệ thống nhiệt điện khí Phú Mỹ sụt giảm còn 4,1%.

Tuy nhiên, sự sụt giảm biên lợi nhuận gộp của hệ thống nhiệt điện Phú Mỹ không phải là yếu tố tiêu cực khi đây đều là các yếu tố mang tính tạm thời. Ngoài ra, hoạt động sửa chữa, bảo trì sẽ giúp duy trì công suất hoạt động của nhà máy, kéo dài thời gian sử dụng.

Đối với hệ thống nhiệt điện than, hai nhà máy đi vào hoạt động trong năm 2015 là nhà máy Vĩnh

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA
THỦY ĐIỆN BUÔN KUỐP GIAI ĐOẠN 2015-2017



Tân 2 và nhà máy Mông Dương 1 lại ghi nhận tiết giảm tỷ lệ hoạt động trong năm vừa qua, xuất phát từ ảnh hưởng của hiện tượng La Nina. Tỷ lệ hoạt động lần lượt đạt 53% và 50%, đều sụt giảm so với năm 2016. Dù vậy, khác với nhà máy Vĩnh Tân 2, doanh thu của nhà máy điện than Mông Dương 1 vẫn tăng trưởng 7,4 % nhờ giá bán PPA điều chỉnh tăng 3% và tỷ trọng sản lượng sản xuất theo hợp đồng với EVN/sản lượng sản xuất thực tế trong năm 2017 lên đến 117%. Nhờ đó đã giúp nhà máy điện than Mông Dương 1 duy trì biên lợi nhuận gộp ở mức cao 19,5%.

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH
TÀI CHÍNH NĂM 2017

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH
TÀI CHÍNH NĂM 2017

3. PHÂN TÍCH CHI PHÍ

Chi tiết cơ cấu một số chi phí của EVNGENCO 3 trong năm 2017 như sau:

Cơ cấu chi phí (% Doanh thu)	2016	2017
Tỷ lệ chi phí khấu hao	16,22%	13,19%
Tỷ lệ chi phí tài chính	9,09%	10,11%
- Tỷ lệ chi phí lãi vay	7,00%	6,96%
Tỷ lệ chi phí bán hàng	0,00%	0,00%
Tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp	1,09%	1,15%
Tỷ lệ chi phí khác	0,08%	0,09%

5.002
TỶ VNĐ
CHI PHÍ KHẤU HAO NĂM 2017
↘ 14% SO VỚI NĂM 2016

Chi phí khấu hao: Năm 2017, chi phí khấu hao của Tổng Công ty đạt 5.002 tỷ đồng, sụt giảm 14% so với năm 2016.

Chi phí khấu hao giảm trong năm qua là nhờ hệ thống nhà máy điện Phú Mỹ ghi nhận một số tài sản đã hết thời gian khấu hao. Tuy nhiên, nhà máy vẫn duy trì duy tu bảo dưỡng thường xuyên qua các năm để vận hành ổn định, tin cậy, đáp ứng phương thức huy động của hệ thống điện và đảm bảo hoạt động sản xuất điện hiệu quả.

Chi phí tài chính: Tỷ lệ chi phí lãi vay chiếm 6,96% so với doanh thu, sụt giảm nhẹ trong năm 2017.



Dù vậy, tỷ lệ chi phí tài chính vẫn ghi nhận tăng lên 10,11% so với tỷ lệ 9,09% của năm 2016. Tỷ lệ chi phí tài chính gia tăng chủ yếu vì khoản lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản vay có gốc ngoại tệ năm 2015, 2016. Trong năm 2017, Tổng Công ty ghi nhận vào chi phí khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hơn 1.189 tỷ đồng, tăng 64% so với năm 2016.

Chi phí bán hàng/quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong cơ cấu chi phí của EVNGENCO 3, tương ứng 1,15% trong năm 2017. Các khoản mục chi phí này không có sự biến động mạnh trong năm vừa qua.

4. PHÂN TÍCH LỢI NHUẬN SAU THUẾ

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2017 của EVNGENCO 3 đạt 316,7 tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với năm 2016. Doanh thu tăng trưởng cùng biên lợi nhuận được cải thiện là động lực chính giúp Tổng Công ty đạt mức tăng trưởng lợi nhuận khả quan trong năm qua. Biên lợi nhuận sau thuế năm 2017 đạt 0,84%, tăng đáng kể so với mức 0,74% của năm 2016.

5. KẾT QUẢ KINH DOANH LOẠI TRỪ TÁC ĐỘNG TỪ TỶ GIÁ

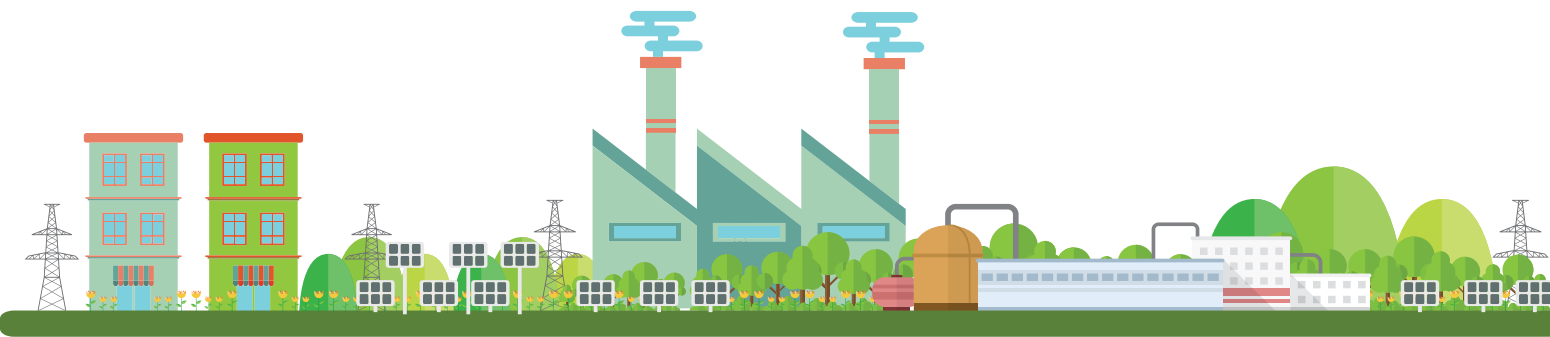
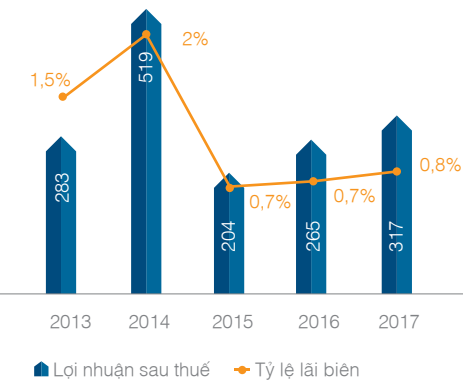
Kết quả kinh doanh của EVNGENCO 3 chịu ảnh hưởng khá lớn từ yếu tố tỷ giá khi các khoản nợ vay của Tổng Công ty được tài trợ với tỷ trọng cao từ nguồn vốn vay nước ngoài bằng các ngoại tệ USD, JPY, CNY và KRW. Nếu loại bỏ các khoản lãi/lỗ tỷ giá từ hoạt động thanh toán và đánh giá lại thì kết quả kinh doanh của EVNGENCO 3 ghi nhận mức tăng trưởng mạnh trong năm vừa qua.

Cụ thể, nếu loại trừ ảnh hưởng của tỷ giá thì lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh hợp nhất đạt hơn 1.594 tỷ đồng trong năm 2017, tăng trưởng gần 78% so với năm 2016. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 1.646 tỷ đồng, tăng trưởng 67,4% so với năm 2016.

KẾT QUẢ KINH DOANH LOẠI TRỪ TÁC ĐỘNG TỶ GIÁ

Đvt: Tỷ đồng						
Năm	2013	2014	2015	2016	2017	2017 so với 2016
Lợi nhuận gộp	2.903	2.107	2.579	3.541	4.305	21,6%
Lợi nhuận tài chính (đã loại trừ lãi/lỗ tỷ giá)	(1.078)	(1.039)	(1.662)	(2.387)	(2.450)	2,6%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.607	1.032	782	896	1.594	77,9%
Lợi nhuận khác	(179)	15	(17)	88	52	-40,1%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.428	1.047	765	984	1.646	67,4%

LỢI NHUẬN SAU THUẾ VÀ BIÊN LNST
CỦA EVNGENCO 3 NĂM 2017



PHÂN TÍCH
VỊ THẾ TÀI CHÍNH

Năm	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng tài sản	80.744	83.168	84.655	85.590	81.385
Tài sản ngắn hạn	11.158	11.097	13.913	18.786	18.797
Tài sản dài hạn	69.586	72.071	70.742	66.805	62.589
Nợ phải trả	67.670	72.146	75.974	76.862	71.595
Nợ ngắn hạn	18.927	16.954	10.577	10.611	12.903
Nợ dài hạn	48.743	55.192	65.397	66.251	58.691
Vốn chủ sở hữu	12.778	11.022	8.680	8.729	9.790

TÀI SẢN & NGUỒN VỐN

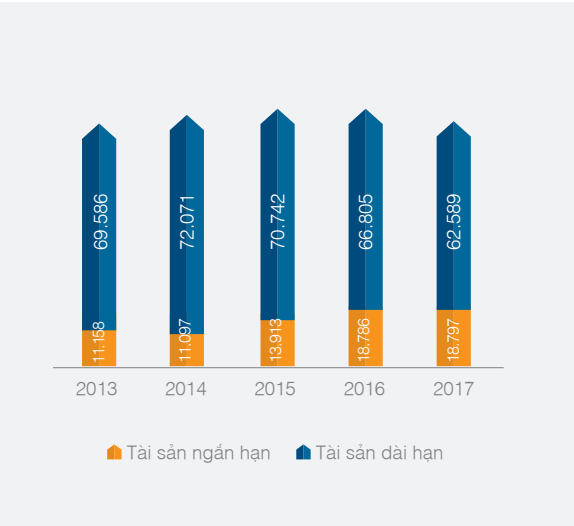
Sự phân bổ cơ cấu tài sản và nguồn vốn hợp lý đã giúp duy trì sự hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của EVNGENCO 3. Tổng Công ty luôn tuân thủ ba nguyên tắc trong quản trị tài chính:

- ✦ Tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh sản xuất điện.
- ✦ Không đầu tư vốn dàn trải.
- ✦ Ưu tiên sử dụng nguồn vốn dài hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh.

Hiểu rõ bản chất hoạt động sản xuất điện với chi phí đầu tư tài sản cố định cao, thời gian hoàn vốn dài, do đó EVNGENCO 3 luôn ưu tiên sử dụng nguồn vốn dài hạn để đầu tư cho hoạt động kinh doanh.

1. TÀI SẢN

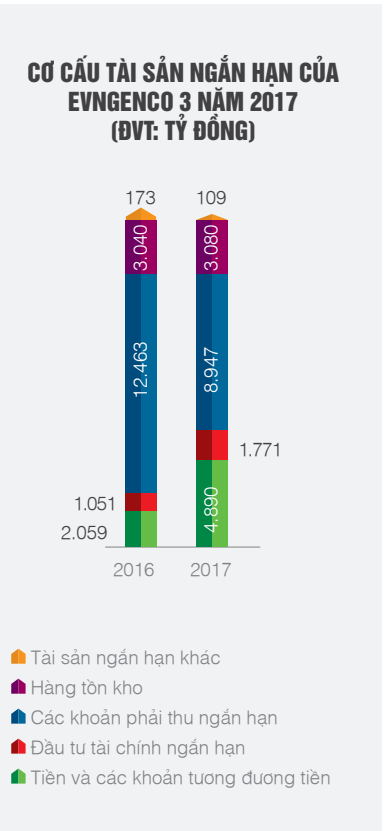
Tính đến cuối năm 2017, Tổng tài sản của EVNGENCO 3 đạt 81.385 tỷ đồng, sụt giảm 5% so với cuối năm 2016. Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng cao nhất với gần 77% tổng tài sản. Trong khi đó, Tài sản ngắn hạn không có nhiều thay đổi về giá trị, chiếm hơn 23% tổng tài sản với 18.797 tỷ đồng.



1.1 TÀI SẢN NGẮN HẠN

Tính đến cuối năm 2017, Tài sản ngắn hạn đạt 18.797 tỷ đồng, tăng trưởng 0,1% so với cuối năm 2016. Tiền và các khoản tương đương tiền tăng trưởng 138%, đạt 4.890 tỷ đồng. Sự tăng trưởng mạnh của các khoản tiền và tương đương tiền đến từ sự hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, kéo theo sự thặng dư lớn của dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2017. Bên cạnh đó, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng cũng gia tăng mạnh hơn 68% trong năm qua.

Các khoản phải thu ngắn hạn đạt 8.947 tỷ đồng, sụt giảm 28% so với thời điểm cuối năm 2016. Sự sụt giảm khoản phải thu ngắn hạn đến từ các khoản phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Tính đến cuối năm 2017, khoản phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam chỉ còn hơn 98 tỷ đồng, giảm 97,7% so với thời điểm cuối năm 2016.



1.2 TÀI SẢN DÀI HẠN

Tính đến cuối năm 2017, Tài sản dài hạn của Tổng Công ty đạt 62.589 tỷ đồng, sụt giảm 6,3% so với cuối năm 2016 và chiếm 77% tổng tài sản. Trong đó, Tài sản dài hạn của Công ty tập trung ở khoản mục Tài sản cố định với tỷ trọng 70% tổng tài sản.

So với năm 2016, nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng nhẹ 0,27% và đang đứng ở mức 109.272 tỷ đồng, chủ yếu do các dự án đầu tư xây dựng cơ bản dở dang được hoàn thiện và đưa vào tài sản cố định trong năm 2017.

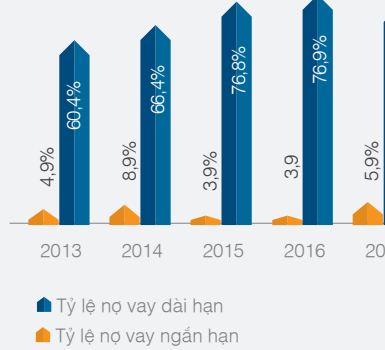
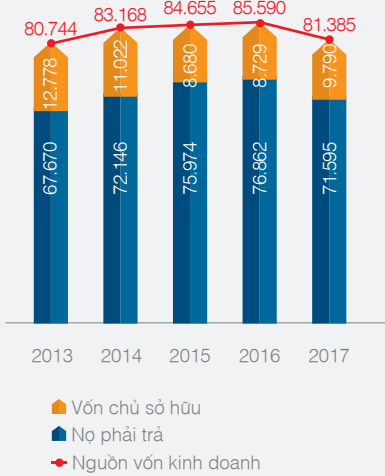
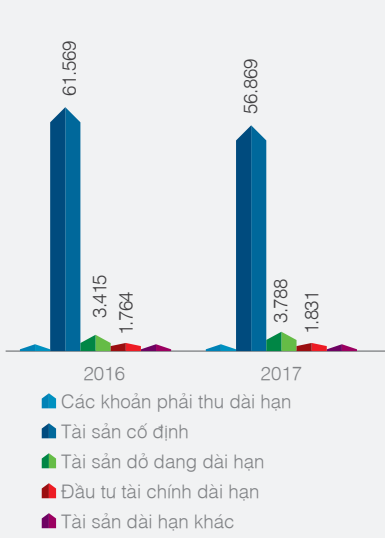
2. NGUỒN VỐN

Vốn chủ sở hữu chiếm 12% nguồn vốn kinh doanh, tương ứng 9.790 tỷ đồng. Nợ phải trả chiếm 88% với 71.595 tỷ đồng.

2.1 NỢ PHẢI TRẢ

Tính đến cuối năm 2017, Nợ phải trả của EVNGENCO 3 đang ở mức 71.595 tỷ đồng, sụt giảm mạnh 7% so với cuối năm 2016. Nợ phải trả tập trung chủ yếu ở Nợ dài hạn với 58.691 tỷ đồng, chiếm 72,1% tổng nguồn vốn kinh doanh. Nợ ngắn hạn đạt 12.903 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng hơn 15,8% tổng nguồn vốn.

Nợ ngắn hạn tăng 21,6% lên mức 12.903 tỷ đồng chủ yếu do kết chuyển từ các khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả. Các khoản nợ vay ngắn hạn đều được trả toán ngay trong năm tài chính vừa qua. Điều này cho thấy EVNGENCO 3 luôn ưu tiên chiến lược sử dụng nguồn vốn dài hạn để tài trợ cho hoạt động kinh doanh.



PHÂN TÍCH
VỊ THẾ TÀI CHÍNH

2.2 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2017, Nguồn vốn chủ sở hữu đạt 9.790 tỷ đồng, tăng 12,2% so với năm trước và chiếm 12% nguồn vốn kinh doanh.

Trong cơ cấu vốn chủ sở hữu, Vốn góp của chủ sở hữu đạt 10.562 tỷ đồng, chiếm 13% tổng nguồn vốn. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đạt 881 tỷ đồng, chiếm 1% tổng nguồn vốn tính đến cuối năm 2017.



PHÂN TÍCH
DÒNG TIỀN

Trong năm 2017, lưu chuyển tiền thuần trong năm của EVNGENCO 3 đạt 2.831 tỷ đồng, gia tăng 1.930 tỷ đồng so với năm 2016. Các chỉ tiêu dòng tiền trọng yếu được thể hiện cụ thể như sau:

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	2013	2014	2015	2016	2017
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	7.190	9.831	(413)	4.019	6.720
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(21.989)	(27.893)	(3.580)	(3.087)	(1.927)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	16.514	17.689	2.889	(31)	(1.961)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.716	(373)	(1.104)	901	2.831
Tiền và tương đương tiền đầu năm	-	2.634	2.261	1.157	2.059
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2.634	2.261	1.157	2.059	4.890

Hoạt động kinh doanh chính tiếp tục là động lực mang lại dòng tiền chủ đạo cho EVNGENCO 3 trong năm 2017 khi mang về gần 6.720 tỷ đồng.

Trong năm qua, dòng tiền chi mua TSCĐ và tài sản dài hạn khác chỉ còn 1.449 tỷ đồng, giảm mạnh so với năm 2016, khi Tổng Công ty đã hoàn thiện đáng kể các hoạt động đầu tư TSCĐ. Ở chiều ngược lại, Tổng Công ty đã gia tăng dòng tiền chi đầu tư tiền gửi ngắn hạn với khoảng 1.651 tỷ đồng trong năm 2017, nhằm tận dụng dòng tiền nhàn rỗi.

Giải ngân cho hoạt động tài chính trong năm tăng mạnh lên mức 1.961 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là chi trả nợ gốc vay với 3.432 tỷ đồng và chi trả cổ tức cho cổ đông với 21 tỷ đồng.

Với sự gia tăng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh cùng việc giảm các dòng tiền chi cho hoạt động đầu tư đã giúp khoản mục Tiền và tương đương tiền cuối kỳ đạt 4.890 tỷ đồng, tăng trưởng 138% so với năm 2016.

PHÂN TÍCH
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đvt	2014	2015	2016	2017
1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán					
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	lần	0,65	1,32	1,77	1,46
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,52	1,06	1,47	1,21
Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	0,13	0,11	0,19	0,38
2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động					
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	26,93	46,97	59,98	75,47
Kỳ lưu kho bình quân	ngày	27,22	30,39	31,41	33,24
Kỳ trả tiền bình quân	ngày	111,09	95,83	63,33	63,57
Vòng quay tổng tài sản	lần	0,33	0,34	0,42	0,45
Vòng xoay tài sản cố định	lần	0,66	0,71	0,56	0,64
3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời					
Hệ số lợi nhuận gộp	%	7,91%	9,16%	9,85%	11,36%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	2,21%	0,94%	0,60%	1,10%
Hệ số lợi nhuận từ HĐKD (Đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá)/ DTT	%	3,87%	2,78%	2,49%	4,20%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	1,95%	0,72%	0,74%	0,84%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	4,02%	1,70%	2,76%	3,15%
Hệ số LNTT (Đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá)/Vốn chủ sở hữu	%	8,80%	7,76%	11,30%	17,78%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)	%	0,63%	0,24%	0,31%	0,38%

PHÂN TÍCH
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Nhóm chỉ tiêu thanh toán của EVNGENCO 3 sụt giảm nhẹ trong năm qua. Sự gia tăng các khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả đã khiến các chỉ số thanh toán sụt giảm nhẹ so với năm 2016. Tuy vậy, điểm tích cực là các chỉ số thanh toán đều duy trì trên ngưỡng 1, đặc biệt là chỉ số thanh toán hiện hành và chỉ số thanh toán nhanh.



KỲ THU TIỀN BÌNH QUÂN VÀ KỲ TRẢ TIỀN BÌNH QUÂN

Kỳ thu tiền bình quân của Tổng Công ty đạt 75,4 ngày, tăng so với kỳ thu tiền 60 ngày của năm 2016. Sự gia tăng kỳ thu tiền bình quân đến từ tăng trưởng của khoản phải thu từ công ty mua bán điện, với hơn 8.462 tỷ đồng tính đến cuối năm 2017.

Kỳ trả tiền bình quân hiện khoảng 63 ngày. Trong công tác quản lý khoản phải trả, Tổng Công ty luôn đề cao việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nợ đối với nhà cung cấp. Điều này đã giúp gia tăng uy tín của EVNGENCO 3 và góp phần tạo thuận lợi cho công tác quản trị dòng tiền.

VÒNG QUAY TỔNG TÀI SẢN

Vòng quay tổng tài sản năm 2017 đạt 0,45 lần, cải thiện tích cực so với năm 2016 và đạt mức cao nhất trong vòng 04 năm trở lại. Vòng quay tài sản cố định đạt 0,64 lần, tăng trưởng mạnh so với năm 2016. Với đặc thù hoạt động kinh doanh có tính chất thâm dụng tài sản cố định lớn, EVNGENCO 3 luôn chú trọng đến việc quản trị chi phí hoạt động nhằm tăng hiệu quả hoạt động của tài sản. Các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa máy móc luôn được EVNGENCO 3 chú trọng trong những năm qua. Ngoài ra, tính lợi thế kinh tế theo quy mô cũng là một yếu tố chính gia tăng sự hiệu quả trong sử dụng tài sản, nổi bật là những đóng góp của hệ thống nhà máy thủy điện trong năm vừa qua.

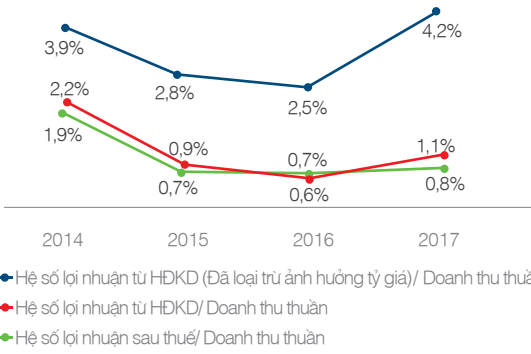
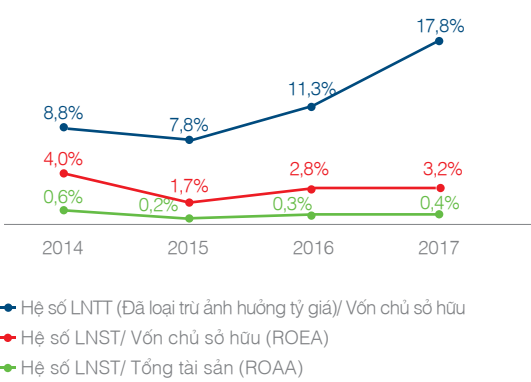


CHỈ SỐ SINH LỜI ROE VÀ ROA

Doanh thu của EVNGENCO 3 đạt mức tăng trưởng khả quan 5,5%, trong khi Tổng Công ty tiếp tục kiểm soát hiệu quả các khoản mục chi phí khấu hao và chi phí lãi vay, giúp hệ số lợi nhuận gộp đạt 11,4%, cải thiện mạnh trong nhiều năm trở lại. Đặc biệt, hệ số biên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng gấp 1,8 lần so với năm 2016. Nhìn chung các chỉ số biên lợi nhuận của EVNGENCO 3 đều cho thấy cải thiện kể từ năm 2015, khi các nhà máy điện than Vĩnh Tân 2 và Mông Dương 1 với công nghệ hiện đại và hiệu quả chính thức đi vào hoạt động.

Với hiệu quả sử dụng tài sản hợp lý, chiến lược tài trợ bằng đòn bẩy nợ vay hiệu quả, nhóm hệ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROEA) và hệ số sinh lời trên tổng tài sản (ROAA) đều ghi nhận sự cải thiện trong năm 2017.

Sự cải thiện này còn được thể hiện rõ hơn ở các hệ số khả năng sinh lời trước khi tính đến ảnh hưởng từ tỷ giá. Nếu loại trừ tác động từ biến động tỷ giá thì biên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2017 đạt 4,2%, cải thiện mạnh so với tỷ lệ 2,5% của năm 2016, vượt xa các mức 1,1% và 0,6% (tương ứng) khi tính đến tác động của tỷ giá. Hệ số lợi nhuận trước thuế (đã loại trừ ảnh hưởng tỷ giá) trên vốn chủ sở hữu cũng tăng mạnh từ 11,3% năm 2016 lên đến mức 17,8% trong năm 2017.





KẾ HOẠCH SXKD VÀ ĐTXD
NĂM 2018

Kế hoạch SXKD và ĐTXD năm 2018	37
Định hướng các giải pháp kinh doanh	39

KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH &
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2018

SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT

STT	Nhà máy	ĐVT	Điện sản xuất	Điện thương phẩm
I	Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	Triệu kWh	32.390	30.115
1	Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	Triệu kWh	16.007	15.240
2	Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	Triệu kWh	2.909	2.903
3	Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	Triệu kWh	7.321	6.658
4	Công ty Nhiệt điện Mông Dương	Triệu kWh	6.153	5.314
II	Công ty con & công ty liên kết	Triệu kWh	3.452	3.350
1	CTCP Nhiệt điện Bà Rịa	Triệu kWh	1.523	1.480
2	CTCP Nhiệt điện Ninh Bình	Triệu kWh	374	335
3	CTCP Thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	Triệu kWh	750	741
4	CTCP Thủy điện Thác Bà	Triệu kWh	395	390
5	CTCP ĐT & PT Điện Sê San 3A	Triệu kWh	410	405
Tổng		Triệu kWh	35.842	33.465

KẾ HOẠCH DOANH THU - LỢI NHUẬN HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018
Tổng doanh thu	Triệu đồng	40.663.094
Doanh thu bán điện	Triệu đồng	40.397.461
Chi phí	Triệu đồng	39.086.516
Lợi nhuận trước thuế (*)	Triệu đồng	1.576.578
Trong đó:		
LNTT Sản xuất điện (*)	Triệu đồng	1.361.008

(*) Lợi nhuận không tính đến yếu tố chênh lệch tỷ giá.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2018

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

A. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- ✧ Triển khai đầu tư xây dựng: (1) Dự án xuất tro xỉ tại TTĐL Vĩnh Tân; (2) Dự án điện mặt trời Vĩnh Tân 2 (42,65 MWp) thuộc tỉnh Bình Thuận; (3) Dự án điện mặt trời Ninh Phước 7 (200 MWp) thuộc tỉnh Ninh Thuận; (4) Dự án nhà máy điện mặt trời tại hồ thủy điện Srêpôk 3 (61,6 MWp) và Buôn Kuốp (61,6MWp) thuộc tỉnh Đắk Lắk.
- ✧ Triển khai nghiên cứu và xúc tiến bổ sung quy hoạch phát triển Điện lực Quốc gia đối với dự án đầu tư Trung tâm Điện lực Long Sơn sử dụng khí LNG tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- ✧ Triển khai nghiên cứu tìm kiếm đầu tư dự án thủy điện vừa và nhỏ.

B. CÔNG TÁC QUẢN LÝ XÂY DỰNG, TƯ VẤN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Tiếp tục thực hiện các dự án với tổng nhu cầu vốn là 19.118 tỷ đồng (trong đó, nhu cầu vốn các dự án do EVN làm chủ đầu tư là 13.200 tỷ đồng, EVNGENCO 3 làm chủ đầu tư là 1.111 tỷ đồng và trả nợ gốc, lãi vay là 4.807 tỷ đồng).

Cụ thể, mục tiêu tiến độ các dự án như sau:

- ✧ **Dự án Cảng than Vĩnh Tân:** Tiếp tục thi công hạng mục nạo vét luồng dẫn và vũng quay tàu đáp ứng cho tàu đến 100.000 tấn phục vụ cấp than cho NMNĐ Vĩnh Tân 4.

- ✧ **Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4:** Tiếp tục đơn đốc Nhà thầu hoàn thành xử lý các tồn tại để phát hành chứng chỉ PAC Tổ máy S1.

- ✧ **Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 MR:**

Tiếp tục triển khai thi công xây dựng và lắp đặt các hạng mục theo kế hoạch:

- » Nhận điện chạy thử nghiệm: 17/7/2018.
- » Thử áp lực lò hơi: 24/8/2018.

- ✧ **Dự án Nhiệt điện Thái Bình:** Hoàn thiện thủ tục cấp PAC các tổ máy.

- ✧ **Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum:** Đơn đốc Nhà thầu thi công Tuyến áp lực, Tuyến năng lượng theo kế hoạch tích nước trong năm 2018.

ĐỊNH HƯỚNG CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH

SẢN XUẤT VÀ CUNG ỨNG ĐIỆN

- ✧ Một trong các nhân tố quyết định đến sự thành công của Tổng Công ty đến từ khả năng vận hành an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất. Do đó, Tổng Công ty luôn giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất, vận hành các nhà máy an toàn và ổn định. Bên cạnh đó là hoạt động triển khai các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn, sự cố.
- ✧ Duy trì công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo đúng thiết kế và yêu cầu kỹ thuật của đơn vị cung cấp, đảm bảo tiến độ sửa chữa lớn các nhà máy điện, lưới điện theo đúng kế hoạch.
- ✧ Đảm bảo phát điện ổn định NMNĐ: Phú Mỹ, Mông Dương 1, Vĩnh Tân 2, Bà Rịa, Ninh Bình góp phần cung cấp điện cho khu vực miền Nam. Khai thác cao theo kế hoạch điều tiết và lưu lượng nước về tại các nhà máy thủy điện thuộc Công ty Thủy điện Buôn Kuốp.
- ✧ Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, an toàn lao động, giảm sự cố, từng bước cải tạo, sửa chữa, thay thế thiết bị nhằm nâng cao chất lượng các hệ thống thiết bị của NMNĐ đảm bảo vận hành tin cậy, ổn định.
- ✧ Nghiên cứu sâu về thị trường nhiên liệu than, khí hóa lỏng trên thế giới, tìm kiếm và phát triển mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp để đảm bảo nguồn nhiên liệu hiệu quả cho các dự án đang hoạt động và những dự án nguồn mới, cũng như tối ưu được chi phí giá nguyên liệu đầu vào.
- ✧ Đẩy mạnh công tác nghiên cứu nhu cầu và nguồn cung trên thị trường điện. Đưa ra chiến lược chào giá trên thị trường phát điện cạnh tranh phù hợp để đạt doanh thu cao nhất.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

- ✧ Tiếp tục nâng cao năng lực của các Ban QLDA; thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm theo quy định hiện hành; Điều hành quản lý, giám sát chặt chẽ việc thực hiện của các nhà thầu; kịp thời nghiên cứu đề xuất với các cấp có thẩm quyền giải quyết, tháo gỡ khó khăn vướng mắc để đảm bảo chất lượng và tiến độ theo tình hình thực tế của từng dự án.
- ✧ Giải quyết kịp thời các phát sinh, vướng mắc trong quá trình xây dựng tại công trường nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình.
- ✧ Giải ngân, thanh toán kịp thời các khối lượng nghiệm thu đạt yêu cầu.
- ✧ Đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai các dự án sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió, thủy điện vừa và nhỏ).
- ✧ Tìm kiếm cơ hội, lựa chọn địa điểm để triển khai đầu tư dự án nguồn điện mới khi khả năng tài chính được đảm bảo.



ĐỊNH HƯỚNG CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH

PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC DỊCH VỤ

- ✦ Tăng cường công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kiểm tra đánh giá, vận hành - sửa chữa bảo dưỡng, gia công phục hồi.
- ✦ Hợp tác, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ: Thiết kế, chế tạo, gia công phục hồi, cân bằng động, thí nghiệm, hiệu chỉnh, sửa chữa hướng tới độ tin cậy (Reliability Centered Maintenance - RCM).
- ✦ Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tiên tiến phục vụ công tác dịch vụ sửa chữa; Thành lập các trung tâm chuyên sâu như: Đào tạo và nghiên cứu ứng dụng; Thiết kế, chế tạo, gia công phục hồi; Cân bằng động; Thí nghiệm điện.
- ✦ Phát triển thị trường, hướng đến việc cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành dài hạn cho các khách hàng là những nhà máy nhiệt điện than, nhiệt điện khí, thủy điện trong và ngoài EVN.

TÀI CHÍNH

- ✦ Chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và SXKD.
- ✦ Đẩy mạnh tái cơ cấu nguồn vốn theo hướng giảm cơ cấu nợ vay trong nguồn vốn của công ty thông qua quá trình IPO và tái cấu trúc tỷ lệ sở hữu tại các công ty con. Nhằm nâng cao chất lượng lợi nhuận thông qua việc giảm chi phí lãi vay, cũng như các tác động từ biến động của tỷ giá.
- ✦ Với đặc thù hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng từ biến động của thị trường nhiên liệu đầu vào, hoạt động quản trị nguồn vốn kinh doanh trên nền tảng hạn chế tác động từ các biến động đầu vào sẽ được Công ty thực hiện trong những năm tới.
- ✦ Gia tăng dòng tiền hình thành từ hoạt động kinh doanh. Nỗ lực duy trì ổn định tốc độ tăng trưởng dòng tiền và khả năng phân phối thu nhập cho cổ đông.

TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC

- ✦ Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo phù hợp với giai đoạn phát triển mới của Tổng Công ty. Tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn với hiệu quả nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Tổng Công ty.
- ✦ Áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) trong hoạt động; tuyển dụng nhân lực chất lượng cao, thuê chuyên gia trong từng lĩnh vực; cơ chế chi trả tiền lương, tiền thưởng theo hiệu quả đóng góp của người lao động, ngang tầm với qui mô, vị thế của Tổng Công ty trong phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt cho nhóm lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao; tạo động lực, môi trường làm việc chuyên nghiệp, kỷ luật và đoàn kết, dân chủ.
- ✦ Hợp tác, liên kết với các đối tác trong và ngoài nước có uy tín có chuyên ngành đặc thù kỹ thuật chuyên sâu. Đào tạo chuyên gia đầu ngành chất lượng cao để tổ chức quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đạt hiệu quả cao, nắm bắt, làm chủ được công nghệ tiên tiến, xây dựng đội ngũ chuyên gia cốt lõi trong EVNGENCO 3.

- ✦ Xây dựng các chính sách phát triển nghề nghiệp cho người lao động rõ ràng, tạo động lực phấn đấu cho toàn thể CBCNV.

CÔNG TÁC QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

- ✦ Đẩy mạnh công tác công bố thông tin theo đúng quy định nhằm nâng cao sự minh bạch, góp phần giữ vững uy tín, hình ảnh của Tổng Công ty với cộng đồng đầu tư. Đảm bảo thông tin được công bố chính xác, nhanh chóng góp phần giúp cổ đông nhà đầu tư có đầy đủ thông tin để đánh giá đúng giá trị của Tổng Công ty.
- ✦ Đổi mới website doanh nghiệp, giúp cổ đông và nhà đầu tư có cái nhìn nhanh và rõ nét về Tổng Công ty.
- ✦ Thực hiện các công tác quan hệ nhà đầu tư khác như roadshow, investor day, analyst meeting nhằm cung cấp các thông tin rõ nét hơn về Tổng Công ty.





04

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
SAU NĂM 2018

Thực trạng ngành Điện Việt Nam năm 2017	43
Triển vọng ngành Điện năm 2018	48
Phân tích vị thế cạnh tranh của EVNGENCO 3	56
Định hướng phát triển sau khi cổ phần hóa	60
Các dự án đầu tư nguồn điện	63
Quản trị rủi ro	64

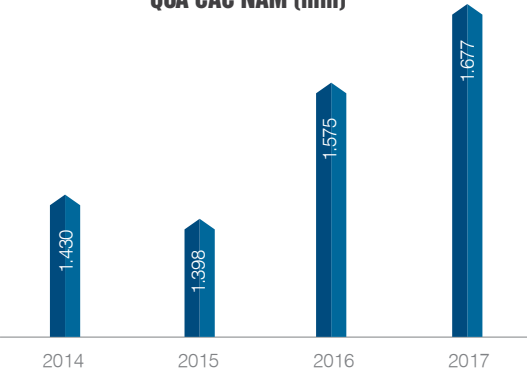
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
SAU NĂM 2018

THỰC TRẠNG NGÀNH ĐIỆN
VIỆT NAM NĂM 2017

TĂNG TRƯỞNG TIÊU THỤ ĐIỆN ĐẠT 8,92% TRONG NĂM 2017

Theo ước tính của EVN, sản lượng tiêu thụ điện cả nước trong năm 2017 đạt 174,05 tỷ kWh, tăng trưởng 8,92% so với năm 2016. Tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ điện chững lại so với trung bình của những năm trước do nhu cầu không duy trì ổn định. Năm 2017, với sự kéo dài của hiện tượng La Nina trên diện rộng, thời tiết trở nên dễ chịu hơn so với khoảng thời gian nắng nóng đỉnh điểm của năm 2016. Điều này là nguyên nhân chính khiến tốc độ tiêu thụ điện có sự chững lại trong năm 2017.

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH
QUA CÁC NĂM (mm)



Nguồn: Bộ Công thương/Cục Điều tiết Điện lực/Tổng cục Thống kê

TỔNG CÔNG SUẤT SẢN XUẤT ĐIỆN CỦA VIỆT NAM
ĐẠT 45,41 GW, TĂNG TRƯỞNG 7,8%
SO VỚI NĂM TRƯỚC

Năm 2017, tổng công suất sản xuất điện của Việt Nam đạt 45,41 GW, tăng trưởng 7,8% so với năm trước. Công suất sản xuất điện tăng chủ yếu đến từ sự vận hành của các nhà máy mới trong năm 2017, nổi bật là 03 nhà máy thủy điện và 02 nhà máy điện than. Ngoài ra, lượng mưa tăng mạnh cùng số lượng nhà máy thủy điện chiếm ưu thế trong tổng số nhà máy mới cấp điện đã đóng góp đáng kể cho công suất điện của cả nước trong năm vừa qua.

Hoạt động cung cấp điện được phân bổ tốt theo khu vực địa lý. Trong số các nhà máy mới đi vào vận hành đáng chú ý trong năm 2017 có 03 nhà máy ở khu vực miền Bắc và 02 nhà máy ở khu vực miền Nam. Trong đó, Nhà máy điện than Vĩnh Tân 4 đặt tại Bình Thuận với công suất 1.200 MW đã cải thiện phần nào nguồn cấp điện ở khu vực miền Nam – khu vực tiêu thụ điện lớn nhất cả nước.

45,41 GW

TỔNG CÔNG SUẤT SẢN XUẤT ĐIỆN CỦA VIỆT NAM
↗ 7,8% SO VỚI NĂM TRƯỚC



THỰC TRẠNG NGÀNH ĐIỆN
VIỆT NAM NĂM 2017

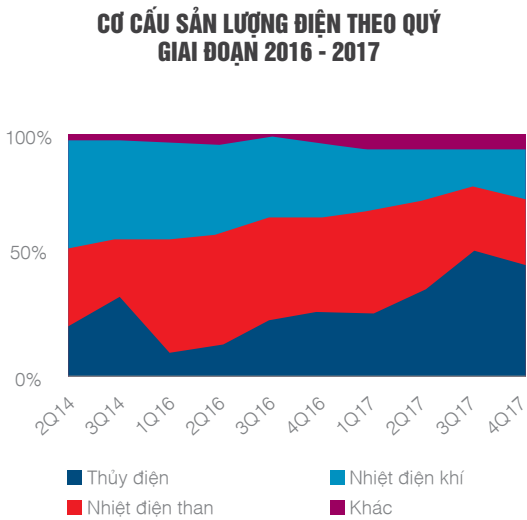
CÁC NHÀ MÁY ĐIỆN MỚI ĐI VÀO VẬN HÀNH NỔI BẬT TRONG NĂM 2017

Nhà máy điện	Loại hình	Địa điểm hoạt động	Công suất (MW)	Thời gian vận hành	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Chủ đầu tư
Trung Sơn	Thủy điện	Thanh Hóa	260	Q2/2017	7.775	Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn
Bá Thước 1 & 2	Thủy điện	Thanh Hóa	140	Q4/2017	2.400	CTCP Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa
Thác Mơ (mở rộng)	Thủy điện	Bình Phước	75	Q3/2017	1.558	EVN
Thái Bình 1	Điện than	Thái Bình	600	Q4/2017	26.500	EVN
Vĩnh Tân 4	Điện than	Bình Thuận	1.200	Q4/2017	36.000	EVN

THỦY ĐIỆN ĐÓNG GÓP GẦN 40% SẢN LƯỢNG ĐIỆN TOÀN QUỐC

Theo số liệu của Bộ Công thương/ Cục Điều tiết Điện lực/Tổng cục Thống kê, trong năm 2016, nhóm thủy điện đóng góp chỉ khoảng 18-25% trong cơ cấu sản lượng điện toàn quốc, trong khi vị trí dẫn đầu là nhóm nhiệt điện than. Với sự gia tăng mạnh của lượng mưa trong năm 2017 khi hiện tượng La Nina kéo dài hơn

dự kiến, nguồn nước dự trữ của các hồ chứa thủy điện đồng loạt ghi nhận sự tăng trưởng mạnh, thúc đẩy sự tăng trưởng của sản lượng điện cung cấp của các nhà máy thủy điện. Điều này đã kéo cơ cấu sản lượng điện dịch chuyển mạnh sang nhóm thủy điện trong năm 2017, chiếm gần 40% sản lượng.



Nguồn: Bộ Công thương/Cục Điều tiết Điện lực/Tổng cục Thống kê



GIÁ BÁN ĐIỆN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH TĂNG LẦN ĐẦU KỂ TỪ NĂM 2015

Trong định hướng từng bước tự do hóa ngành điện, giá điện bán lẻ đã được điều chỉnh tăng 6,08% lên 1.721 VND/kWh kể từ ngày 01/12/2017. Đây là lần điều chỉnh tăng giá điện đầu tiên kể từ năm 2015.

việc điều chỉnh giá điện bán lẻ theo Quyết định 69/2013/QĐ-TTg. Nổi bật trong quyết định mới đó là EVN được rút ngắn kỳ điều chỉnh giá điện từ kỳ năm thành kỳ quý.

Bên cạnh đó, các quy định nhằm gia tăng tính linh hoạt trong cơ chế hình thành giá điện cũng đã được Chính phủ chú trọng trong năm vừa qua. Cụ thể, Quyết định 24/2017/QĐ-TTg có hiệu lực từ ngày 15/08/2017 đã đưa ra những thay đổi trong

Có thể thấy năm 2017 vừa qua đã chứng kiến nhiều sự thay đổi về cơ chế hình thành giá điện bán lẻ. Đây được xem là các tiền đề cơ bản trên con đường tự do hóa ngành điện với mục tiêu đưa thị trường bán buôn điện cạnh tranh đi vào vận hành kể từ năm 2019.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH 24/2017/QĐ-TTG

Quyết định 24/2017/QĐ-TTg	Quyết định 69/2013/QĐ-TTg
EVN có thể tăng giá điện 3-5% (nhưng vẫn nằm trong khung giá quy định), sau đó lập báo cáo trình Bộ Công thương.	Không có điểm này.
EVN cần Bộ Công thương phê duyệt trước khi tăng giá điện bán lẻ 5-10%.	EVN cần Bộ Công thương phê duyệt trước khi tăng giá điện bán lẻ 7-10%.
Nếu giá điện bán lẻ phải tăng hơn 10% hoặc vượt mức khung quy định, EVN cần đề xuất với Bộ Công thương. Bộ Công thương và Bộ Tài chính sẽ đánh giá và báo cáo Thủ tướng để đưa ra chỉ đạo.	Nếu giá điện bán lẻ phải tăng hơn 10% hoặc vượt mức khung quy định, EVN cần đề xuất với Bộ Công thương. Bộ Công thương và Bộ Tài chính sẽ đánh giá và báo cáo Thủ tướng để đưa ra chỉ đạo.
Nếu cần thiết, Bộ Công thương và Bộ Tài chính có thể điều chỉnh giá điện bán lẻ trước khi báo cáo lên Thủ tướng.	

Nguồn: Bộ Công thương

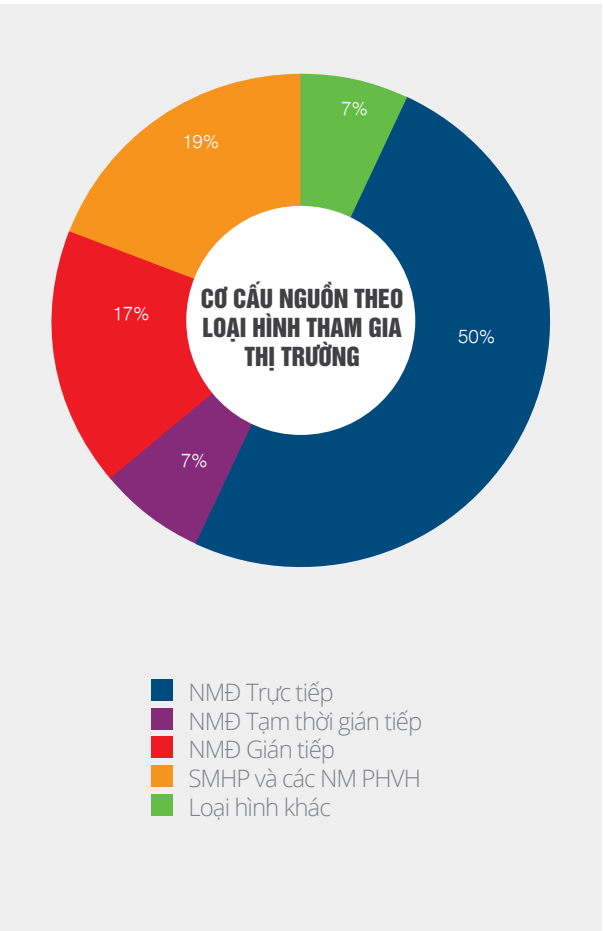
THỰC TRẠNG NGÀNH ĐIỆN
VIỆT NAM NĂM 2017

THỊ TRƯỜNG ĐIỆN CẠNH TRANH: ĐÃ CÓ 81 NHÀ MÁY TRỰC TIẾP CHÀO GIÁ

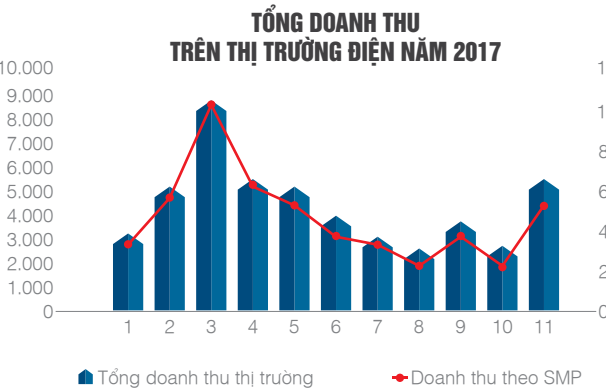
Thị trường phát điện cạnh tranh hoàn chỉnh đã được vận hành chính thức kể từ ngày 01/07/2012. Sự ra đời của thị trường phát điện cạnh tranh được kỳ vọng đáp ứng những mục tiêu sau:

- Đảm bảo sự ổn định trong hoạt động cung cấp điện, thu hút vốn đầu tư vào ngành điện nhằm đáp ứng nhu cầu tăng trưởng của phụ tải. Bên cạnh đó, thị trường phát điện cạnh tranh sẽ hạn chế những xáo trộn trong cấu trúc ngành, giúp ổn định sự vận hành của hệ thống điện.
- Thu hút vốn đầu tư từ các nguồn lực mới bên cạnh các nhà đầu tư truyền thống. Trong đó, đích ngắm sẽ hướng đến các nhà đầu tư tư nhân và nhà đầu tư nước ngoài.
- Gia tăng cạnh tranh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động với giá điện tiệm cận mức hợp lý theo thị trường.

Tính đến cuối năm 2017 đã có 81 nhà máy điện tham gia trực tiếp chào giá trên thị trường điện với tổng công suất đặt là 22.671 MW, chiếm 50% công suất đặt toàn hệ thống.

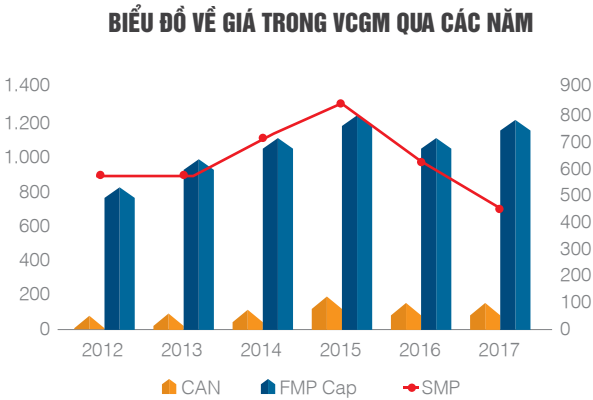


Với số lượng khá nhiều nhà máy thuộc hệ thống cung cấp điện toàn quốc tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, quy mô giao dịch cũng đang dần tăng cao. Tổng giao dịch trên thị trường điện giao ngay trong năm 2017 đạt khoảng 57,3 nghìn tỷ đồng. Trong đó, tổng doanh thu các đơn vị phát điện chủ yếu là thành phần sản lượng trả theo giá điện năng thị trường.



Nguồn: Dự thảo 1 Đề án phát triển Thị trường điện cạnh tranh đến 2025, tầm nhìn đến 2030

Giá trần thị trường điện năm 2017 là 1.266 VNĐ/kWh. Ảnh hưởng của điều kiện thời tiết bất thường và sản lượng phát của các nhà máy thủy điện tăng cao dẫn đến sự thay đổi lớn trong diễn biến giá điện năng thị trường so với các năm trước. Trong đó, tổng giá thị trường (SMP) duy trì xu hướng giảm giá qua năm thứ 3 liên tiếp kể từ mức đỉnh năm 2015. Giá công suất thị trường (CAN) được tính toán với dự kiến thu hồi chi phí của nhà máy điện mới tốt nhất (BNE) trong năm và tỷ lệ với phụ tải từng chu kỳ để khuyến khích các nhà máy khả dụng vào các giờ cao điểm của hệ thống.



Nguồn: Dự thảo 1 Đề án phát triển Thị trường điện cạnh tranh đến 2025, tầm nhìn đến 2030

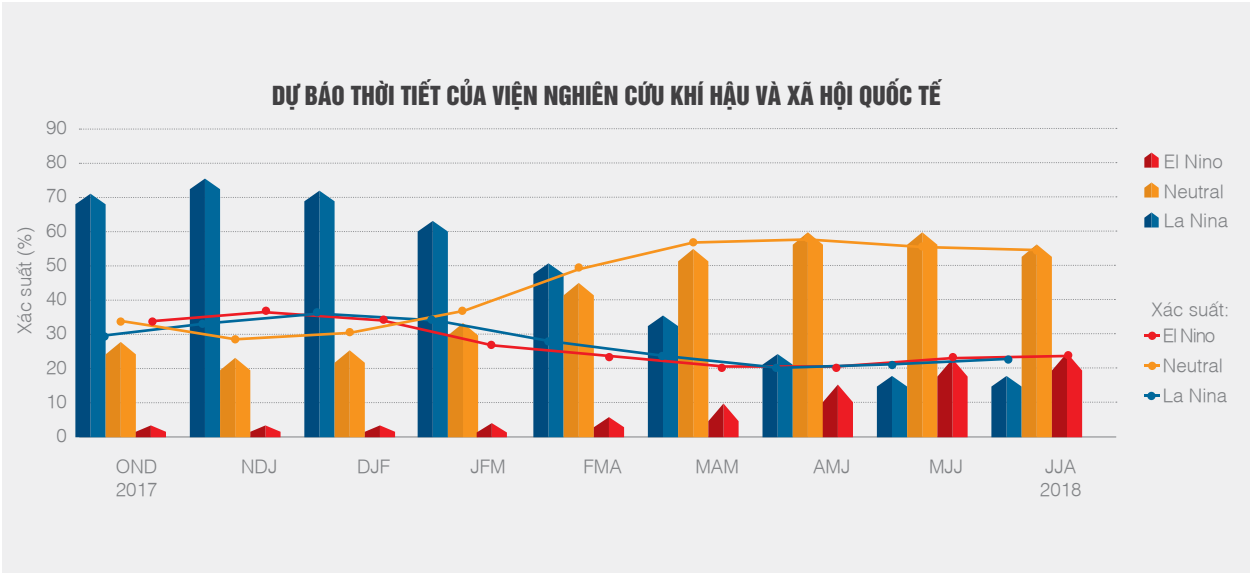


ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
SAU NĂM 2018

TRIỂN VỌNG
NGÀNH ĐIỆN NĂM 2018

HIỆN TƯỢNG LA NINA SUY YẾU TRONG NĂM 2018

Theo dự báo của Viện Nghiên cứu Khí hậu và Xã hội Quốc tế, hiện tượng La Nina sẽ có sự suy yếu nhanh trong năm 2018, đặc biệt là từ quý 02/2018. Sự suy yếu của hiện tượng La Nina sẽ kéo theo sự gia tăng trở lại của hiện tượng El Nino. Do đó, các nhà máy nhiệt điện sẽ có cơ hội gia tăng sản lượng cung cấp trong năm 2018. Đây sẽ là cơ hội của EVNGENCO 3.



KHOẢNG CÁCH CUNG CẦU KHÓ CÓ THỂ ĐƯỢC CẢI THIẾN TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Năm 2018, nhằm đáp ứng cho nhu cầu tiêu thụ điện, nhiều nhà máy điện mới sẽ được đưa vào vận hành với tổng công suất 700 MW. Cùng với một loạt các nhà máy đã hoạt động trong 6 tháng cuối năm 2017, công suất phát điện sẽ gia tăng đáng kể từ năm 2018.

Các nhà máy điện dự kiến đi vào hoạt động trong năm 2018 và 2019:

Nhà máy điện	Loại hình	Địa điểm hoạt động	Công suất (MW)	Thời gian vận hành	Vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Chủ đầu tư
Năm 2018						
Sông Bung 2 #1,2	Thủy điện	Sông Bung, Quảng Nam	100	-	-	EVNGENCO 2
Vĩnh Tân 1 (BOT) #1	Nhiệt điện	Vĩnh Tân, Bình Thuận	600	-	-	-
Năm 2019						
Vĩnh Tân 1 (BOT)#2	Nhiệt điện	Vĩnh Tân, Bình Thuận	600	-	-	-
Duyên Hải 3 mở rộng	Nhiệt điện	Trà Vinh	660	Quý 02/2018	22.774	EVNGENCO 1
Thượng Kon Tum #1,2	Thủy điện	Sông Đăk Nghé, Kon Tum	220	-	7.407,749	VSH (EVNGENCO 3)
Đa Nhim mở rộng	Thủy điện	Sông Đa Nhim, Lâm Đồng – Ninh Thuận	80	-	1.952	DHD (EVNGENCO 1)
Vĩnh Tân 4 mở rộng	Nhiệt điện	Vĩnh Tân, Bình Thuận	600	Tháng 12/2019	Trên 23.000	EVN

Nguồn: Quyết định 219/QĐ-TTg ngày 13/2/2018 phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016 - 2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Tuy vậy, sự tăng trưởng của sản lượng cung cấp điện ước tính sẽ chưa thể bắt kịp với tốc độ tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ, đặc biệt là ở khu vực phía Nam và các tỉnh công nghiệp ở phía Bắc. Nguyên nhân chủ yếu đến từ:

Sự gia tăng mạnh mẽ của công nghiệp hóa và đô thị hóa. Nguồn vốn FDI giải ngân có sự gia tăng mạnh trong năm 2017 và dự báo tiếp tục tích cực trong năm 2018. Tốc độ tiêu thụ căn hộ và đô thị hóa, tốc độ phát triển công nghiệp tiếp tục ở mức cao, thúc đẩy tiêu thụ điện năng trên cả nước.

Khả năng phát triển nhà máy thủy điện gặp hạn chế. Việc phát triển nhà máy sản xuất điện phụ thuộc rất nhiều vào vị trí địa lý. Hiện tại không còn nhiều vị trí địa lý thuận lợi để phát triển thêm các nhà máy thủy điện có công suất lớn.

Vấn đề môi trường cùng trọng tâm phát triển bền vững cũng là các rào cản cho khả năng phát triển nguồn cung điện từ các loại hình thủy điện và nhiệt điện trong dài hạn. Cụ thể, Hội nghị COP21 đã thông qua văn bản chống biến đổi khí hậu toàn cầu, theo đó Việt Nam cam kết giảm 8% lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường vào năm 2030. Như vậy, trong thời gian tới, nhiệt điện than sẽ rất khó để phát triển thêm tại Việt Nam.



Ngoài ra, Chính phủ cũng đã có quyết định dừng thực hiện chủ trương đầu tư Dự án Điện hạt nhân Ninh Thuận.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
SAU NĂM 2018

TRIỂN VỌNG
NGÀNH ĐIỆN NĂM 2018

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN HỢP LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

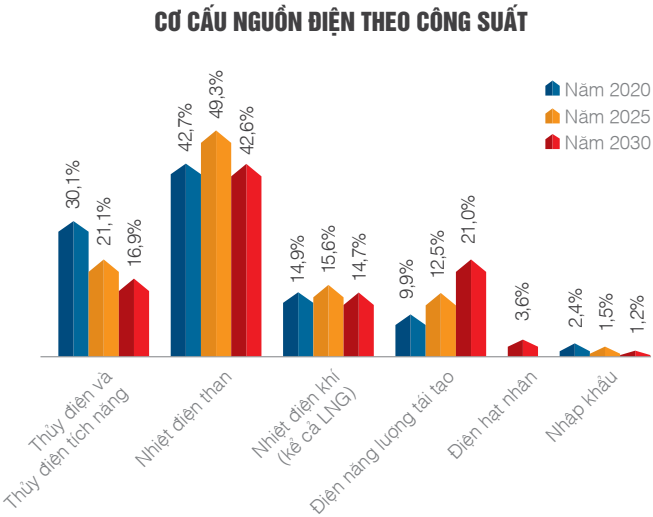
Theo Quy hoạch Điện VII điều chỉnh - phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 định hướng đến năm 2030, ngành điện Việt Nam sẽ có bước đi lâu dài và hợp lý, hình thành định hướng phát triển bền vững của toàn bộ chuỗi giá trị ngành.

Trong đó, những yếu tố chính được kỳ vọng sẽ tạo nên sự chuyển mình của ngành điện:

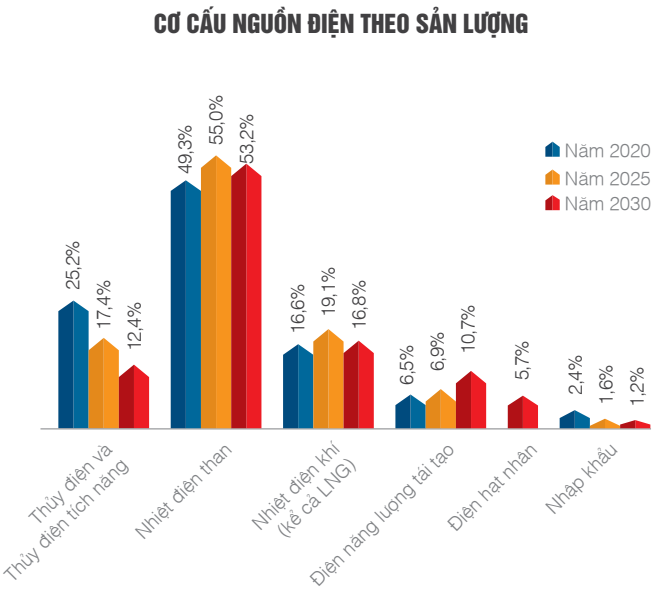
❶ Đa dạng hóa các hình thức đầu tư phát triển nguồn điện nhằm tăng cường cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh tế.

❷ Đẩy nhanh phát triển nguồn điện từ năng lượng tái tạo (thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối...), từng bước gia tăng tỷ trọng trong cơ cấu nguồn điện. Trong đó, đối với thủy điện sẽ ưu tiên phát triển các dự án lợi ích tổng hợp (chống lũ, cấp nước, sản xuất điện) và đưa thủy điện tích năng vào vận hành. Đồng thời đẩy nhanh phát triển năng lượng mặt trời, bao gồm lắp đặt trên mặt đất và phân tán trên mái nhà.

❸ Phát triển các nhà máy nhiệt điện với tỷ lệ thích hợp, phù hợp với khả năng cung cấp và phân bố của vùng nhiên liệu, trong đó nhiệt điện khí thiên nhiên và khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG) tập trung tại khu vực Đông Nam bộ, Tây Nam bộ và miền Trung (sau năm 2020).



Nguồn: Quy hoạch Điện VII điều chỉnh



Nguồn: Quy hoạch Điện VII điều chỉnh

NGÀNH ĐIỆN VIỆT NAM CHUẨN BỊ BƯỚC VÀO THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH BÁN BUÔN

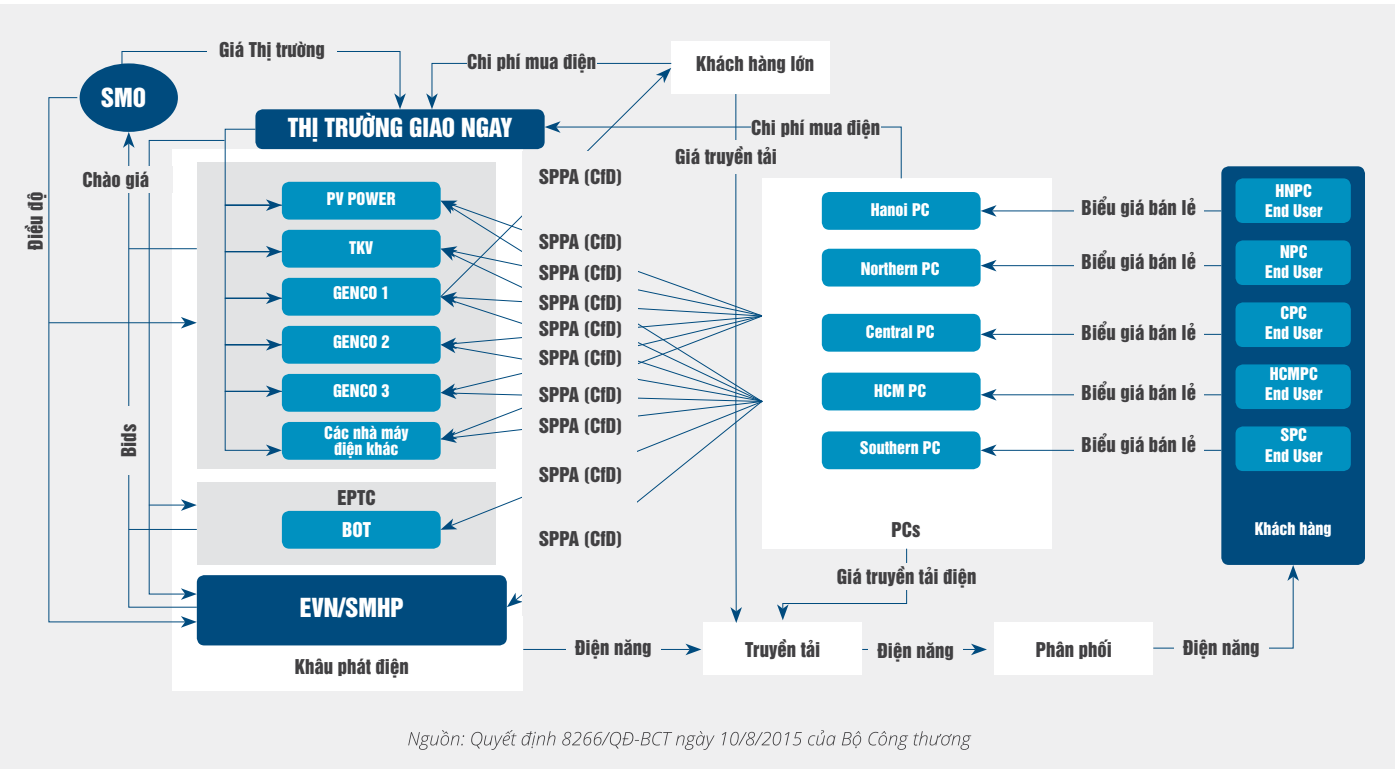
Một trong những động lực lớn nhất sẽ có tác động mạnh mẽ lên thị trường điện Việt Nam đến từ thị trường cạnh tranh bán buôn điện. Thị trường này được đánh giá sẽ mang lại lợi thế lớn cho hầu hết các nhà máy điện khi có thể ký kết nhiều hợp đồng mua bán điện với các đối tác mua điện khác nhau thay vì một hợp đồng duy nhất với bên mua duy nhất là EVN.

Với vị thế của nhà sản xuất điện lớn nhất Việt Nam, nắm giữ 16% công suất cả nước và là nhà cung cấp

điện chủ đạo ở miền Nam, EVNGENCO 3 sẽ là doanh nghiệp hưởng lợi nhiều nhất từ thị trường này. Tuy vậy, khả năng hưởng lợi sẽ là rõ ràng nhất từ năm 2019 – thời điểm thị trường cạnh tranh bán buôn điện được chính thức vận hành theo dự kiến.

Đáng chú ý, giá điện bán lẻ tại Việt Nam hiện thấp hơn 50% so với trung bình các nước trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Thị trường điện bán buôn cạnh tranh và bán lẻ sẽ tạo ra cơ hội to lớn cho các nhà máy điện.

MÔ HÌNH THỊ TRƯỜNG BÁN BUÔN ĐIỆN CẠNH TRANH



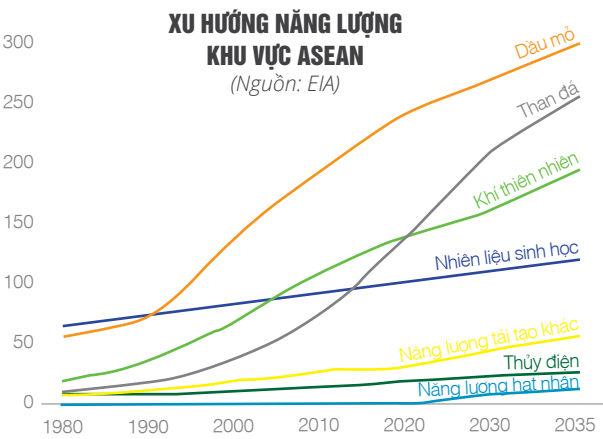
Nguồn: Quyết định 8266/QĐ-BCT ngày 10/8/2015 của Bộ Công thương

SỰ CHUYỂN DỊCH CỦA XU HƯỚNG NĂNG LƯỢNG

Theo kịch bản trong các quy hoạch điện quốc gia, tổng nhu cầu năng lượng tại Đông Nam Á sẽ tăng 83% từ 549 Mtoe năm 2011 lên mức 1.004 Mtoe ở năm 2035. Về xu hướng, Đông Nam Á tiếp tục là khu vực phụ thuộc nặng nề vào các loại nhiên liệu hóa thạch, cơ cấu nhiên liệu hóa thạch trong tổng nhu cầu năng lượng sơ cấp sẽ tăng dần từ 76% lên 80% trong giai đoạn 2011 – 2035.

Với ưu tiên giảm thiểu và khắc phục vấn đề ô nhiễm đối với môi trường và cuộc sống, sự chuyển dịch trong xu hướng sử dụng năng lượng sẽ được chú trọng với trọng tâm hướng về các nguồn năng lượng bền vững và ít ô nhiễm hơn so với nguồn năng lượng truyền thống như dầu mỏ, than... Cụ thể, các dạng năng lượng khí, năng lượng gió, địa nhiệt, năng lượng mặt trời... ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ trong những năm qua. Tại Việt Nam, dư địa tăng trưởng

của các nguồn năng lượng này vẫn còn rất cao, đặc biệt là trong ngành sản xuất điện khi Chính phủ đã đưa ra lộ trình cụ thể cho sự thay thế của các nguồn sản xuất điện truyền thống hiện tại.



TRIỂN VỌNG NGÀNH ĐIỆN NĂM 2018

TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO

Mặc dù được đánh giá là một quốc gia có tiềm năng rất cao trong lĩnh vực khai thác năng lượng tái tạo nhưng sự phát triển của ngành năng lượng này tại Việt Nam hiện tại vẫn còn khá thấp so với tiềm năng vốn có.

Tính đến năm 2015, ngoại trừ hệ thống nhà máy thủy điện có công suất nhỏ (dưới 30MW) đã chiếm một giá trị đáng kể (tổng công suất khoảng 2.300 MW tính đến cuối năm 2015) thì công suất của các nguồn năng lượng khác vẫn còn rất hạn chế. Theo báo cáo của Cơ quan Năng lượng Đan Mạch, tổng quy mô dự án năng lượng gió mà Việt Nam đang triển khai sẽ đạt công suất 159 MW, chỉ chiếm chưa đến 10% mục tiêu phát triển năng lượng gió tính đến năm 2030.

Nhằm cải thiện các rào cản hiện tại, các chiến lược phát triển nguồn năng lượng tái tạo với trọng tâm là Quyết định số 2068/QĐ-TTg hiệu lực ngày 25/11/2015 đã ban hành, đề ra chiến lược phát triển năng lượng tái tạo tại Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, sự hình thành cơ chế giá bán điện từ các nguồn năng lượng tái tạo được xem là yếu tố quan trọng nhất trong chiến lược này.

Cơ chế giá cho các nguồn năng lượng tái tạo

Nguồn năng lượng	Biểu giá	Giá bán điện
Thủy điện công suất nhỏ	Giá chi phí tránh (AVCT) được công bố hàng năm	598-663 VND/kWh (có sự khác biệt theo thời gian, địa lý và theo mùa) 302-320 VND/kWh (năng lượng dư thừa so với hợp đồng) 2.158 VND/kWh (giá theo công suất)
Năng lượng gió	Giá Feed-in Tariffs (FIT) cho kỳ 20 năm	7,8 UScent/kWh (trên đất liền)
Năng lượng sinh khối	Giá Feed-in Tariffs (FIT) cho kỳ 20 năm	7,551 USc/kWh (miền Bắc) 7,3458 USc/kWh (miền Trung) 7,4846 USc/kWh (miền Nam)
Năng lượng mặt trời	Giá Feed-in Tariffs (FIT) cho kỳ 20 năm	9,35 USc/kWh

Nguồn: Báo cáo triển vọng ngành năng lượng Việt Nam 2017 - Chiến lược Phát triển Năng lượng Tái tạo tại Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 - Quyết định số 2068 QĐ-TTg



Đây được xem là yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ cho khả năng thu hút nhà đầu tư lớn đối với sự phát triển của ngành năng lượng tái tạo Việt Nam khi giá bán điện (ngoại trừ thủy điện công suất nhỏ) đều cao hơn so với giá chào mua trung bình của EVN trên thị trường điện. Trọng tâm đầu tư năng lượng tái tạo sẽ hướng đến các vùng trọng điểm phía Nam – nơi tiêu thụ điện cao nhất cả nước và liên tục thiếu hụt nguồn cung cấp điện cho nhu cầu ngày càng gia tăng.

TRIỂN VỌNG NGÀNH ĐIỆN NĂM 2018

EVNGENCO 3 ĐI ĐẦU TRONG XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGUỒN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO TẠI MIỀN NAM

Hiện tại, một số dự án năng lượng tái tạo với quy mô nhỏ đã được thăm dò và thực hiện ở các vị trí thuận lợi thuộc khu vực miền Nam, nổi bật như:

01

Các dự án điện mặt trời của Công ty Halla E&C và Tập đoàn Hyosung (Hàn Quốc) với công suất 100MW tại KCN Châu Đức. Diện tích 60ha và giai đoạn 1 có tổng mức đầu tư hơn 1.858 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2018.

02

Dự án Nhà máy điện mặt trời tại KCN Đá Bạc (Châu Đức), công suất 200MW, vốn đầu tư 47 triệu USD do Công ty Myeongwoo ES (Hàn Quốc) làm chủ đầu tư.

03

Công ty TNHH Shin Won (Hàn Quốc) với chủ trương đầu tư điện gió theo công nghệ mới tại khu vực xã An Ngãi (Long Điền) và huyện Côn Đảo, tổng công suất khoảng 60MW.

04

Tập đoàn Solar Ventures (Italia) với dự án đầu tư nhà máy điện năng lượng mặt trời tại xã Tân Lâm (Xuyên Mộc), công suất 30MW. Diện tích đất xây dựng nhà máy khoảng 40ha nằm dọc tỉnh lộ 329.

05

Dự án lắp đặt pin năng lượng mặt trời với tổng công suất 3MW (giai đoạn 1 công suất 1,5MW) tại huyện Côn Đảo. Chủ đầu tư là Công ty Điện lực Bà Rịa- Vũng Tàu là chủ đầu tư với tổng kinh phí khoảng 180 tỷ đồng.

Về các dự án năng lượng tái tạo có quy mô đầu tư lớn: Được sự chấp thuận của UBND tỉnh Ninh Thuận, EVNGENCO 3 đã trình Hồ sơ bổ sung vào quy hoạch phát triển điện lực quốc gia dự án điện năng lượng mặt trời tại xã Phước Vinh, huyện Ninh Phước với diện tích 298 ha, công suất lắp đặt phát điện dự kiến đạt 200 MWp. Tổng mức đầu tư sẽ lên đến khoảng 4.287 tỷ đồng. Thời gian thực hiện dự án từ quý 02/2019 đến quý 01/2021.

Điều này cho thấy EVNGENCO 3 đang nỗ lực để đón đầu xu hướng phát triển nguồn

năng lượng tái tạo cũng như thực hiện nghiêm túc các chiến lược đã đề ra của Chính phủ đối với ngành năng lượng Việt Nam.

Hướng đi rõ ràng của EVNGENCO 3, cùng với những dự án vừa và nhỏ khác cho thấy ngành năng lượng tái tạo sẽ có sự sôi động rõ rệt trong thời gian tới. Số lượng các dự án phát triển còn rất khiêm tốn so với tiềm năng tăng trưởng nên EVNGENCO 3 sẽ có được lợi thế của người dẫn đầu. Bên cạnh đó, ngành năng lượng tái tạo Việt Nam vẫn cần có các bước đi hợp lý để thu hút các dòng vốn đầu tư từ các nhà đầu tư lớn trong tương lai.

EVNGENCO 3 ĐÃ TRÌNH HỒ SƠ BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC QUỐC GIA DỰ ÁN ĐIỆN NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI TẠI XÃ PHƯỚC VINH, HUYỆN NINH PHƯỚC VỚI DIỆN TÍCH 298 HA, CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT PHÁT ĐIỆN DỰ KIẾN ĐẠT 200 MWp.



PHÂN TÍCH
VỊ THẾ CẠNH TRANH
CỦA EVNGENCO 3

CÔNG SUẤT LẮP ĐẶT

EVNGENCO 3 hiện đang thuộc nhóm các đơn vị cung cấp điện chính cho Việt Nam. Tổng công suất lắp đặt các nhà máy điện thuộc EVNGENCO 3 (không bao gồm CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và CTCP Điện Việt- Lào) đạt 6.303 MW chiếm khoảng 16% công suất đặt của toàn hệ thống điện.

Phân theo loại hình nhà máy của EVNGENCO 3, thủy điện chiếm khoảng 2,26%, nhiệt điện than chiếm khoảng 5,77%, tuabin khí chiếm khoảng 6,97% công suất phát điện của toàn hệ thống điện.

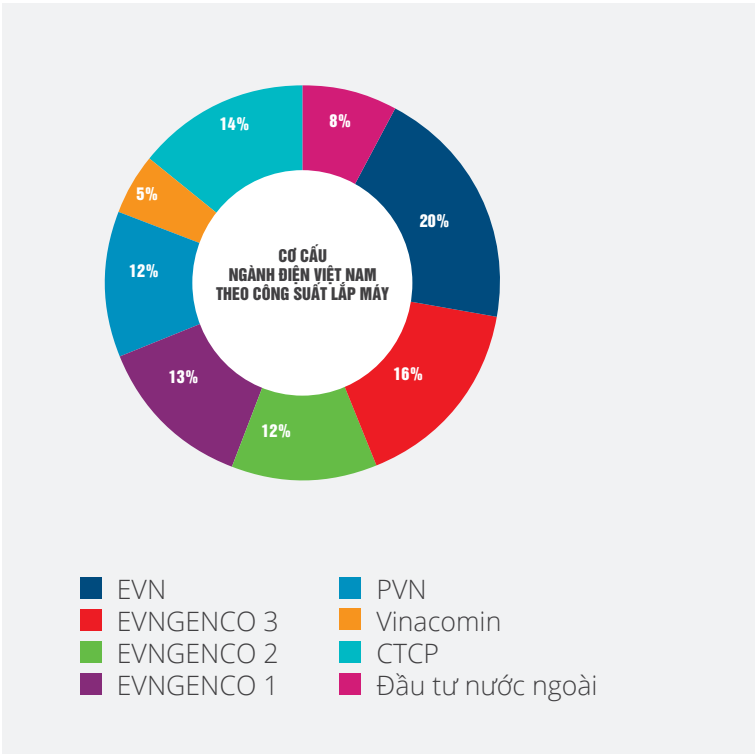
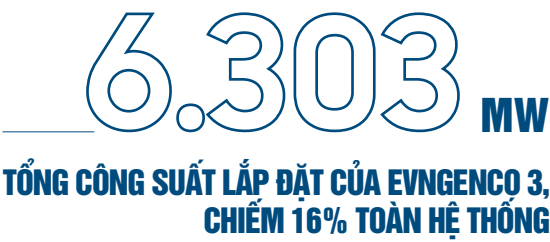
Các nhà máy điện của EVNGENCO 3 có trình độ công nghệ và thiết bị hiện đại. Phần lớn nguồn điện của EVNGENCO 3 cung cấp cho phụ tải miền Nam – khu vực có yêu cầu tăng trưởng cao sản lượng điện trong khi nguồn tại chỗ chưa đủ cung cấp và giới hạn truyền tải của hệ thống điện 500kV Bắc – Trung – Nam nên các nhà máy điện của EVNGENCO 3 tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong thời gian tới.

SẢN LƯỢNG ĐIỆN SẢN XUẤT

Về sản lượng điện sản xuất, năm 2016 EVNGENCO 3 sản xuất được 33,654 tỷ kWh điện, chiếm 19,0% sản lượng điện cả nước; năm 2017 sản xuất được 33,165 tỷ kWh, chiếm 17,2% sản lượng điện toàn hệ thống điện quốc gia.

Sản lượng điện sản xuất của EVNGENCO 3 so với cả nước

Đơn vị sản xuất	ĐVT: Triệu kWh			
	2014	2015	2016	2017
EVNGENCO 3	22.457	27.156	33.654	33.165
Cả nước	143.303	159.680	176.990	192.450
Tỷ trọng của EVNGENCO 3	15,7%	17,0%	19,0%	17,2%



PHÂN TÍCH LỢI THẾ CẠNH TRANH BẰNG MÔ HÌNH FIVE FORCES

Áp lực từ nhà cung cấp: Cao	Thủy điện: Phụ thuộc vào yếu tố thời tiết	Với tỷ trọng đóng góp vào cơ cấu điện lên đến hơn 30%, thủy điện luôn đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của ngành điện Việt Nam. Đối với các nhà máy thủy điện, sản lượng điện chịu chi phối rất lớn từ biến động của lượng nước đổ vào các hồ chứa, vì vậy biến động của thời tiết sẽ có tác động lớn đến khả năng cung cấp điện của các nhà máy thủy điện cũng như ngành điện Việt Nam. Hiện tại, vấn đề biến đổi khí hậu đã diễn biến khắc nghiệt hơn. Biến động thời tiết vì vậy cũng trở nên khó lường hơn trong trung và dài hạn.
	Nhiệt điện và Điện khí: Giá thành than nguyên liệu và khí đầu vào sẽ tăng cao	Trữ lượng than khai thác trong nước đang ngày càng suy giảm. Các nhà máy nhiệt điện trong nước đang phụ thuộc khá nhiều vào nguồn nguyên liệu than nhập khẩu. Trong khi đó giá than nhập khẩu có giá thành cao hơn than nội địa. Vì vậy, chi phí than đầu vào là yếu tố gây nhiều khó khăn cho việc duy trì biên lợi nhuận của các nhà máy điện. Tương tự, nguồn khí đầu vào giá rẻ để vận hành các nhà máy điện khí đang suy giảm, và giá sẽ gia tăng trong tương lai gần, đặc biệt là khi Việt Nam phải nhập khẩu khí.
Áp lực từ khách hàng: Cao nhưng sẽ có sự suy giảm trong dài hạn		EVN hiện tại đang là khách hàng duy nhất trong cơ cấu đầu ra của các nhà máy điện. Trên thực tế, EVN hoạt động với vai trò vừa là nhà đầu tư, nhà sản xuất và phân phối. Chính cơ chế vừa sản xuất vừa kinh doanh khiến cho EVN vừa tạo ra được áp lực từ phía cung cấp và áp lực từ phía khách hàng. Tuy vậy, yếu tố đầu ra sẽ nhanh chóng thay đổi, đặc biệt là khi thị trường cạnh tranh bán buôn điện sẽ chính thức đi vào hoạt động trong năm 2019.
Cạnh tranh nội bộ ngành: Thấp và có sự gia tăng không đáng kể trong dài hạn		Dù số lượng nhà máy thủy điện và nhà máy nhiệt điện là khá lớn nhưng tính cạnh tranh trong ngành lại rất thấp khi: ✦ Nhu cầu tiêu thụ điện thường xuyên cao hơn sản lượng cung cấp của các nhà máy. Do đó, rủi ro giảm công suất xuất phát từ áp lực cạnh tranh trong ngành là không có. ✦ Cơ chế hiện tại đã giảm rủi ro cạnh tranh trong nội bộ ngành. Trong dài hạn, với cơ chế chuyển đổi sang giá bán buôn tự do, sự cạnh tranh có thể gia tăng trong những năm tới. Tuy nhiên, với sự mất cân đối nghiêng về phía cầu như hiện tại cùng nhu cầu điện kỳ vọng có sự gia tăng mạnh trong tương lai thì tính cạnh tranh nếu có cũng sẽ không quá lớn.
Rào cản gia nhập ngành: Cao		Đặc thù của ngành sản xuất điện đòi hỏi tiềm lực tài chính lớn từ chủ đầu tư. Bên cạnh đó, yếu tố vị trí địa lý, nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như rào cản pháp lý sẽ gây nhiều khó khăn cho khả năng thâm nhập ngành, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp có nguồn vốn kinh doanh nhỏ.
Mối đe dọa từ sản phẩm thay thế: Thấp trong ngắn hạn – Cao trong dài hạn		Nguồn năng lượng điện là nguồn năng lượng đặc thù và thiết yếu nên không có sản phẩm thay thế. Do đó, mối đe dọa sẽ đến từ sự chuyển đổi các hình thức sản xuất điện. Trong dài hạn, trước các chính sách bảo vệ môi trường và phát triển bền vững của Chính phủ, hoạt động sản xuất điện từ các nguồn năng lượng tái tạo sẽ nhận được sự chú trọng lớn. Bên cạnh đó, khả năng mở rộng các nhà máy thủy điện và nhiệt điện cũng sẽ phần nào hạn chế khi các địa điểm đặt nhà máy thuận lợi (đối với thủy điện) và áp lực chi phí (nhiệt điện) đang là trở ngại.

PHÂN TÍCH
ĐIỂM MẠNH - ĐIỂM YẾU
- CƠ HỘI - THÁCH THỨC (SWOT)

Đang cung cấp nguồn năng lượng cơ bản với thị phần lớn nhất nước, EVNGENCO 3 nắm giữ vai trò chiến lược trong quá trình phát triển kinh tế khu vực phía Nam. Phần lớn công suất phát điện của EVNGENCO 3 (hơn 66%) thuộc các nhà máy tại khu vực phía Nam (Bà Rịa- Vũng Tàu, Đắk Lắk và Bình Thuận), đây là khu vực có nhu cầu nguồn điện rất lớn và công suất phát điện còn thiếu hụt.

Các nhà máy hiện tại của EVNGENCO 3 đều đã hoàn thành và đưa vào phát điện thương mại. Điều này giúp giảm thiểu rủi ro về khả năng vận hành so với các doanh nghiệp khác.

Thương hiệu uy tín cao trong ngành Điện cùng những kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu, nắm vững công nghệ của đội ngũ chuyên gia giúp EVNGENCO 3 có lợi thế vượt trội trong vận hành, kinh doanh các nhà máy hiện tại cũng như tìm kiếm và phát triển các dự án khác trong tương lai.

Là một công ty có vốn đầu tư của EVN, EVNGENCO 3 tiếp tục nhận được sự hỗ trợ trong công tác quản lý, điều hành và tài chính từ Tập đoàn.

ĐIỂM MẠNH

S

Các nhà máy của EVNGENCO 3 chủ yếu dùng nhiên liệu hóa thạch (than, dầu, khí chiếm tỷ trọng 82% nhiên liệu đầu vào).

Hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng của yếu tố thời tiết – đang ngày càng diễn biến phức tạp trước sự biến đổi khí hậu toàn cầu.

Tình hình tài chính chưa thực sự hấp dẫn khi hệ số nợ/vốn chủ sở hữu cao do các dự án đầu tư chủ yếu sử dụng nguồn vốn vay ngoại tệ. Sức ép về chi phí, biến động tỷ giá cũng khiến hiệu quả sinh lời từ hoạt động sản xuất kinh doanh chỉ ở mức trung bình thấp. Đây là yếu tố cần được cải thiện trong tương lai.

ĐIỂM YẾU

W

Khung chính sách cho ngành Điện của Chính phủ đang có những thay đổi lớn, mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp lớn nhờ ưu tiên xây dựng thị trường điện cạnh tranh.

Thị trường bán buôn điện cạnh tranh sẽ được đưa vào vận hành trong những năm sắp tới, tiến tới vận hành thị trường bán lẻ cạnh tranh. Thị trường cạnh tranh sẽ tạo cơ hội mở rộng thị phần hiện tại của EVNGENCO 3.

Nhu cầu năng lượng khu vực phía Nam vẫn đang tiếp tục tăng trưởng trong khi các nhà máy điện đầu tư mới chưa đáp ứng kịp. EVNGENCO 3 sẽ hưởng lợi trực tiếp từ xu hướng này khi hiện đang nắm giữ thị phần cung cấp điện lớn nhất và vị trí hoạt động thuận lợi ở khu vực miền Nam.

Chính phủ đã đưa ra lộ trình phát triển cho các nguồn năng lượng sạch. EVNGENCO 3 sẽ có cơ hội tham gia vào các dự án xây dựng nguồn năng lượng sạch đang được Chính phủ chú trọng và khuyến khích. Hiện EVNGENCO 3 đang nghiên cứu đầu tư 04 dự án mới (điện mặt trời, tuabin khí CTHH sử dụng LNG). EVNGENCO 3 có cơ hội tăng trưởng tích cực khi các dự án này đi vào hoạt động.

Sự phát triển nguồn điện đến năm 2030 theo Quy hoạch điện VII hiệu chỉnh là rất lớn. Theo đó, nhu cầu về dịch vụ sửa chữa thuê, vận hành thuê nhà máy điện, đặc biệt là nhà máy điện chạy than công suất lớn sẽ tăng trưởng rất cao. Bên cạnh đó, công tác dịch vụ sửa chữa nhà máy điện tập trung còn là mục tiêu của EVN nhằm khắc phục được những hạn chế về công nghệ, chi phí sửa chữa, hiệu quả công tác đào tạo và sử dụng lao động. EVNGENCO 3 đã thành lập công ty EPS để đón bắt cơ hội này.

CƠ HỘI

O

Các nhà máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch bị tác động lớn bởi giá nhiên liệu đầu vào. Mặc dù về cơ bản, giá nhiên liệu đầu vào được phản ánh vào giá bán điện, nhưng về mặt dài hạn việc phụ thuộc giá nhiên liệu đầu vào trong bối cảnh thị trường điện cạnh tranh có thể khiến hiệu quả kinh doanh của EVNGENCO 3 suy giảm.

Việc thị trường điện cạnh tranh đi vào vận hành cùng với các đơn vị phát điện lớn trên thị trường như EVNGENCO 1, EVNGENCO 2, PV Power..., và nhu cầu tiêu thụ điện lớn tập trung ở miền Nam, EVNGENCO 3 sẽ phải cạnh tranh về giá.

EVNGENCO 3 phải cạnh tranh để giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao với các công ty trong và ngoài nước.

Sự quản lý nghiêm ngặt, thủ tục phức tạp có thể khiến các dự án đầu tư nhà máy điện phải chờ đợi trong thời gian dài trước khi được phê duyệt.

Nhu cầu cao về vốn để đầu tư cho tài sản cố định và công nghệ, nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu mở rộng trong thời gian tới.

Yếu tố môi trường và phát triển bền vững đang được cơ quan quản lý và cộng đồng quan tâm, đòi hỏi công nghệ hoạt động của nhà máy sản xuất nhiệt điện và thủy điện cần phải tiếp tục cải tiến để giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực.

THÁCH THỨC

T

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

T
rên cơ sở phân tích các thế mạnh cạnh tranh, điểm yếu nội tại, cơ hội cũng như thách thức từ thị trường, EVNGENCO 3 đang thực hiện đổi mới triệt để về mô hình tăng trưởng, cơ cấu kinh doanh, cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý, đảm bảo sự ổn định trên cơ sở đổi mới có sự kế thừa những thành tựu đã đạt được nhằm gia tăng mọi năng lực sản xuất sẵn có trong EVNGENCO 3, khai thác các tiềm năng, thế mạnh, nhằm mục tiêu tăng trưởng nhanh, phát triển bền vững, đáp ứng nhu cầu về an ninh năng lượng của quốc gia.

TẦM NHÌN CỦA EVNGENCO 3 LÀ TRỞ THÀNH ĐƠN VỊ CỐ TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ, QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI VÀ CHUYÊN MÔN HÓA CAO, HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ, BỀN VỮNG GIỮ VAI TRÒ TRỌNG YẾU ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ ĐẤT NƯỚC VÀ ĐẢM BẢO AN NINH NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA, PHẤN ĐẤU TRỞ THÀNH DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM VÀ KHU VỰC ASEAN TRONG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG SẠCH, BẢO ĐẢM MÔI TRƯỜNG GẮN LIỀN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

Để hiện thực hóa tầm nhìn này, EVNGENCO 3 huy động mọi nguồn lực, đoàn kết để tận dụng sức mạnh nội tại và cơ hội thị trường, vượt qua khó khăn, thách thức, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển đã đặt ra.



11 MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ƯU TIÊN

01 Đảm bảo công tác sản xuất kinh doanh điện có lãi, đáp ứng mong muốn của các nhà đầu tư và xã hội; hoạt động hiệu quả và bền vững;

02 Đảm bảo quản lý, vận hành các nhà máy điện an toàn, liên tục, ổn định phục vụ cho các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia;

03 Tham gia thị trường điện cạnh tranh có hiệu quả theo lộ trình của Chính phủ;

04 Tiếp tục thực hiện triển khai các dự án đầu tư nguồn điện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công;

05 Đầu tư phát triển các dự án nguồn mới sử dụng công nghệ sạch, đảm bảo môi trường gắn liền với phát triển bền vững;

06 Các chỉ tiêu tài chính được đảm bảo để có thể huy động nguồn vốn cho đầu tư dự án mới;

07 Phát triển công tác cung ứng dịch vụ vận hành, sửa chữa thuê chuyên nghiệp cho các nhà máy điện; phát triển thiết kế, chế tạo gia công phục hồi và các mảng dịch vụ kỹ thuật, công nghệ cao, xử lý môi trường cho các nhà máy điện;

08 Là trung tâm cung cấp nguồn nhân lực sửa chữa chất lượng cao; nghiên cứu, phát triển và hợp tác quốc tế về công nghệ sửa chữa NMND;

09 Ổn định hoạt động và quản trị EVNGENCO 3 theo mô hình tổ chức mới từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động ngang tầm với một số nước tiên tiến trong khu vực và thế giới;

10 Phát huy tối đa mọi nguồn lực, trong đó lấy phát triển nguồn nhân lực làm trọng tâm. Xây dựng bộ máy, đội ngũ CBCNV tinh nhuệ và chuyên môn cao để đảm đương thực hiện nhiệm vụ của một EVNGENCO 3 chuyên nghiệp và quy mô lớn;

11 Tạo dựng thành công hình ảnh một doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. Phấn đấu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu khu vực ASEAN trong lĩnh vực sản xuất điện và dịch vụ các nhà máy điện.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

NHIỆM VỤ CỤ THỂ

01

Các nhà máy đang hoạt động: Đảm bảo vận hành ổn định, an toàn và kinh tế.

02

Các dự án đang thực hiện: Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ quản lý dự án đối với các dự án NMNĐ Vĩnh Tân 4, Thái Bình, Vĩnh Tân 4 Mở rộng theo đúng tiến độ Hợp đồng và kế hoạch EVN giao.

03

Chi phí sản xuất kinh doanh: Thực hiện các giải pháp nhằm tiết kiệm, tối ưu hóa, giảm chi phí để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động.

04

Công tác thị trường điện: Thực hiện chào giá trong thị trường điện có hiệu quả, đảm bảo sản xuất kinh doanh có lợi nhuận.

05

Công tác tài chính: Đảm bảo an toàn về tài chính, các chỉ tiêu tài chính tốt, lành mạnh, doanh nghiệp tăng trưởng.

06

Quản trị công ty và đào tạo nguồn nhân lực:

- ✦ Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác quản lý; ứng dụng phương pháp quản trị tiên tiến cho công ty cổ phần. Hiện đại hóa công tác quản lý trong EVNGENCO 3 (áp dụng CNTT trong quản lý và điều hành), sẵn sàng cho việc quản trị điều hành EVNGENCO 3 trên nền tảng CNTT, phù hợp với mô hình Chính phủ điện tử.
- ✦ Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển và hiện đại hóa của EVNGENCO 3, trong đó chú trọng đến việc đào tạo lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật chuyên sâu làm nòng cốt, chuyên gia trong từng lĩnh vực.

07

Đối với người lao động: Đảm bảo ổn định việc làm và cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trên cơ sở tăng năng suất lao động và hiệu quả.

08

Công tác dịch vụ các nhà máy điện: Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện (EPS) đảm bảo công tác sửa chữa cho các NMD thuộc Tổng Công ty, nhằm mục tiêu tối ưu hóa chi phí sửa chữa, tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra, EPS sẽ định hướng đẩy mạnh hoạt động dịch vụ vận hành và sửa chữa cho các nhà máy điện thuộc EVN và các khách hàng bên ngoài, tận dụng lợi thế hơn 20 năm kinh nghiệm cùng đội ngũ nhân viên lành nghề và công nghệ sửa chữa tiên tiến.



CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN ĐIỆN

Triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng dự án nhà máy điện mặt trời tại tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Đắk Lắk.

Triển khai thực hiện đầu tư xây dựng Trung tâm Điện lực Khí Long Sơn (sử dụng khí hóa lỏng LNG).

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN ĐIỆN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI GIAI ĐOẠN 2018-2025

STT	Dự án	Công suất (MWp/MW)	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng)	Kế hoạch thực hiện
1	Điện mặt trời Vĩnh Tân - Bình Thuận	42,6	986	2018 - 2019
2	Điện mặt trời trên hồ thủy điện Srêpôk 3	61,6	1.540	2020 - 2022
3	Điện mặt trời Ninh Phước 7 - Ninh Thuận (Phân kỳ 1 & 2)	100	2.237	2019 - 2021
4	Dự án nhà máy điện LNG Long Sơn 1	1.200	24.293	2021 - 2025
TỔNG CỘNG		1.404,2	29.056	

Ngoài ra, tùy vào điều kiện cụ thể, EVNGENCO 3 có thể xem xét đầu tư thêm các dự án khác như: Điện mặt trời trên hồ thủy điện Buôn Kuốp, Buôn Tua Srah, các dự án khác tại tỉnh Ninh Thuận và tỉnh Bình Thuận.



QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO GIÁ NHIÊN LIỆU

Đối với các doanh nghiệp sản xuất điện, nguồn nhiên liệu đầu vào chủ yếu là khí đốt, than và dầu. Tỷ trọng sản xuất điện của EVNGENCO 3 tập trung lớn ở loại hình Nhiệt điện than và Tuabin khí nên khí đốt và than là hai nguồn nhiên liệu chiếm tỷ trọng đầu vào cao nhất, ổn định từ 65% đến 71% trong cơ cấu chi phí qua các năm. Do đó, bất kì sự biến động mạnh của giá than và giá khí đầu vào đều ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của EVNGENCO 3.

Rủi ro từ nguồn nhiên liệu than

Nhiên liệu chính dùng trong sản xuất nhiệt điện than là than cám sản xuất trong nước và dầu FO/DO dùng để khởi động và đốt kèm khi tải thấp.

Theo quy hoạch ngành Than năm 2012 (Quy hoạch 60), Việt Nam có tổng tài nguyên và trữ lượng than được xác định là 48,7 tỷ tấn, trong đó chủ yếu là đóng góp của Bể than Đông Bắc 8,8 tỷ tấn và Bể than Đồng bằng sông Hồng với 39,4 tỷ tấn. Cùng với các quốc gia khai thác và xuất khẩu than khác như Trung Quốc, Nga, Triều Tiên,... Việt Nam luôn

nằm trong nhóm các nước sản xuất và xuất khẩu than nhiều nhất thế giới. Trong khi trữ lượng than là có hạn, đặc biệt là ở các tầng dễ khai thác, sản lượng khai thác cũng như xuất khẩu đang giảm dần qua các năm. Trong khi đó, nhu cầu sử dụng than lại gia tăng từ mức 10 triệu tấn ở năm 2002 đã tăng hơn 3,5 lần lên mức tiêu thụ 35,5 triệu tấn vào năm 2014. Trong đó, ngành Điện là ngành có lượng tiêu thụ than cao nhất, chiếm hơn 50% sản lượng tiêu thụ than toàn quốc.

Sự dịch chuyển ngược chiều của nguồn cung than trong nước và nhu cầu tiêu thụ than của ngành Điện đã tạo áp lực nhập khẩu than trong các năm trở lại. Trong khi nhu cầu than cho sản xuất điện ngày một tăng cao, Việt Nam bắt đầu phải đối mặt với nguy cơ thiếu hụt nguồn cung. Theo dự báo của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản (Vinacomin), khả năng sản xuất và cung cấp than nội địa chỉ đáp ứng được khoảng 50 triệu tấn/năm. Đến năm 2025-2030, Việt Nam phải nhập khẩu khoảng 70-100 triệu tấn than để đáp ứng cho nhu cầu sử dụng than toàn quốc nói chung và cho ngành Điện nói riêng. Do đó, áp lực nhập khẩu than được dự báo sẽ gia tăng trong những năm

tới và tạo sức ép gia tăng giá đầu vào cho ngành sản xuất Điện. Biến động giá than đầu vào sẽ ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của EVNGENCO 3 khi nhiệt điện than đang chiếm 37% cơ cấu phát điện.

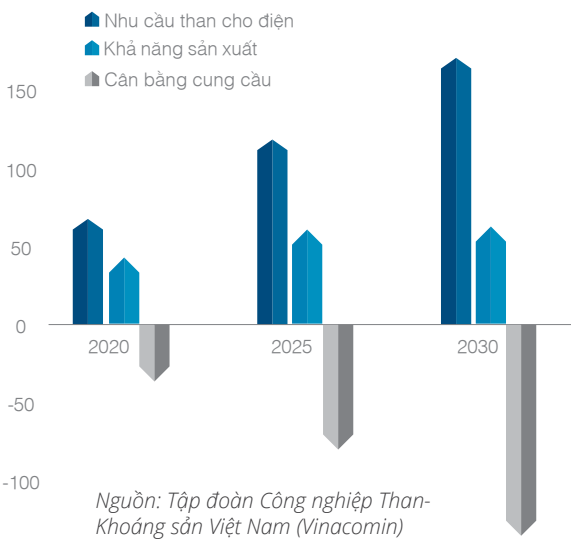
Bên cạnh yếu tố nguồn cung than, cơ chế giá than cũng sẽ có sự thay đổi trong tương lai theo lộ trình của Chính phủ nhằm đưa giá than về tiệm cận giá thị trường. Đây sẽ là một yếu tố thúc đẩy sự gia tăng của giá than trong tương lai khi hiện tại giá bán than cho sản xuất điện nhìn chung vẫn đang ở mặt bằng thấp hơn so với giá bán cho các ngành sản xuất khác.

Giải pháp

Xây dựng và tìm kiếm các nhà cung cấp trong và ngoài nước nhằm đa dạng hóa đơn vị cung cấp than, đảm bảo sự ổn định của nguồn cung.

Triển khai thực hiện Đề án sử dụng than trộn cho các nhà máy Nhiệt điện than (trộn than nhập khẩu với than nội địa với tỷ lệ trộn lớn nhất có thể mà không ảnh hưởng tới thiết bị công nghệ) với mục đích giảm dần sản lượng than nội địa.

CÂN BẰNG CUNG CẦU THAN CHO NGÀNH ĐIỆN VIỆT NAM 2020-2030 (Triệu tấn)



Quản lý sát hàng tồn kho cũng như theo dõi sát và dự báo diễn biến giá than trên thế giới, thực hiện việc tích trữ nhiên liệu than ở mức hợp lý. Tối ưu lượng hàng tồn kho ở mức giá hợp lý cũng như đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất điện.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro từ nguồn nhiên liệu khí

Bên cạnh giá than, hoạt động kinh doanh của EVNGENCO 3 còn chịu ảnh hưởng từ yếu tố chi phí nhiên liệu khí đầu vào. Các nhà máy điện khí hiện chiếm 50% trong cơ cấu phát điện của EVNGENCO 3, điển hình là Nhà máy điện Phú Mỹ tiêu thụ khí đốt từ hai nguồn chính: bể Nam Côn Sơn có hợp đồng dài hạn cung cấp đến năm 2023 và các hợp đồng cấp khí từ mỏ khí Cửu Long. Nhà máy điện Phú Mỹ đang có lợi thế khai thác tối ưu hệ thống vận chuyển khí của PV GAS.

Theo kế hoạch của PV GAS, mục tiêu giai đoạn 2016 – 2035 sẽ đạt sản lượng cung cấp 297,6 tỷ m³ khí và gia tăng sản lượng thêm khoảng 0,2 – 1,5 tỷ m³/năm kể từ năm 2017. Tuy nhiên, sự gia tăng này chưa thể bù đắp nhu cầu khí tại khu vực Nam Bộ với ước tính mức thiếu hụt lên đến 6 tỷ m³ vào năm 2020 và 15 tỷ m³ vào năm 2025. Do đó, việc nhập khẩu khí để bù đắp cho lượng khí thiếu hụt là điều cần thiết trong những năm tới.

Về cơ chế giá khí đầu vào cho ngành Điện, từ tháng 04/2014, theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, giá khí ở nước ta đã được điều chỉnh theo cơ chế giá thị trường. Theo đó, một phần khí theo quy định bán cho các nhà máy điện tại các mỏ cũ sẽ được neo theo giá dầu FO với tỷ lệ thả nổi đạt 100% kể từ năm 2015. Giá khí tại các mỏ mới được đưa vào khai thác cũng sẽ được bán theo giá thị trường. Như vậy, cùng với giá than, giá khí đầu vào cũng sẽ chịu áp lực tăng giá trên bình diện chung, xuất phát từ hai yếu tố cơ chế hình thành giá và nhu cầu tiêu thụ khí của ngành Điện.

Giải pháp

Nghiên cứu cấp bổ sung khí LNG nhập khẩu cho các Nhà máy điện khí Phú Mỹ và Nhiệt điện Bà Rịa.

RỦI RO TỶ GIÁ

Rủi ro tỷ giá sẽ phát sinh đối với những doanh nghiệp có khoản vay liên quan đến ngoại tệ. Khoản lỗ tỷ giá chủ yếu đến từ khoản chênh lệch gia tăng đối với nghĩa vụ thanh toán cho nợ và chi phí lãi vay ngoại tệ thực hiện trả nợ trong năm (khoản lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện) và khoản chênh lệch tỷ giá gia tăng do đánh giá lại số dư nợ các khoản vay còn lại (lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện). Nếu tỷ giá ngoại tệ biến động theo chiều hướng gia tăng sẽ đồng thời gia tăng rủi ro tỷ giá đối với doanh nghiệp.

Đề xuất chuyển biến động tỷ giá vào giá bán điện vẫn đang trong giai đoạn được Bộ Công thương xem xét, do đó chênh lệch tỷ giá vẫn chưa thể được tính vào giá bán điện. Phần lớn các doanh nghiệp sản xuất điện, hiện vẫn phải đối diện với rủi ro tỷ giá trong hiện tại.

EVNGENCO 3 hiện có dư nợ vay tương đối cao, chủ yếu là các khoản nợ từ các ngân hàng nước ngoài và ngân hàng trong nước, nhận nợ và trả nợ đều bằng ngoại tệ.

Giải pháp

Thực hiện tái cấu trúc nguồn vốn thông qua việc huy động vốn cổ phần từ thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, Tổng Công ty dự kiến sẽ thoái vốn tại một số công ty con, công ty liên kết, thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ các khoản nợ vay.

RỦI RO NỀN KINH TẾ

Kinh tế thế giới ghi nhận sự tăng trưởng khả quan trong năm 2017. Song hành với diễn biến sôi động toàn cầu, nền kinh tế Việt Nam cũng để lại dấu ấn với mức tăng trưởng ấn tượng 6,81%, vượt xa con số kế hoạch 6,7%. Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản như lạm phát, tỷ giá, cán cân thương mại, xu hướng công nghiệp hóa đều đạt mục tiêu đề ra. Điều này đã hỗ trợ rất nhiều cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước nói chung và EVNGENCO 3 nói riêng.

Tăng trưởng GDP: Kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định trong năm 2018. Xu hướng này sẽ tiếp tục hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của EVNGENCO 3. Dù vậy, vẫn

cần lưu ý đến rủi ro từ các biến động thương mại và chính trị có ảnh hưởng khó đoán định lên nền kinh tế Việt Nam, xuất phát từ sự gia tăng chính sách bảo hộ thương mại của Mỹ cũng như các xung đột địa chính trị diễn ra trên thế giới.

Lạm phát: Tỷ lệ lạm phát năm 2017 được duy trì ổn định và thấp hơn ngưỡng lạm phát mục tiêu 4%. Năm 2018, áp lực lạm phát từ sự gia tăng của giá dầu sẽ là yếu tố cần được lưu tâm kỹ càng. Với dự địa chính sách vẫn đang còn thì mục tiêu lạm phát bình quân 4% đề ra cho năm 2018 là điều hoàn toàn nằm trong kiểm soát của Chính phủ. Sự ổn định lạm phát sẽ hỗ trợ đáng kể cho khả năng kiểm soát chi phí của EVNGENCO 3.

Lãi suất: Với dư nợ vay ngoại tệ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nợ vay, biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp lên tình hình tài chính của EVNGENCO 3. Trong năm 2018, lãi suất của các đồng tiền lớn trên thế giới như USD, JPY, EUR... được dự báo sẽ có sự gia tăng mạnh hơn so với năm 2017, xuất phát từ chính sách thắt chặt tiền tệ trở lại của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED). Do đó, biến động lãi suất có thể ảnh hưởng thường xuyên hơn lên hoạt động kinh doanh của EVNGENCO 3 trong năm 2018.

Giải pháp

Hàng quý, EVNGENCO 3 thực hiện việc thu thập và đánh giá các dữ liệu vĩ mô mới nhất của nền kinh tế nhằm nắm bắt cũng như dự báo tình hình kinh tế trong các giai đoạn mới.

Ban lãnh đạo thường xuyên trao đổi thông tin kinh

tế nhằm đưa ra các giải pháp kinh doanh kịp thời.

Thực hiện tái cấu trúc nguồn vốn thông qua việc huy động vốn cổ phần từ thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, Tổng Công ty dự kiến sẽ thoái vốn tại một số công ty con, công ty liên kết.

Tăng cường nghiên cứu các kênh và cách thức huy động vốn khác nhau để hỗ trợ hoạt động của Tổng Công ty hiệu quả hơn.

RỦI RO CẠNH TRANH

Với việc công suất tiêu thụ luôn vượt khả năng cung cấp trong nhiều năm trở lại, tính cạnh tranh giữa các nhà máy điện là không đáng kể. Tuy nhiên, sự vận hành của thị trường điện cạnh tranh bán buôn sẽ gia tăng mức độ cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp điện. EVNGENCO 3 có thể phải cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất điện khác trong việc ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với các khách hàng ngoài EVN.

Dù vậy, với vị thế của nhà cung cấp điện lớn nhất Việt Nam, nắm giữ 16% thị phần tiêu thụ điện cả nước cùng lợi thế là nhà cung cấp điện trọng yếu cho khu vực phía Nam, EVNGENCO 3 tự tin sẽ trở thành điểm đến thu hút các khách hàng lớn trong xu hướng công nghiệp hóa đang diễn ra mạnh mẽ tại khu vực miền Nam Việt Nam. Do đó, rủi ro cạnh tranh đối với EVNGENCO 3 chưa phải là yếu tố cần lo ngại trong những năm tới.



QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU

Cổ phiếu PGV của EVNGENCO 3 đã giao dịch trên UPCoM kể từ tháng 03/2018. Việc đăng ký giao dịch cổ phiếu giúp nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, gia tăng sức hấp dẫn của EVNGENCO 3 đối với nhà đầu tư và tạo điều kiện cho cổ đông có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng.

Tuy nhiên, việc giao dịch cổ phiếu trên TTCK cũng mang lại những rủi ro về biến động giá cổ phiếu. Đây là rủi ro khó tránh khỏi đối với nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu PGV cũng như ảnh hưởng đến khả năng huy động vốn của doanh nghiệp. Bên cạnh các yếu tố tác động cơ bản như hoạt động kinh doanh, triển vọng nền kinh tế trong nước và thế giới, tình hình chính trị, xã hội cũng như các thay đổi trong luật pháp, giá cổ phiếu PGV còn phụ thuộc mạnh vào yếu tố tâm lý của nhà đầu tư.

Giải pháp

Dù mới chuyển đổi mô hình hoạt động nhưng EVNGENCO 3 đã tiến hành thành lập bộ phận quản lý cổ đông; chịu trách nhiệm chính trong việc tương tác với cộng đồng đầu tư trên thị trường chứng khoán thông qua việc:

- ✦ Tăng cường công tác công bố thông tin trên TTCK để thông tin đến cộng đồng đầu tư nhanh chóng, kịp thời và chính xác nhất, tăng cường minh bạch hóa hoạt động, đáp ứng nhu cầu thông tin để giúp nhà đầu tư có thể đánh giá đúng đắn và phù hợp.
- ✦ Tổ chức thực hiện các công tác quan hệ cổ đông khác trong tương lai như: roadshow, investor day, analyst meeting ...

RỦI RO PHÁP LÝ

Trên lý thuyết, ảnh hưởng từ các quy định pháp lý là đáng kể khi các doanh nghiệp ngành Điện chịu sự quản lý chặt chẽ từ Bộ Công thương và Chính phủ. Hoạt động cung cấp nhiên liệu đầu vào, khả năng mở rộng đầu tư cũng như giá bán điện và sản lượng đầu ra đều đang chịu sự chi phối theo chính sách. Dù vậy, các rủi ro pháp lý trong những năm hoạt động vừa qua nhìn chung là không cao.

Trong những năm tới, khi thị trường cạnh tranh bán buôn chính thức đi vào vận hành, hệ thống pháp lý ngành Điện sẽ có những thay đổi phù hợp về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế... Điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của EVNGENCO 3.



Ngoài ra, hoạt động sản xuất kinh doanh của EVNGENCO 3 và các đơn vị thành viên chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách khác, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, các chính sách thuế... Sau đợt chào bán đầu giá cổ phần ra công chúng vào tháng 02/2018, EVNGENCO 3 trở thành công ty cổ phần đại chúng và hoạt động theo mô hình công ty cổ phần. Do đó EVNGENCO 3 còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Giải pháp

- ✦ Phát huy hơn nữa vai trò của Ban Pháp chế để đảm bảo các hoạt động đầu tư, kinh doanh của EVNGENCO 3 tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- ✦ Thường xuyên cập nhật và tham gia đào tạo, hướng dẫn khi có các văn bản pháp luật mới. Tổ chức đánh giá ảnh hưởng từ các văn bản pháp luật mới nếu có.
- ✦ Tổ chức đào tạo nội bộ để tất cả các phòng ban có liên quan cập nhật thông tin và nắm bắt các thay đổi của hệ thống văn bản pháp luật, nhằm giúp cho việc triển khai công việc giữa các phòng ban hiệu quả hơn.

RỦI RO VẬN HÀNH

Nhà máy sản xuất điện là công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và giữ vai trò cung cấp nguồn năng lượng cho cả nước. Trong bối cảnh nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng, nếu nhà máy điện gặp sự cố gián đoạn vận hành, sản xuất sẽ gây ảnh hưởng đến sự ổn định của nguồn cung cấp và dẫn đến thiếu hụt nguồn điện, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế đất nước nói chung.

Các rủi ro liên quan đến cháy, nổ và các tổn thất vật lý khác sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản. Việc tiếp xúc với nguồn năng lượng điện cũng đặt người lao động vào các rủi ro về an toàn lao động. Vì vậy người lao động tại các nhà máy điện phải luôn trang bị đầy đủ chuyên môn, kinh nghiệm cũng như các biện pháp an toàn lao động nhằm hạn chế tối đa các thiệt hại về con người.

Giải pháp

Nhận thức rõ nét các tổn thất tạo nên khi các rủi ro diễn ra, ngay từ ban đầu Ban lãnh đạo EVNGENCO 3 luôn chủ động xây dựng kế hoạch, phương án cụ thể để hạn chế thấp nhất rủi ro trong quá trình sản xuất.

- ✦ Ngay từ rất sớm, EVNGENCO 3 đã thiết lập các chiến lược vận hành bảo dưỡng với mục tiêu luôn duy trì sự vận hành nhà máy trong điều kiện an toàn nhất. Các nhà máy dưới sự quản lý của EVNGENCO 3 được quản trị rủi ro thông qua hệ thống các giải pháp quản lý và kỹ thuật tiên tiến nhất đang được áp dụng trên thế giới.
- ✦ Công nghệ được sử dụng trong các nhà máy điện đều đạt các tiêu chuẩn hoạt động của Châu Âu. Ngoài ra, hoạt động bảo trì bảo dưỡng nhà máy luôn được EVNGENCO 3 thực hiện kịp thời nhằm tối ưu hóa công suất hoạt động và phát hiện kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn có thể gia tăng mức độ rủi ro của quá trình vận hành nhà máy.
- ✦ Thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo cho CBCNV nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng và công tác vận hành nhằm đảm bảo hoạt động nhà máy được diễn ra đúng quy trình, liên tục và an toàn.
- ✦ Đặc thù ngành là vốn đầu tư lớn, đối mặt với nhiều rủi ro trong vận hành. EVNGENCO 3 chú trọng việc mua bảo hiểm tại các tổ chức bảo hiểm lớn cho các nhà máy để phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu thiệt hại nếu có rủi ro xảy ra.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro dù có xác suất xảy ra rất thấp nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty: lũ lụt, bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn cơ sở vật chất (dù các nhà máy điện đều được thiết kế để có thể chịu được động đất xảy ra). Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty.

Giải pháp

- ✦ EVNGENCO 3 đã thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các loại tài sản, hàng hóa, bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh của mình và của khách hàng nhằm hạn chế bớt các rủi ro này.
- ✦ Hàng năm thực hiện công tác đào tạo an toàn, phòng cháy chữa cháy cho toàn thể CBCNV.





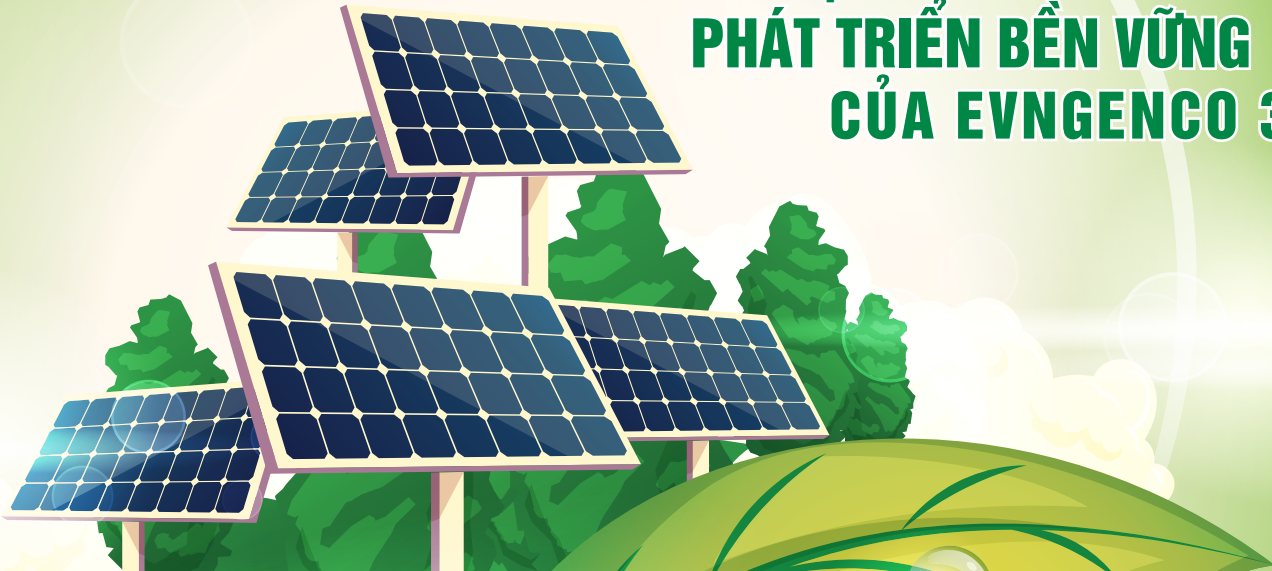
05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Các mục tiêu phát triển bền vững của EVNGENCO 3	71
An toàn trong sản xuất – kinh doanh và An toàn sức khỏe nghề nghiệp	72
Công tác bảo vệ môi trường	75
Việc làm và Chính sách liên quan đến người lao động	78
Trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội	81

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA EVNGENCO 3



- Đối với Sản xuất – kinh doanh
- Đối với Môi trường
- Đối với Người lao động
- Đối với Xã hội, Cộng đồng

Tăng cường các biện pháp tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước và xử lý nước thải. Cải tiến quy trình sản xuất, lắp đặt các thiết bị hiện đại nhằm đảm bảo an toàn trong sản xuất, tăng năng suất, tiết kiệm nguyên liệu và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tuân thủ các quy tắc đạo đức trong kinh doanh.

Tổng Công ty tiếp tục duy trì thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về môi trường theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành, theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan chức năng phê duyệt và các giấy phép về môi trường; đồng thời tiếp tục triển khai các hạng mục công trình nhằm tăng cường đảm bảo môi trường dài hạn.

Xây dựng chế độ lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ tốt vì điều này ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến toàn thể CBCNV. Xây dựng môi trường làm việc tốt, có văn hóa đặc trưng.

Tiếp tục thực hiện và nhân rộng các chương trình hỗ trợ địa phương xây dựng các công trình phúc lợi. Tăng cường ngân sách cho công tác khuyến học khuyến tài để khuyến khích và xây dựng xã hội học tập, góp phần phát triển nguồn nhân lực cả nước.

Căn cứ vào các mục tiêu trên, ngoài các vấn đề khác đã được trình bày trong những phần trước, Báo cáo Phát triển Bền vững tập trung vào các vấn đề trọng yếu sau đây:



AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH & AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG HÀNG ĐẦU TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA EVNGENCO 3.



Tổng Công ty đã không ngừng đẩy mạnh đầu tư, xây dựng, đổi mới quy trình, tăng cường giám sát, kiểm tra hoạt động của toàn bộ các đơn vị, từ đó kịp thời phát hiện những sai sót và có hướng khắc phục hợp lý cho từng trường hợp. Cụ thể:

- ✦ Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công tác sản xuất của các đơn vị và chỉ đạo xử lý kịp thời các sự cố, thiết bị nhà máy; chuẩn bị vật tư dự phòng, phương án sửa chữa nhằm đảm bảo sản xuất.
- ✦ Đẩy mạnh phong trào sáng kiến, cải tiến, hợp lý hoá trong sản xuất.
- ✦ Tiếp tục triển khai các chương trình đảm bảo và nâng cao độ tin cậy, khả dụng của các nhà máy.
- ✦ Các nhà máy điện của EVNGENCO 3 đều được kết nối đầy đủ, ổn định tín hiệu SCADA về các Trung tâm Điều độ Hệ thống điện theo quy định của Nhà nước và EVN.
- ✦ Triển khai các biện pháp đảm bảo cung ứng điện trong các dịp Lễ, Tết và trong mùa khô như: Tăng cường công tác phòng chống cháy nổ, ngăn ngừa tai nạn lao động, đảm bảo an toàn trong sản xuất, tăng cường công tác quản lý thiết bị trong vận hành,...
- ✦ Chỉ đạo, kiểm tra việc xây dựng kế hoạch, phương án phòng, chống lũ, bão, giảm nhẹ thiên tai cụ thể, chi tiết, sát với thực tế, phù hợp với tình hình, đặc điểm của từng đơn vị; thực hiện nghiêm các quy định về quản lý an toàn đập, công trình, thiết bị đóng mở ở đập tràn, nguồn điện diesel dự phòng, đảm bảo có đầy đủ số liệu thủy văn để vận hành hồ chứa; rà soát, đánh giá, cập nhật, sửa đổi, bổ sung phương án phòng chống lũ lụt vùng hạ du, quy chế phối hợp với địa phương và các cơ quan liên quan.



NĂM 2017, EVNGENCO 3 TIẾP TỤC PHÁT HUY VÀ LÀM CHỦ CÔNG NGHỆ SỬA CHỮA, ĐẶC BIỆT ĐỐI VỚI CÁC NMNĐ ĐỐT THAN CÔNG SUẤT LỚN, CHỦ ĐỘNG HỢP TÁC VỚI CÁC ĐỐI TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC.

01 CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG SỬA CHỮA, ĐẢM BẢO TRONG VẬN HÀNH

Tổng Công ty thường xuyên tiến hành rà soát lại tất cả các hoạt động của đơn vị, thực hiện đánh giá lại rủi ro để cập nhật vào danh mục rủi ro. Cũng trong khuôn khổ công tác rà soát, danh mục thiết bị và dây chuyền công nghệ cũng được theo dõi kỹ càng, tiến hành bổ sung đầy đủ các vật tư tiêu hao, thiết bị dự phòng để đảm bảo quá trình vận hành không bị gián đoạn.

Trong năm 2017, tiếp tục phát huy và làm chủ công nghệ sửa chữa, đặc biệt đối với các NMNĐ đốt than công suất lớn, Tổng Công ty đã chủ động hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước như DOOSAN, PECC4 – Smarforce, NHI, ITOCHU – MHPS, GE... về công tác sửa chữa thuê, đào tạo vận hành thuê, chuyên gia, chuyển giao công nghệ sửa chữa và các vật tư dự phòng chiến lược tại các NMD đốt than....

Tổng Công ty cũng đã tổ chức triển khai khảo sát, đánh giá và lập kế hoạch thực hiện thí điểm chương trình sửa chữa bảo dưỡng theo hình thức RCM tại NMNĐ Vĩnh Tân 2. Cụ thể, Tổng Công ty đang triển khai chương trình nâng cao ổn định, tin cậy và hiệu suất vận hành lò hơi của Vĩnh Tân 2 trong tháng 11-12/2017 nên sẽ cơ bản khắc phục được tình trạng sự cố thiết bị trong thời gian tới; riêng đối với sự cố ống lò hơi Tổng Công ty sẽ triển khai giải pháp giám sát, kiểm soát tình trạng ống lò trong năm 2018.

02 CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Công tác Phòng cháy chữa cháy (PCCC) luôn được Tổng Công ty và các đơn vị quan tâm theo dõi, triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo an toàn về PCCC trong toàn Tổng Công ty. Cụ thể: Xây dựng tổ chức bộ máy hoạt động về PCCC, tổ chức lực lượng chữa cháy; thực hiện bồi dưỡng, huấn luyện nghiệp vụ an toàn PCCC; xây dựng và thực tập phương án chữa cháy; tổ chức kiểm tra an toàn PCCC; đầu tư, mua sắm phương tiện PCCC; quản lý hệ thống, phương tiện PCCC; khắc phục các tồn tại của hệ thống PCCC; thực hiện mua bảo hiểm cháy nổ; phối hợp với cơ quan Cảnh sát PCCC và đơn vị liên quan.

Đồng thời, Tổng Công ty và các đơn vị thường xuyên:

- ✦ Tổ chức huấn luyện hướng dẫn sử dụng bình chữa cháy các loại, vị trí đặt phương tiện chữa cháy phù hợp.
- ✦ Thực hiện dán biển báo đối với các khu vực dễ cháy nổ.
- ✦ Lập sơ đồ hướng dẫn phương án thoát nạn, thoát hiểm khi có sự cố.
- ✦ Hệ thống báo cháy được bảo trì, bảo dưỡng định kỳ theo đúng quy định và được thực hiện bởi các đơn vị chức năng chuyên trách.

Trong các năm qua Tổng Công ty và các đơn vị không để xảy ra vụ cháy nổ nào.

AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH & AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

03 CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN

Trong những năm gần đây, tình hình thời tiết diễn biến bất thường, biến đổi khí hậu diễn biến trên toàn cầu, dẫn đến nhiều cơn bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng trực tiếp tới đất liền nước ta, hoàn lưu của chúng đã gây ra mưa lớn diện rộng, gây ngập, lụt, sạt, trượt tại một số địa phương, ảnh hưởng tới một số nhà máy điện thuộc EVNGENCO 3 quản lý.

Nhận thức được điều này, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã thực hiện nghiêm các quy định về PCTT&TKCN do các cơ quan cơ quan chức năng đề ra. Chuẩn bị đầy đủ các phương án ứng phó khi có sự cố do bão, mưa, lũ gây ra tại các nhà máy điện, đồng thời EVNGENCO 3 cũng đã trực tiếp đến hiện

trường kiểm tra, chỉ đạo các đơn vị khẩn trương, triển khai các biện pháp phòng ngừa, chuẩn bị ứng phó với tình hình hướng thời tiết bất thường có thể xảy ra, đảm bảo các tổ máy và các hồ chứa vận hành an toàn trong mùa mưa, bão lũ.



04 CÔNG TÁC BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân là biện pháp cần thiết giúp người lao động giảm thiểu tối đa những tác hại do điều kiện và môi trường làm việc mang lại như: nóng, ồn, bụi, hơi khí độc, các tác động nguy hiểm độc hại khác...

EVNGENCO 3 luôn đảm bảo cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động, thực hiện ghi chép sổ sách theo dõi và định kỳ hàng tháng các đơn vị tổ chức rà soát, kiểm tra để có các biện pháp triển khai khắc phục giảm thiểu tối đa những tác hại do điều kiện và môi trường và thực hiện đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân nhằm đảm bảo an toàn trong toàn Tổng Công ty.

➤ An toàn sức khỏe nghề nghiệp

Tổng Công ty luôn chăm lo, bảo đảm an toàn sức khỏe của người lao động, thể hiện cụ thể qua các hoạt động sau:

- ✦ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBCNV, khám sức khỏe cho CBCNV nữ và khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại.
- ✦ Khám tầm soát phát hiện, tư vấn điều trị, quản lý các bệnh có nguy cơ cao cho sức khỏe CBCNV

như viêm gan siêu vi B, ung thư, lao...; chủ động phòng ngừa dịch bệnh theo các khuyến cáo y tế trên địa bàn như phòng chống sốt xuất huyết, HIV-AIDS, cúm...

- ✦ Mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo quy định và bảo hiểm trách nhiệm cho người lao động.
- ✦ Bồi dưỡng bằng hiện vật bằng sữa cho CBCNV làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại.

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



EVNGENCO 3 LUÔN Ý THỨC TRÁCH NHIỆM VÀ TUÂN THỦ ĐÚNG, ĐẦY ĐỦ CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NHẪM BẢO VỆ NGÔI NHÀ CHUNG CỦA NHÂN LOẠI. KHÔNG NGỪNG NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ THAM GIA TÍCH CỰC VÀO CÁC HOẠT ĐỘNG NHẪM CẢI TẠO, GIỮ GÌN MÔI TRƯỜNG TRONG LÀNH, SẠCH ĐẸP TẠI CƠ QUAN CŨNG NHƯ TRONG CỘNG ĐỒNG.

Song song với hoạt động sản xuất điện, công tác bảo vệ môi trường luôn được Tổng Công ty chú trọng, kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc đơn vị thực hiện đúng và đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo các thông số phát thải ra môi trường sau xử lý luôn nằm trong giới hạn cho phép theo các quy chuẩn môi trường hiện hành; tổ chức quan trắc môi trường định kỳ và báo cáo đầy đủ theo quy định; đảm bảo hệ thống quan trắc môi trường online vận hành ổn định, tin cậy và truyền số liệu về Sở TN&MT địa phương liên tục.

Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, phổ biến, tuyên truyền cho CBCNV nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Mỗi người lao động phải có trách nhiệm áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường vào hoạt động sản xuất như: hạn chế in ấn, tăng cường sử dụng giấy hai mặt, vệ sinh nơi làm việc, chăm sóc cây xanh, khơi thông rãnh nước quanh khu vực sản xuất, sử dụng biện pháp tiết kiệm điện, nước, vật tư, thiết bị, hạn chế tối đa chất thải công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất,... Ngoài ra, Tổng Công ty còn phát triển nguồn điện mặt trời, đóng góp một phần vào nguồn năng lượng sạch cho đất nước.

Hệ thống quản lý trách nhiệm môi trường tại EVNGENCO 3 tập trung vào các yếu tố trọng yếu sau:

- ✦ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- ✦ Đảm bảo hoạt động hiệu quả của hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001
- ✦ Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn năng lượng
- ✦ Kiểm soát chặt chẽ các công trình, hệ thống bảo vệ môi trường, chủ động ngăn ngừa và ứng phó kịp thời sự cố môi trường.
- ✦ Hướng đến sản xuất sạch hơn.

EVNGENCO3 đã không ngừng tìm hiểu để cập nhật, ứng dụng công nghệ xử lý nước thải và khí thải tiên tiến để kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải thông qua các thiết bị phân tích, giám sát đảm bảo đáp ứng được các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường theo quy định.



CÔNG TÁC
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC HẠNG MỤC, DỰ ÁN CẢI TIẾN, NÂNG CẤP, ĐẢM BẢO MÔI TRƯỜNG

1 NMNĐ Vĩnh Tân 2

- ✦ Công tác tổ chức vận chuyển và lưu trữ tro xỉ đã đi vào nề nếp theo đúng quy trình, đảm bảo môi trường trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt; hiện đã cơ bản hoàn thành việc thi công xây dựng đê bao tầng 2 đảm bảo vận hành an toàn của bãi xỉ khi có mưa lớn kéo dài.
- ✦ Hoàn thành lắp đặt bổ sung thiết bị quan trắc môi trường online đối với nước thải sản xuất và nước làm mát, lắp đặt bổ sung thiết bị lấy mẫu tự động nước thải và nước làm mát theo quy định và đã truyền số liệu về Sở TN&MT tỉnh Bình Thuận.
- ✦ Lắp đặt 19 camera giám sát toàn bộ tuyến đường vận chuyển và bãi xỉ, truyền tín hiệu online về Sở TN&MT tỉnh Bình Thuận để giám sát.
- ✦ Tiếp tục triển khai các hạng mục đảm bảo môi trường lâu dài như: xây dựng các bể lắng mương thoát nước mặt, tường chắn xung quanh kho than, và hoàn thiện hệ thống cảnh quan cây xanh bên trong nhà máy.



- ✦ Triển khai dự án chuyển đổi nhiên liệu dầu trong giai đoạn khởi động và đốt kèm từ dầu HFO sang dầu DO.
- ✦ Tiếp tục đôn đốc Công ty Mãi Xanh đẩy nhanh hoàn thiện, đưa 3 dây chuyền đã lắp đặt “Nhà máy sản xuất VLXD không nung” vào sản xuất. Tích cực tìm kiếm thêm các đối tác tiêu thụ mới.

2 NMNĐ Mông Dương 1

- ✦ Tháng 6/2017 hoàn thành lắp đặt bổ sung thiết bị quan trắc môi trường online đối với nước thải sản xuất và nước làm mát và kết nối truyền dữ liệu về Sở TN&MT tỉnh Quảng Ninh. Hiện đã hoàn thành lắp đặt bổ sung thiết bị lấy mẫu tự động nước thải và nước làm mát và được niêm phong bởi Sở TN&MT địa phương.
- ✦ Tổ chức lựa chọn và ký kết hợp đồng với nhà thầu thực hiện chuyển đổi nhiên liệu dầu khởi động và đốt kèm từ HFO sang DO trong tháng 10/2017, hiện đang trong quá trình thi công, dự kiến hoàn thành trong năm 2018.
- ✦ Ký hợp đồng với một số đơn vị để tái sử dụng xỉ đáy lò, hiện lượng xỉ phát sinh được tiêu thụ toàn bộ. Riêng tro bay hiện vẫn đang được vận chuyển, lưu giữ tại bãi xỉ. Song song đó, Tổng



Công ty đang khẩn trương triển khai các thủ tục liên quan để xây dựng bãi xỉ số 2 và tích cực tìm kiếm đơn vị sử dụng tro xỉ cho san lấp.



TÌNH HÌNH QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN, NHIÊN LIỆU

➤ Nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện khí

Các nhà máy điện Phú Mỹ sử dụng nhiên liệu khí là nhiên liệu chính, dầu DO là nhiên liệu dự phòng. Các Nhà máy điện Phú Mỹ tiêu thụ khí đốt từ các nguồn khí Nam Côn Sơn và có hợp đồng dài hạn cung cấp đến năm 2023, ngoài ra còn có hợp đồng cấp khí cho các nhà máy từ nguồn khí Cửu Long.

Theo quy hoạch phát triển ngành công nghiệp khí Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035, một số mỏ khí mới và nguồn LNG sẽ được đầu tư để bù đắp lượng khí suy hao nhằm tiếp tục cấp khí cho các nhà máy điện Phú Mỹ của EVNGENCO 3 nói riêng và các nhà máy điện miền Đông Nam Bộ nói chung.

➤ Nhiên liệu cho các nhà máy nhiệt điện than

Nhiên liệu chính dùng trong sản xuất nhiệt điện than là than cám sản xuất trong nước và dầu FO/DO dùng để khởi động và đốt kèm khi tải thấp.

TÌNH HÌNH TIÊU THU ĐIỆN

Do đặc thù sản xuất và kinh doanh điện năng, vì thế ngoài nguồn điện mua ngoài, EVNGENCO 3 đã tận dụng nguồn điện do Nhà máy điện sản xuất được, sử dụng để vận hành một số thiết bị của Nhà máy và điện sinh hoạt cho Tổng Công ty, tiết kiệm được nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường. Đồng thời, điện sinh hoạt của EVNGENCO 3 hướng tới sử dụng thiết bị đèn led thay thế đèn huỳnh quang, tiết kiệm điện năng. Các tổ máy vận hành nhiên liệu khí được tối ưu hóa khi sử dụng điện.

3 NMNĐ Ninh Bình

- ✦ Triển khai lắp đặt thiết bị quan trắc online đối với khí thải và hoàn thành trong tháng 12/2017.
- ✦ Dự án lắp đặt hệ thống FGD xử lý SOx: Đã phê duyệt Báo cáo khả thi, tổng mức đầu tư và kế hoạch đấu thầu dự án “Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải lò hơi”. Trong tháng 02/2018, Công ty đã phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu “Lắp đặt hệ thống xử lý SOx trong khói thải lò hơi”, hiện đang chờ ý kiến chính thức của Bộ Công thương cho phép đưa chi phí dự án vào giá điện để phát hành HSMT và thực hiện đấu thầu theo quy định.

TÌNH HÌNH TIÊU THỤ NƯỚC VÀ QUẢN LÝ NƯỚC THẢI

Tuân thủ nguyên tắc bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động môi trường, các Nhà máy nhiệt điện EVNGENCO 3 được lắp đặt hệ thống thiết bị xử lý và quan trắc nước thải sinh hoạt, nước làm mát và nước thải công nghiệp,... Bên cạnh hệ thống quan trắc online, việc quan trắc môi trường định kỳ được tiến hành với tần suất 03 tháng/lần, vị trí, thông số quan trắc tuân thủ theo đúng yêu cầu đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Một số nhà máy điện trong EVNGENCO 3 có hoạt động tái sử dụng nước sau xử lý đạt yêu cầu phục vụ cho mục đích sản xuất và bảo vệ môi trường.

CẢI TIẾN MỚI TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NĂM 2017

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Tuabin cột nước thấp trong hệ thống EVNGENCO 3:

- ✦ Việc phát triển dự án thủy điện vừa và nhỏ có công nghệ Tuabin phù hợp với cột nước địa hình thấp, lưu lượng lớn, trung bình đến nhỏ đã triển khai được đánh giá là giải pháp khai thác hiệu quả và bền vững nguồn năng lượng tái tạo từ thủy năng phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng công suất và sản lượng cho hệ thống điện quốc gia. Ngoài ra, việc áp dụng công nghệ Tuabin cột nước thấp có ưu điểm như vẫn giữ nguyên dòng chảy tự nhiên và diện tích bị ngập lụt, di dân, giải phóng mặt bằng, ảnh hưởng đến môi trường là rất ít.
- ✦ Trên cơ sở nghiên cứu về các loại hình công nghệ Tuabin cột nước thấp, EVNGENCO 3 đang tích cực triển khai nghiên cứu đầu tư, tìm kiếm địa điểm xây dựng mới dự án thủy điện vừa và nhỏ, đồng thời nghiên cứu ứng dụng loại hình công nghệ mới, ít gây ảnh hưởng đến môi trường như Tuabin cột nước thấp (Kaplan, Bulb, SLH), ... để áp dụng cho phù hợp với đặc điểm của từng dự án.

VIỆC LÀM & CHÍNH SÁCH

LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

EVNGENCO 3 LUÔN ĐẢM BẢO VIỆC LÀM VÀ ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG LUÔN ỔN ĐỊNH, ĐƯỢC QUAN TÂM, CHĂM SÓC ĐẦY ĐỦ QUYỀN LỢI VỀ VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT, ĐỒNG THỜI LUÔN KHUYẾN KHÍCH, TẠO ĐIỀU KIỆN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG RÈN LUYỆN, TRAU DỒI KIẾN THỨC, KỸ NĂNG ĐỂ PHÁT TRIỂN.

2.539 NGƯỜI

TỔNG SỐ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN
TẠI THỜI ĐIỂM NGÀY 31/12/2017

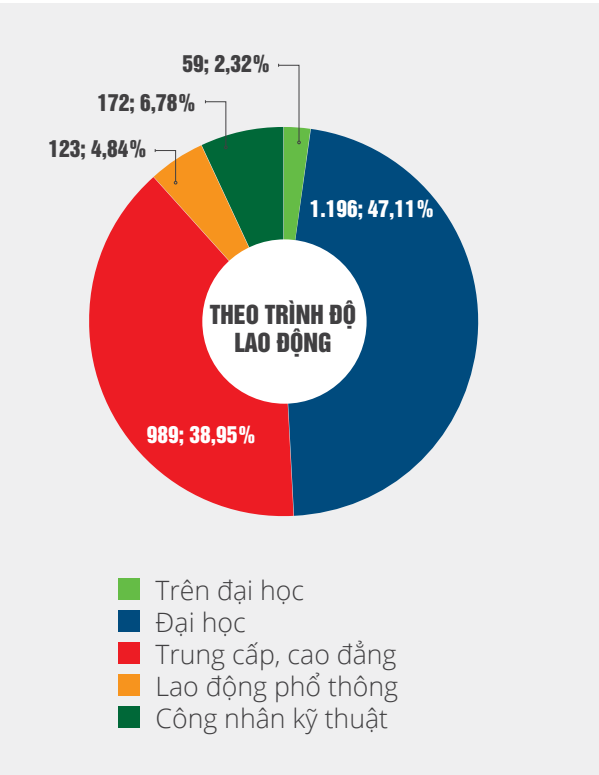


SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG

Tại thời điểm ngày 31/12/2017, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của EVNGENCO 3 là 2.539 người với cơ cấu lao động như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ lao động	2.539	100
1	Trên đại học	59	2,32
2	Đại học	1.196	47,11
3	Trung cấp, cao đẳng	989	38,95
4	Lao động phổ thông	123	4,84
5	Công nhân kỹ thuật	172	6,78
II	Phân theo giới tính	2.539	100
1	Nam	2.151	84,72
2	Nữ	388	15,28

Ghi chú: Lao động trên bao gồm số lao động của các đơn vị trực thuộc EVNGENCO 3: Công ty Nhiệt điện Thái Bình kiêm Ban QLDA Nhiệt điện Thái Bình, lực lượng CBSX NMND Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 mở rộng do EVNGENCO 3 quản lý để thực hiện chức năng tư vấn QLDA NMND Thái Bình và Vĩnh Tân 4 do EVN làm chủ đầu tư.



CÔNG TÁC TIỀN LƯƠNG

Căn cứ kết quả thực hiện về sản lượng điện, doanh thu, chi phí, lợi nhuận năm 2017 thì tiền lương bình quân thực hiện tăng 9,62% so với tiền lương bình quân kế hoạch năm 2017 và tăng 23,12% so với tiền lương bình quân thực hiện năm 2016.



CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

CBCNV luôn được quan tâm, chú trọng đào tạo để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn, tác phong chuyên nghiệp, tính kỷ luật và tiếp cận với công nghệ tiên tiến. Trong năm 2017, EVNGENCO 3 đã tổ chức 9.355 lượt NLD tham gia đào tạo. Trong đó: đào tạo về quản lý, chuyên môn nghiệp vụ là 4.644 lượt NLD; đào tạo nội bộ là 4.711 lượt NLD. Tập trung đào tạo lực lượng CBSX đảm bảo chất lượng tiếp nhận quản lý NMND Vĩnh Tân 4 và Thái Bình.

VIỆC LÀM & CHÍNH SÁCH
LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

NÂNG CAO PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Đội ngũ CBCNV tiếp tục phát huy năng lực và thể mạnh; thường xuyên được đào tạo; trau dồi và rèn luyện qua thực tế theo hướng chuyên môn hóa. Xây dựng tập thể lao động có tác phong công nghiệp, kỷ luật, kỷ cương.

Nâng cao năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn lực kỹ thuật có chuyên môn cao/chuyên gia trong lĩnh vực vận hành – sửa chữa, bắt kịp xu thế phát triển của nền công nghiệp hiện đại, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Xây dựng và triển khai có hiệu quả Đề án sắp xếp, bố trí lao động trong EVNGENCO 3 giai đoạn 2016 - 2020.

NÂNG CAO TINH THẦN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Sau những giờ làm việc tập trung, căng thẳng, EVNGENCO 3 thường tổ chức các hoạt động vui chơi, nghỉ dưỡng, teambuilding, hội thao nhân các dịp nghỉ lễ, tết, thành lập Tổng Công ty,... để nâng cao tinh thần đoàn kết trong toàn thể CBCNV. Cụ thể:

Chào mừng kỷ niệm 20 năm thành lập Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Công Đoàn Tổng Công ty kết hợp với Đoàn thanh niên tổ chức Hội thao Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ năm 2017, bao gồm 03 nội dung: môn Bóng đá mini (7 người), Tennis và Cầu lông. Hội thao diễn ra từ ngày 10/3/17 đến ngày 23/03/2017, với sự tham gia nhiệt tình và đông đảo từ các thành viên của 03 đơn vị trong Công ty (02 Phân xưởng Vận hành, Khối Nghiệp vụ) và 02 đơn vị khách mời là Công đoàn Cơ quan EVNGENCO 3 và Công đoàn Công ty EPS.

Triển khai các hoạt động hướng về cơ sở, “vì lợi ích đoàn viên”, trong các ngày từ 23/5 đến 26/5/2017 tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Tổng Công ty đã tổ chức Hội thao CNVCLĐ năm 2017 - do Công ty Thủy điện Buôn Kuốp đăng cai.



TẠI EVNGENCO 3, CHÚNG TÔI:

- ✧ Không phân biệt đối xử người lao động.
- ✧ Tôn trọng quyền tự do lập hội và tham gia thỏa ước tập thể của người lao động.
- ✧ Không sử dụng lao động trẻ em.
- ✧ Không cưỡng bức, bắt buộc lao động.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI
CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI
CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

TRONG SUỐT CHẶNG ĐƯỜNG HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA MÌNH, EVNGENCO 3 KHÔNG NHỮNG LÀM TỐT VAI TRÒ CỦA NGÀNH ĐIỆN VỀ QUY MÔ, THƯƠNG HIỆU, KHÔNG NHỮNG HOÀN THÀNH XUẤT SẮC NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH MÀ EVNGENCO 3 CÒN CHÚ TRỌNG TRONG CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI.



EVNGENCO 3 luôn ý thức việc thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng đối với doanh nghiệp được Đảng và Nhà nước giao phó, các hoạt động và chương trình an sinh xã hội luôn được CBCNV Tổng Công ty hưởng ứng nhiệt tình.

CÁC MỤC TIÊU MÀ EVNGENCO 3 CAM KẾT THỰC HIỆN:

- ✦ Nâng cao tinh thần đoàn kết, chia sẻ vì cộng đồng.
- ✦ Hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất cho địa phương.
- ✦ Hỗ trợ người dân các điều kiện sống cơ bản.
- ✦ Đầu tư cho giáo dục, xây dựng các chương trình trao tặng học bổng.

Trong năm qua, EVNGENCO 3 đã triển khai nhiều hoạt động an sinh xã hội cho các địa phương có đơn vị của Tổng Công ty hoạt động, kết hợp với hoạt động tuyên truyền bao gồm: xây dựng trường học (Trường Mầm non Sao Mai, Trường Tiểu học K'rong Ana), xây nhà tình nghĩa, tình thương; làm cầu, làm đường giao thông nông thôn; trao học bổng cho học sinh nghèo; thăm hỏi, trao quà cho các gia đình chính sách, tổ chức sinh hoạt vui chơi, tặng quà cho các trẻ em ở các địa phương nhân ngày Tết Nguyên Đán, 01/6, Tết Trung thu; tích cực tham gia các chương trình của EVN (tháng tri ân khách hàng, thăm hỏi, tặng quà cho quân dân trên đảo Trường Sa, xây nhà tình nghĩa tại tỉnh Quảng Nam,...).



CỤ THỂ:

Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ thực hiện “Tháng tri ân Khách hàng” - tháng 12/2017, nhằm chia sẻ một phần khó khăn của các hộ nghèo, gia đình chính sách trên địa bàn phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong Chương trình “Trao niềm tin, gửi yêu thương”, Ông Nguyễn Xuân Hiệp, Chủ tịch công đoàn đã đại diện Công ty trao 50 phần quà, mỗi phần trị giá 500.000 đồng cho các hộ gia đình nghèo có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng trên địa bàn. Bên cạnh đó, Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty còn phối hợp triển khai chương trình “Thắp sáng đường quê, thắp sáng niềm tin”. Chương trình đã sửa chữa điện cho 5 hộ gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình chính sách và đang triển khai xây 01 căn nhà tình thương, trị giá 70 triệu đồng cho 01 hộ nghèo.

Hưởng ứng tháng cao điểm “Vì người nghèo” từ 17/10 - 18/11/2017, chào mừng 87 năm Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc, tháng “Tri ân khách hàng” và ngày Truyền thống Điện lực Việt Nam (21/12), Công đoàn Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ phối hợp với Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc phường Phú Mỹ trao tặng 20 phần quà cho hộ nghèo, có hoàn cảnh khó khăn. Trong dịp này, Công đoàn Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ cũng trao tặng số tiền 10 triệu đồng vào Quỹ “Vì người nghèo” của Ủy Ban Mặt trận Tổ quốc phường Phú Mỹ, số tiền này đã được Công đoàn Công ty vận động đóng góp từ CBCNV.

Ngày 04/10/2017 (nhằm ngày 15 tháng 8 Âm lịch) tại khu quản lý Vận hành - Sửa chữa, Ban chấp hành Công đoàn, Ban Nữ công và BCH Đoàn Tổng Công ty và các Liên chi đoàn Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ và Công ty Dịch vụ Sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO 3 (EPS) đã cùng phối hợp tổ chức “Đêm hội trăng rằm” thật vui nhộn và đầy ý nghĩa cho hơn 400 cháu thiếu nhi là con em của CBCNV trong các đơn vị.



Phát huy truyền thống văn hóa của Công ty với tinh thần tương thân tương ái, Công đoàn Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình đã tổ chức đến thăm các cháu là con CBCNV bị bệnh hiểm nghèo, hoàn cảnh khó khăn phải điều trị trong thời gian dài và trao quà nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 1/6.

Nhân dịp “Tháng công nhân năm 2017” triển khai các hoạt động chăm lo cho đoàn viên công đoàn “Vì lợi ích đoàn viên”. Ngày 27/4/2017, đồng chí Khuất Quang Mậu - Chủ tịch Công đoàn Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); đồng chí Vũ Quang Sáng - Phó Chủ tịch Công đoàn EVNGENCO 3 đã tổ chức thăm hỏi, trao tặng quà cho Công đoàn Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, mỗi phần quà trị giá 30 triệu đồng.

Có thể nói những nỗ lực của EVNGENCO 3 suốt những năm qua trong công tác an sinh xã hội là nét đẹp văn hóa đầy tính nhân văn cao cả và cũng là truyền thống của lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV. An sinh xã hội đã góp phần mang lại những thành công nhất định trong việc hỗ trợ công tác xóa đói giảm nghèo và đền ơn đáp nghĩa, nhiều xã thuộc địa phương sau khi có sự hỗ trợ của EVNGENCO 3 đã thay đổi diện mạo, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của các hộ nghèo được cải thiện và nâng cao rõ rệt...

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	86
Báo cáo kiểm toán độc lập	87
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	90
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	93
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	94
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	96

Quyết định thành lập số	3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 Quyết định thành lập do Bộ Công thương cấp.	
Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số	3502208399 ngày 26 tháng 11 năm 2012 Giấy nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 27 tháng 2 năm 2017.	
Chủ tịch	Ông Nguyễn Văn Lê	
Ban Tổng Giám đốc	Ông Đinh Quốc Lâm Ông Trương Quốc Phúc Ông Phan Thanh Xuân Ông Lê Văn Danh Ông Cao Minh Trung Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower,
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Phone: +84 28 3821 9266 | kpmg.com.vn

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 và các công ty con**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 47.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited Branch in Ho Chi Minh City a Branch of KPMG limited, a Vietnamese one member limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative (“KPMG International”), a Swiss entity.



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower,
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
Phone: +84 28 3821 9266 | kpmg.com.vn

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

VẤN ĐỀ NHẤN MẠNH

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) trong báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 5344/BTC-TCĐN của Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”).

Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) và 3(b)(iii) của báo cáo tài chính hợp nhất.

CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 47. Thông tin bổ sung tại trang 48 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính hợp nhất và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-284



Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

				VND
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	1/1/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		18.796.560.872.860	18.785.582.668.582
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.889.503.224.142	2.058.553.861.920
Tiền	111		2.996.003.224.142	1.345.553.861.920
Các khoản tương đương tiền	112		1.893.500.000.000	713.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.771.000.000.000	1.050.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.771.000.000.000	1.050.500.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		8.947.167.559.377	12.462.718.469.153
Phải thu của khách hàng	131	6	8.494.115.262.620	7.182.532.965.775
Trả trước cho người bán	132		171.652.902.312	301.221.287.797
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	282.627.553.598	4.979.701.732.180
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.228.159.153)	(737.516.599)
Hàng tồn kho	140	8	3.080.370.970.600	3.040.394.560.198
Hàng tồn kho	141		3.081.307.660.656	3.040.800.862.431
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(936.690.056)	(406.302.233)
Tài sản ngắn hạn khác	150		108.519.118.741	173.415.777.311
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.626.027.908	8.803.198.570
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		92.345.538.765	39.746.883.281
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13(b)	13.547.552.068	124.865.695.460

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

				VND
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	1/1/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		62.588.641.268.619	66.804.780.077.695
Phải thu dài hạn	210		769.382.459	22.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		769.382.459	22.000.000
Tài sản cố định	220		56.869.179.072.117	61.569.028.164.052
Tài sản cố định hữu hình	221	9	56.804.027.238.108	61.501.566.138.204
- Nguyên giá	222		109.272.068.630.148	108.969.000.900.034
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.468.041.392.040)	(47.467.434.761.830)
Tài sản cố định vô hình	227	10	65.151.834.009	67.462.025.848
- Nguyên giá	228		83.265.837.897	83.265.837.897
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(18.114.003.888)	(15.803.812.049)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.788.284.168.769	3.414.930.012.417
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.788.284.168.769	3.414.930.012.417
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	1.830.593.857.582	1.763.692.020.793
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.341.623.914.594	1.287.523.689.312
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		518.884.589.388	518.884.589.388
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(29.914.646.400)	(42.716.257.907)
Tài sản dài hạn khác	260		99.814.787.692	57.107.880.433
Chi phí trả trước dài hạn	261		35.959.944.300	43.556.825.676
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		13.879.964.174	12.722.874.757
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		49.974.879.218	828.180.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		81.385.202.141.479	85.590.362.746.277

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

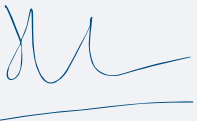
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VND			
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		31/12/2017
Nợ ngắn hạn	310		1/1/2017
Phải trả người bán	311	12	
Người mua trả tiền trước	312		
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13(a)	
Phải trả người lao động	314		
Chi phí phải trả	315		
Doanh thu chưa thực hiện	318		
Phải trả khác	319	14	
Vay ngắn hạn	320	15(a)	
Dự phòng ngắn hạn	321		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		
Nợ dài hạn	330		
Doanh thu chưa thực hiện	336		
Vay dài hạn	338	15(b)	
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		
Vốn chủ sở hữu	410	16	
Vốn góp	411	17	
Thặng dư vốn cổ phần	412		
Vốn khác của chủ sở hữu	414		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	19	
Quỹ đầu tư phát triển	418		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		


Vũ Phương Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng


Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

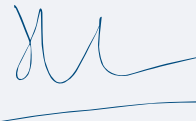
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VND			
	Mã số	Thuyết minh	
			2017
			2016
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	
Chi phí tài chính	22	24	
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24	5(b)	
Chi phí bán hàng	25		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		
Thu nhập khác	31		
Chi phí khác	32		
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		
Phân bổ:			
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		


Vũ Phương Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng


Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 03 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

			VND	
	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		468.870.590.543	304.807.446.728
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.030.141.824.339	5.854.621.849.041
Các khoản dự phòng	03		(5.152.634.045)	(8.418.064.780)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.175.579.797.120	664.947.095.393
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(177.139.787.366)	(128.263.390.521)
Lãi được chia từ công ty liên kết	05		(175.913.775.282)	(134.210.055.520)
Chi phí lãi vay	06		2.639.770.574.279	2.526.916.084.835
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		8.956.156.589.588	9.080.400.965.176
Biến động các khoản phải thu	09		(35.664.843.404)	(3.255.697.104.384)
Biến động hàng tồn kho	10		(89.653.497.443)	(494.051.537.811)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		549.465.516.145	1.092.164.210.774
Biến động chi phí trả trước	12		13.774.052.038	(11.441.690.711)
			9.394.077.816.924	6.411.374.843.044
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.589.663.456.503)	(2.271.962.110.066)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.191.653.983)	(64.648.298.828)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(52.440.798.852)	(55.939.050.251)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		6.719.781.907.586	4.018.825.383.899
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.448.562.313.542)	(3.115.785.661.299)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		229.694.400	231.546.000
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(1.651.000.000.000)	(500.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		930.500.000.000	304.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		241.432.074.441	225.194.077.312
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.927.400.544.701)	(3.086.860.037.987)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

			VND	
	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.491.344.526.277	3.106.838.875.511
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.431.990.191.780)	(3.116.820.889.625)
Tiền trả cổ tức	36		(20.786.335.160)	(20.764.884.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(1.961.432.000.663)	(30.746.898.254)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.830.949.362.222	901.218.447.658
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.058.553.861.920	1.157.335.414.262
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	4.889.503.224.142	2.058.553.861.920


Vũ Phương Thảo
Người lập biểu


Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng


Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 03 năm 2018

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 01 tháng 06 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty – Công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, một số Công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2017 gồm Tổng Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 3 công ty con (1/1/2017: 3 công ty con).

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương, Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ, Công ty Dịch vụ sửa chữa các Nhà máy điện EVNGENCO3;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân; Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình; và
- Văn phòng Tổng Công ty.

Các Công ty con như sau:

Công ty con	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		31/12/2017	1/1/2017
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	Sản xuất điện, sản xuất sản phẩm hóa chất, sửa chữa và lắp đặt thiết bị điện và các dịch vụ khác có liên quan.	54,76%	54,76%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Sản xuất kinh doanh điện năng, quản lý vận hành bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh, cải tạo thiết bị điện, các công trình kiến trúc nhà máy điện và các sản phẩm dịch vụ có liên quan khác.	79,56%	79,56%
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	Sản xuất điện, sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí, sửa chữa và kinh doanh thiết bị điện và các dịch vụ có liên quan khác	100,00%	100,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty có 3.491 nhân viên (1/1/2017: 3.386 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

3. **TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

(a) **Cơ sở hợp nhất** (tiếp theo)

(iv) **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) **Các giao dịch loại trừ khi hợp nhất**

Số dư của giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Nhóm Công ty được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(vi) **Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) **Ngoại tệ**

(i) **Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyển đổi theo tỷ giá bán ra (bằng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CĐKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 4246/EVN-TCK ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2017 (“Công văn 4246”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) **Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia**

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 410.339.937.447 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: lần lượt giảm và tăng là 428.777.794.857 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu”, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (giả định bỏ qua tác động của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 1.098.488.973.504 VND (1/1/2017: lần lượt tăng và giảm 1.508.828.910.951 VND).

(iii) **Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 5344/BTC-TCĐN của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm và tăng tương ứng là 514.677.440.921 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: lần lượt tăng và giảm là: 486.514.926.344 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (giả định bỏ qua tác động của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 1.350.707.975.274 VND, (1/1/2017: lần lượt tăng và giảm là: 1.865.385.416.195 VND).

(c) **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU *(tiếp theo)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa được hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

3. **TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

(j) **Chi phí trả trước dài hạn**

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(k) **Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) **Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(n) **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp.

(o) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) ***Doanh thu bán điện***

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) ***Doanh thu cho thuê***

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) ***Doanh thu từ tiền lãi***

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) ***Doanh thu từ cổ tức***

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) **Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) **Các bên liên quan**

Các bên được xem có liên quan với Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là các bên liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND		
	31/12/2017	1/1/2017
Tiền mặt	2.142.279.718	2.795.273.955
Tiền gửi ngân hàng	2.993.860.944.424	1.342.758.587.965
Các khoản tương đương tiền	1.893.500.000.000	713.000.000.000
	4.889.503.224.142	2.058.553.861.920

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc một đến ba tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 4,3% - 5,5%/năm (năm 2016: 4,3% - 4,8%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

VND		
	31/12/2017	1/1/2017
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan	490.000.000.000	510.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1.281.000.000.000	540.500.000.000
	1.771.000.000.000	1.050.500.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng với lãi suất được hưởng là 5,3% - 7,1%/năm (2016: 5,5% - 6,7%/năm).

(b)

Đầu tư tài chính dài hạn

31/12/2017				1/1/2017				
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng	% sở hữu	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên kết								
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (i)	30,00%	271.553.053.099	457.200.000.000	-	30,00%	263.523.062.906	476.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (ii)	30,60%	898.907.128.098	1.083.891.505.600	-	30,60%	875.121.508.432	976.762.694.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A (iii)	30,00%	171.163.733.397	(*)	-	30,00%	148.879.117.974	(*)	-
	1.341.623.914.594			-	1.287.523.689.312			
Đầu tư vào đơn vị khác								
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,50%	64.000.000.000	238.584.320.000	-	2,50%	64.000.000.000	194.428.416.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	(*)	-	15,00%	74.463.661.588	(*)	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,60%	19.600.000.000	(*)	-	0,60%	19.600.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (iv)	1,80%	114.770.927.800	84.856.281.400	29.914.646.400	1,80%	114.770.927.800	72.054.669.893	42.716.257.907
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải phòng (iv)	1,60%	108.730.000.000	123.300.000.000	-	1,60%	108.730.000.000	108.730.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Buôn Đôn	19,89%	83.750.000.000	(*)	-	19,89%	83.750.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	12,10%	50.000.000.000	(*)	-	12,10%	50.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ sửa chữa Nhiệt Điện Miền Bắc	2,70%	2.500.000.000	(*)	-	2,70%	2.500.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	0,03%	1.070.000.000	2.434.250.000	-	0,03%	1.070.000.000	1.786.900.000	-
	518.884.589.388 (*)			29.914.646.400	518.884.589.388 (*)			42.716.257.907

VND

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị này tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 03 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Nhóm Công ty Điện lực Việt Nam. Ngày 04 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 05 năm 2005. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 01 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.
- (iv) Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh và công ty cổ phần nhiệt điện Hải Phòng lần lượt đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ các ngày 16 tháng 3 năm 2017 và ngày 5 tháng 10 năm 2016 (“ngày niêm yết”). Do đó, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này dựa vào giá thị trường kể từ ngày niêm yết. Trước ngày niêm yết, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này được lập khi hai công ty này phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

VND		
	31/12/2017	1/1/2017
Tổng tài sản	8.678.953.518.987	8.110.772.610.598
Tổng công nợ	4.372.130.740.683	3.969.489.059.302
Tài sản thuần	4.306.822.778.304	4.141.283.551.296
Phần tài sản thuần trong các công ty liên kết	1.341.623.914.594	1.287.523.689.312

VND		
	2017	2016
Doanh thu	1.214.620.759.101	962.456.689.927
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	580.700.220.247	442.204.410.789
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	175.913.775.282	134.210.055.520

Biến động đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

VND		
	2017	2016
Số dư đầu năm	1.287.523.689.312	1.267.507.183.792
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	175.913.775.282	134.210.055.520
Chia cổ tức	(121.813.550.000)	(114.193.550.000)
Số dư cuối năm	1.341.623.914.594	1.287.523.689.312

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

VND		
	2017	2016
Số dư đầu năm	42.716.257.907	54.115.017.028
Hoàn nhập	(12.801.611.507)	(11.398.759.121)
Số dư cuối năm	29.914.646.400	42.716.257.907

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

VND		
	31/12/2017	1/1/2017
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	8.462.852.528.470	7.156.802.587.993
Nhà máy điện Vĩnh Tân 4 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	9.171.757.100	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	-	11.542.250.000
Các bên liên quan khác	2.746.860.739	-
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	19.344.116.311	14.188.127.782
	8.494.115.262.620	7.182.532.965.775

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VND		
	31/12/2017	1/1/2017
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	98.292.977.878	4.381.623.005.587
Công ty TNHH Huyndai Việt Nam	185.242.610	401.479.171.901
Lãi tiền gửi phải thu	24.943.348.477	19.161.500.581
Cổ tức được chia	14.258.437.500	19.050.000.000
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 3	-	833.367.237
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	2.722.222.222	6.483.000.000
Phải thu khác	142.225.324.911	151.071.686.874
	282.627.553.598	4.979.701.732.180

8. HÀNG TỒN KHO

VND

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	163.688.001.391	-	102.911.681.740	-
Nguyên vật liệu	2.839.114.070.812	(936.690.056)	2.902.753.702.883	(406.302.233)
Công cụ và dụng cụ	53.101.657.256	-	20.951.485.799	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.153.916.771	-	13.661.450.706	-
Thành phẩm	250.014.426	-	505.198.091	-
Hàng hóa	-	-	17.343.212	-
	3.081.307.660.656	(936.690.056)	3.040.800.862.431	(406.302.233)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh dự phòng giảm giá nguyên vật liệu và có biến động trong năm như sau:

VND

	2017	2016
Số dư đầu năm	406.302.233	11.284.555.675
Tăng dự phòng trong năm	530.387.823	-
Hoàn nhập	-	(10.878.253.442)
Số dư cuối năm	936.690.056	406.302.233

9.

TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc và thiết bị		Phương tiện vận chuyển		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	18.911.661.185.227	83.173.262.807.448	6.749.142.245.149	128.617.967.050	6.316.695.160	108.969.000.900.034				
Tăng trong năm	1.300.355.931	36.617.350.007	6.147.819.463	7.755.758.275	-	51.821.283.676				
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (thuyết minh 11)	239.379.985.955	72.485.335.671	1.351.934.230	6.382.647.004	-	319.599.902.860				
Bàn giao sang các bên liên quan khác	-	(62.197.156.745)	2.439.135.716	-	-	(59.758.021.029)				
Thanh lý	-	(398.594.840)	(1.752.051.800)	(434.267.468)	-	(2.584.914.108)				
Phân loại lại	(154.618.178)	(33.281.721.033)	39.790.510.610	(266.054.160)	(6.088.117.239)	-				
Giảm khác	-	(6.010.521.285)	-	-	-	(6.010.521.285)				
Số dư cuối năm	19.152.186.908.935	83.180.477.499.223	6.797.119.593.368	142.056.050.701	228.577.921	109.272.068.630.148				
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	5.342.286.484.842	39.754.133.401.849	2.289.291.267.469	79.940.230.769	1.783.376.901	47.467.434.761.830				
Khấu hao trong năm	736.718.190.155	3.926.371.042.745	344.430.207.025	20.298.575.590	13.616.985	5.027.831.632.500				
Bàn giao sang các bên liên quan khác	-	(25.384.139.859)	743.045.690	-	-	(24.641.094.169)				
Thanh lý	-	(398.594.840)	(1.750.431.857)	(434.267.468)	-	(2.583.294.165)				
Phân loại lại	(457.834.294.365)	452.693.096.220	4.478.242.683	2.270.903.759	(1.607.948.297)	-				
Giảm khác	-	(613.956)	-	-	-	(613.956)				
Số dư cuối năm	5.621.170.380.632	44.107.414.192.159	2.637.192.331.010	102.075.442.650	189.045.589	52.468.041.392.040				
Giá trị còn lại										
Số dư đầu năm	13.569.374.700.385	43.419.129.405.599	4.459.850.977.680	48.677.736.281	4.533.318.259	61.501.566.138.204				
Số dư cuối năm	13.531.016.528.303	39.073.063.307.064	4.159.927.262.358	39.980.608.051	39.532.332	56.804.027.238.108				

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 26.135.642.244.347 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 9.540.548.196.787 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.963 tỷ VND (1/1/2017: 2.134 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 15(b)(*)).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND				
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Bản quyền chuyển giao công nghệ	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	67.463.477.322	12.031.469.427	3.770.891.148	83.265.837.897
Khấu hao trong năm				
Số dư đầu năm	9.110.439.504	3.192.437.940	3.500.934.605	15.803.812.049
Khấu hao trong năm	976.159.776	1.064.075.520	269.956.543	2.310.191.839
Số dư cuối năm	10.086.599.280	4.256.513.460	3.770.891.148	18.114.003.888
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	58.353.037.818	8.839.031.487	269.956.543	67.462.025.848
Số dư cuối năm	57.376.878.042	7.774.955.967	-	65.151.834.009

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 8.015.608.652 VND (1/1/2017: 8.015.608.652 VND) không tính khấu hao.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 8.266.854.853 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 4.495.693.705 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

VND		
	2017	2016
Số dư đầu năm	3.414.930.012.417	2.633.932.162.096
Tăng trong năm do mua mới	1.299.858.698.895	1.846.912.357.764
Chi phí lãi vay vốn hóa	12.197.470.951	4.658.591.687
Chuyển sang hàng tồn kho	(564.959.929.281)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (thuyết minh 9)	(319.599.902.860)	(1.034.276.023.390)
Giảm khác	(54.142.181.353)	(36.297.075.740)
Số dư cuối năm	3.788.284.168.769	3.414.930.012.417

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

VND		
	31/12/2017	1/1/2017
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương	1.546.836.406.303	1.124.652.173.310
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	711.263.163.190	1.367.507.249.414
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	897.011.032.903	494.162.589.458
Cảng than Vĩnh Tân	483.510.872.821	338.960.447.028
Khác	149.662.693.552	89.647.553.207
	3.788.284.168.769	3.414.930.012.417

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

VND		
	31/12/2017	1/1/2017
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	362.080.222	1.761.518.280
Các bên liên quan khác	8.488.557.510	11.573.895.245
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển Khí Đông Nam Bộ	3.190.542.474.065	2.488.734.916.271
Công ty Shanghai Electric Group	1.525.447.889.495	1.846.413.913.829
Các nhà cung cấp khác	1.406.707.070.971	1.238.995.209.884
	6.131.548.072.263	5.587.479.453.509
Số có khả năng trả nợ	6.131.548.072.263	5.587.479.453.509

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP VÀ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Phân loại lại	31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng	59.987.914.761	1.196.456.179.388	(1.137.564.319.791)	(71.367.397.074)	47.512.377.284
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.940.769.184	153.329.336.737	(32.191.653.983)	(40.979.463.014)	102.098.988.924
Thuế nhà thầu	3.078.328.836	14.457.194.561	(17.535.523.397)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	27.200.606.722	(27.200.606.722)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.280.779.859	23.874.279.411	(24.715.904.563)	1.238.343.021	3.677.497.728
Thuế tài nguyên	33.632.455.784	358.971.218.404	(355.271.990.361)	-	37.331.683.827
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	551.920.000	18.431.062.130	(18.773.404.805)	(209.577.325)	-
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	22.018.264.900	80.024.490.260	(71.572.115.766)	-	30.470.639.394
Các loại thuế khác	201.600.000	108.461.377	(310.012.377)	(49.000)	-
	144.692.033.324	1.872.852.828.990	(1.685.135.531.765)	(111.318.143.392)	221.091.187.157

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2017	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Phân loại lại	31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng	81.995.358.552	-	-	(71.367.397.074)	10.627.961.478
Thuế thu nhập doanh nghiệp	41.119.913.014	-	-	(40.979.463.014)	140.450.000
Thuế thu nhập cá nhân	1.540.747.944	-	-	1.238.343.021	2.779.090.965
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	209.626.950	-	-	(209.577.325)	49.625
Các loại thuế khác	49.000	-	-	(49.000)	-
	124.865.695.460	-	-	(111.318.143.392)	13.547.552.068

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017	1/1/2017
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	692.641.114.110	641.272.298.291
Các bên liên quan khác	-	27.000.000
Bên thứ ba		
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	180.234.266.182	188.152.714.542
Phải trả khác	115.430.360.966	111.526.241.840
	988.305.741.258	940.978.254.673

(*) Chi tiết các khoản phải trả khác cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam

	31/12/2017	1/1/2017
Lãi vay, phí vay lại	672.519.931.249	621.272.298.291
Phải trả khác	20.121.182.861	20.000.000.000
	692.641.114.110	641.272.298.291

15. VAY

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017				Biến động trong năm		Đánh giá chênh lệch tỷ giá	31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ		Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm		Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn		-	-	-	261.000.000.000	(261.000.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.337.579.626.421	3.337.579.626.421	3.337.579.626.421	4.623.825.551.773	(3.170.990.191.780)		14.387.006.880	4.804.801.993.294	4.804.801.993.294
	3.337.579.626.421	3.337.579.626.421	3.337.579.626.421	4.884.825.551.773	(3.431.990.191.780)		14.387.006.880	4.804.801.993.294	4.804.801.993.294

(b) Vay dài hạn

	1/1/2017		Tăng	Giảm		Cấn trừ công nợ với EVN	Đánh giá chênh lệch tỷ giá	31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ			Chuyển về EVN				Giá trị ghi sổ	
Vay dài hạn	65.841.567.561.556	1.230.344.526.277		(4.623.825.551.773)	(3.506.018.228.841)	(875.604.776.746)	230.799.198.048	58.297.262.728.521	

VND

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

				VND	
	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2017	1/1/2017	
Vay từ các tổ chức					
Dự án Nhiệt điện Mông Dương					
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	119.480.387.242	135.356.263.918	
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	97.395.223.254	599.000.000.000	
Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2					
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	2.350.000.000.000	2.172.769.979.856	
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	-	374.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.741.390.481.376	1.966.086.027.360	
Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2029	-	2.338.883.568.274	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2029	-	1.167.134.660.567	
Dự án Cảng than Vĩnh Tân					
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	-	553.230.020.144	
Dự án Thủy điện Buôn Kuốp					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	290.000.000.000	165.000.000.000	
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	178.000.000.000	178.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng	VND	2021	102.393.118.612	133.881.118.612	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	VND	2019	184.132.364.311	276.196.364.311	
Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah					
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	338.000.000.000	338.000.000.000	
Dự án Thủy điện Srêpôk 3					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	-	165.000.000.000	
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	202.000.000.000	202.000.000.000	
Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân					
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	VND	2026	164.801.951.161	90.571.810.108	
			5.767.593.525.956	10.855.109.813.150	

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

			VND	
			31/12/2017	1/1/2017
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	449.463.107.334	463.999.704.804
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	19.249.288.966.287	19.035.820.381.561
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	9.728.811.701.938	10.681.142.416.666
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	6.820.268.027.292	6.254.621.639.385
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.948.880.435.441	1.911.218.327.802
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	12.888.251.462.258	9.925.971.370.883
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	96.072.108.793	103.400.575.863
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	71.059.575.068	75.387.491.087
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	107.768.022.992	144.038.310.850
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	83.590.802.249	139.191.924.107
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2017	-	39.132.649.648
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	229.041.639.962	306.127.643.119
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	332.053.575.761	553.422.601.761
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.781.161.023.365	5.072.359.835.098
<i>Dự án Cảng than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	-	582.145.826.724
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	-	2.499.490.611.601
<i>Dự án Đuôi hơi 306-2 Nhà Máy Điện Bà Rịa</i>				
Chi nhánh Ngân hàng Phát Triển Bà Rịa – Vũng Tàu	KRW	2028	548.760.747.119	536.566.063.868
			57.334.471.195.859	58.324.037.374.827
			63.102.064.721.815	69.179.147.187.977

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay USD từ 1,65% đến 5,15% (2016: từ 1,65% đến 5,15%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay VND từ 8,80% đến 9,80% (2016: từ 8,80% đến 9,80%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay JPY từ 1,15% đến 2,75% (2016: từ 1,15% đến 2,75%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay CNY là 3,60% (2016: 3,60%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay KRW là 2,40% trong suốt thời hạn cho vay lại là 13 năm.

(*) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được đảm bảo bằng nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.963 tỷ VND (1/1/2017: 2.134 tỷ VND).

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

16. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

			Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư cố định xây dựng cơ bản	Lợi ích không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016			10.561.460.840.439	6.014.917.945	14.151.282.502	(3.316.477.195.659)	152.791.883.743	15.926.238.964	793.111.874.096	114.585.369.933	338.780.676.469	8.680.345.888.432
Tàgũ(gũm) vổn trổng nũm			483.854.286	-	-	-	-	-	-	(483.854.286)	-	-
Phũn loũi lũi			-	-	2.121.953.696	-	(2.121.953.696)	-	-	-	-	-
Trũch quỹ thũc vổn chủ sở hữu			-	-	-	-	67.608.967.555	257.095.157	(67.866.062.712)	-	-	-
Trũch quỹ khũen thũởng phũc lũi			-	-	-	-	-	-	(130.774.478.773)	-	(7.324.123.852)	(138.098.602.625)
Lũi nhũn trổng nũm			-	-	-	-	-	-	231.187.193.355	-	34.286.342.019	265.473.535374
Chũnh lũch tỷ gũũ			-	-	-	(57.737.131.487)	-	-	-	-	-	(57.737.131.487)
Cổ tũc			-	-	-	-	-	-	-	-	(21.093.784.940)	(21.093.784.940)
Giũm khũc			-	-	-	-	-	(243.408.077)	(29.852.961)	-	(87.197.743)	(360.458.781)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			10.561.944.694.725	6.014.917.945	16.273.236.198	(3.374.214.327.146)	218.278.897.602	15.939.926.044	825.628.673.005	114.101.515.647	344.561.911.953	8.728.529.445.973
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017			10.561.944.694.725	6.014.917.945	16.273.236.198	(3.374.214.327.146)	218.278.897.602	15.939.926.044	825.628.673.005	114.101.515.647	344.561.911.953	8.728.529.445.973
Trũch đũu tư phũt trũĩn			-	-	-	-	73.425.935.578	-	(73.425.935.578)	-	-	-
Trũch quỹ khũen thũởng phũc lũi			-	-	-	-	-	-	(151.571.573.836)	-	(6.683.732.398)	(158.255.306.234)
Lũi nhũn trổng nũm			-	-	-	-	-	-	280.726.839.785	-	35.971.503.438	316.698.343.223
Chũnh lũch tỷ gũũ			-	-	-	925.017.378.368	-	-	-	-	-	925.017.378.368
Cổ tũc			-	-	-	-	-	-	-	-	(21.092.133.000)	(21.092.133.000)
Giũm khũc			-	-	-	-	(499.211.736)	-	-	-	(499.211.736)	(499.211.736)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017			10.561.944.694.725	6.014.917.945	16.273.236.198	(2.449.196.948.778)	291.205.621.444	15.939.926.044	881.358.003.376	114.101.515.647	352.757.549.993	9.790.398.516.594

17. VỐN GÓP

Biến động vốn góp trong năm như sau:

VND		
	2017	2016
Số dư đầu năm	10.561.944.694.725	10.561.460.840.439
Tăng vốn trong năm	-	483.854.286
Số dư cuối năm	10.561.944.694.725	10.561.944.694.725

Công ty mẹ trực tiếp và cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

18. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Nhóm Công ty phân phối lợi nhuận theo quy định tại điều 31 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ và Quy chế Quản lý Tài chính của các công ty cổ phần.

19. CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

VND				
	1/1/2017	Phát sinh	Phân bổ vào chi phí	31/12/2017
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)	1.508.828.910.951	6.869.803.197	(417.209.740.644)	1.098.488.973.504
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)	1.865.385.416.195	-	(514.677.440.921)	1.350.707.975.274
	3.374.214.327.146	6.869.803.197	(931.887.181.565)	2.449.196.948.778

VND				
	1/1/2016	Phát sinh	Phân bổ vào chi phí	31/12/2016
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)	1.937.606.705.808	(11.568.054.212)	(417.209.740.645)	1.508.828.910.951
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)	1.378.870.489.851	729.364.236.401	(242.849.310.057)	1.865.385.416.195
	3.316.477.195.659	717.796.182.189	(660.059.050.702)	3.374.214.327.146

(i) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (thuyết minh 3(b)(ii)).

(ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (thuyết minh 3(b)(iii)).

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

VND		
	31/12/2017	1/1/2017
Trong vòng một năm	10.597.532.991	7.207.089.774
Từ hai đến năm năm	45.465.429.463	28.828.359.095
Sau năm năm	292.575.977.240	223.976.216.378
	348.638.939.694	260.011.665.247

(b) Ngoại tệ

VND				
	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương	Nguyên tệ	Tương đương
Đô la Mỹ	66.049,67	1.496.632.698	61.707,00	1.401.238.094

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31/12/2017, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Nhóm Công ty sẽ đầu tư 1.251.447 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác (1/1/2017: 3.716.126 triệu VND).

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VND		
	2017	2016
Doanh thu tiêu thụ điện	37.646.560.437.982	35.774.143.725.908
Doanh thu bán sản phẩm và dịch vụ khác	260.550.742.766	168.286.309.936
	37.907.111.180.748	35.942.430.035.844

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND		
	2017	2016
Giá vốn tiêu thụ điện	33.350.453.433.632	32.284.620.765.547
Giá vốn sản phẩm và dịch vụ khác	251.383.619.026	117.306.043.257
	33.601.837.052.658	32.401.926.808.804

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VND		
	2017	2016
Lãi tiền gửi	125.180.262.748	89.208.084.915
Cổ tức được chia	51.671.954.000	38.831.381.940
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	16.092.655.718	28.827.289.297
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	13.644.051.362	60.073.808.566
	206.588.923.828	216.940.564.718

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND		
	2017	2016
Chi phí lãi vay	2.639.770.574.279	2.526.916.084.835
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	18.088.860.426	42.820.593.709
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.189.223.848.482	725.020.903.959
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(12.801.611.507)	(11.398.759.121)
Chi phí tài chính khác	6.330.300	935.015
	3.834.288.001.980	3.283.359.758.397

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND		
	2017	2016
Chi phí nhân viên	213.582.496.637	192.018.383.887
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.212.444.227	56.415.425.487
Chi phí khác	166.218.475.664	142.439.070.332
	437.013.416.528	390.872.879.706

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND		
	2017	2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.850.756.002.905	23.521.399.338.752
Chi phí nhân công	783.444.408.257	717.419.419.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.001.950.528.314	5.854.591.849.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	527.634.417.356	350.668.025.872
Chi phí sửa chữa lớn	2.140.133.276.979	1.711.289.859.005
Chi phí khác	735.027.687.697	637.665.072.187

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

VND		
	2017	2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	153.108.628.178	40.365.438.584
Năm trước	220.708.559	1.703.613.527
	153.329.336.737	42.069.052.111
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(1.157.089.417)	(2.735.140.757)
Chi phí thuế thu nhập	152.172.247.320	39.333.911.354

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

VND		
	2017	2016
Lợi nhuận kế toán trước thuế	468.870.590.543	304.807.446.728
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	93.774.118.109	60.961.489.345
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(46.435.531.300)	(34.608.287.492)
Chi phí không được khấu trừ thuế	212.447.022.387	1.795.166.693
Chi phí thuế thu nhập năm trước	220.708.559	1.703.613.527
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	-	9.481.929.281
Ưu đãi thuế	(107.834.070.435)	-
	152.172.247.320	39.333.911.354

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

28. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

VND		
	2017	2016
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	1.791.659.620.757	1.888.541.951.728
Bàn giao khoản vay về công ty mẹ	3.506.018.228.841	-
Cần trừ công nợ giữa vay và phải thu khách hàng	875.604.776.746	-
Chi phí lãi vay vốn hóa	12.197.470.951	4.658.591.687
Lãi vay vốn hóa vào gốc vay	-	151.764.775.065
Cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả	3.734.935.870	3.429.138.030

29. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

VND		
	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	128.443.231.126	118.906.287.343
Vay trong năm	1.156.114.385.224	2.861.111.745.005
Thanh toán vay trong năm	2.396.678.847.034	2.244.198.842.459
Lãi vay	2.135.322.136.357	2.298.663.450.651
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	37.646.534.251.297	35.773.658.090.813
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải		
Cung cấp dịch vụ	2.913.513.946	1.102.697.640
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)		
Mua điện	8.074.281.106	5.711.774.770
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Mua dịch vụ	3.079.872.790	5.374.769.868
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua dịch vụ	7.818.244.357	5.567.887.306
Cung cấp dịch vụ	2.527.500.000	14.322.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Mua dịch vụ	2.326.989.530	2.907.172.899
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Mua dịch vụ	12.644.774.648	9.724.635.250
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Thu lãi tiền gửi	25.618.437.500	23.002.944.447
Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - công Ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam		
Mua dịch vụ	1.861.737.114	2.103.227.235
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi Nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam		
Mua dịch vụ	4.104.691.761	2.424.470.842
Tổng Công ty Truyền tải Điện		
Lãi vay	-	1.475.000.000
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2		
Cổ tức được chia	22.077.952.000	25.748.480.000
Công ty CP Dịch vụ sửa chữa điện miền Bắc		
Cổ tức được chia	300.000.000	375.000.000
Cán bộ cấp quản lý		
Tiền lương và thưởng	12.858.429.110	11.907.191.000

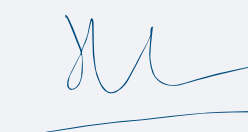
30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

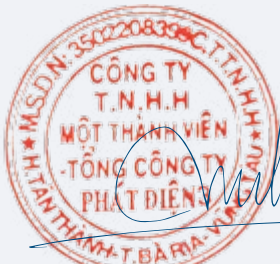


Vũ Phương Thảo
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 03 năm 2018



Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY PHÁT ĐIỆN 3

📍 : KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

☎ : (84.254) 387.6927

📠 : (84.254) 387.6930

✉ : genco3@genco3.evn.vn

🌐 : www.genco3.com